

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG
CHỨNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY
ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CỔ PHIẾU. MỌI TUYÊN
BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM SAO TA



(Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 2200208753 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sóc
Trăng cấp, đăng ký lần đầu ngày 19 tháng 12 năm 2002, đăng ký thay đổi lần thứ 22 ngày 06 tháng
11 năm 2019)

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 353. /GCN-UBCK do
Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 31..... tháng 12... năm 2020)

TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI



BẢN CÁO BẠCH NÀY VÀ TÀI LIỆU BỔ SUNG SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI:

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM SAO TA

Trụ sở chính: Km 2132, Quốc lộ 1A, Phường 2, Thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng
Điện thoại: (0299) 3822223 – 3822201 Fax: (0299) 3822122 - 3825665

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI

Trụ sở chính: 72 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại: (028) 3824 2897 Fax: (028) 3824 2997

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN:

Họ và tên: Ông Phạm Hoàng Việt Chức vụ: Tổng Giám đốc
Điện thoại: (0299) 3822223 – 3822201 Fax: (0299) 3822122 - 3825665
Email: info@fimexvn.com



CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM SAO TA

(Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 2200208753 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sóc Trăng cấp, đăng ký lần đầu ngày 19 tháng 12 năm 2002, đăng ký thay đổi lần thứ 22 ngày 06 tháng 11 năm 2019)

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

Tên cổ phiếu	:	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
Loại cổ phiếu	:	Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá	:	10.000 đồng/cổ phiếu
Giá bán	:	25.000 đồng/cổ phiếu
Tổng số lượng chào bán	:	9.808.800 cổ phiếu
Tổng giá trị chào bán	:	245.220.000.000 đồng

TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI

Trụ sở chính

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: (028) 3824 2897

Fax: (028) 3824 2997

Email: ssi@ssi.com.vn

Trang Web: www.ssi.com.vn

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

CÔNG TY TNHH ERNST & YOUNG VIỆT NAM

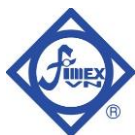
Địa chỉ: Lầu 28, Tòa nhà Bitexco Financial Tower, 02 Hải Triều, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 3824 5252

Fax: (028) 3824 5250

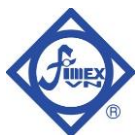
Email: eyhcmc@vn.ey.com

Trang Web: www.ey.com



MỤC LỤC

I.	CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	7
1.	Rủi ro về kinh tế	7
2.	Rủi ro pháp luật	10
3.	Rủi ro đặc thù ngành	11
4.	Rủi ro của đợt chào bán	12
5.	Rủi ro pha loãng	13
6.	Rủi ro quản trị công ty.....	14
7.	Rủi ro khác.....	14
II.	NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH.....	15
1.	Tổ chức phát hành.....	15
2.	Tổ chức tư vấn	15
III.	CÁC KHÁI NIỆM	16
IV.	TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH.....	17
1.	Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	17
2.	Cơ cấu tổ chức công ty	20
3.	Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty	20
4.	Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông tại ngày chốt danh sách trên mức vốn thực góp hiện tại.....	23
5.	Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức phát hành, những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành.....	24
6.	Giới thiệu về quá trình tăng vốn của Công ty.....	24
7.	Hoạt động kinh doanh	25
7.1	Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ qua các năm.....	25
7.2	Báo cáo tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh hay cung cấp dịch vụ trong các lĩnh vực đầu tư, sản xuất kinh doanh hay cung cấp dịch vụ chính của tổ chức phát hành.....	33
7.3	Hoạt động Marketing	36
7.4	Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền.....	36
7.5	Các hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã được ký kết.....	37



8.	Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất .38	
8.1	Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong 2 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất.....	38
8.2	Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo	39
9.	Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành	40
9.1.	Vị thế của Công ty trong ngành	40
9.2.	Triển vọng phát triển của ngành	42
9.3.	Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới	43
10.	Chính sách đối với người lao động	44
10.1.	Số lượng và cơ cấu người lao động trong công ty	44
10.2.	Chính sách nhân sự	44
11.	Chính sách cổ tức.....	46
12.	Tình hình hoạt động tài chính.....	47
12.1	Các chỉ tiêu cơ bản.....	47
12.2	Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu.....	53
13.	Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng	54
13.1	Hội đồng Quản trị.....	55
13.2	Ban Tổng Giám Đốc	61
13.3	Ban Kiểm soát	68
13.4	Kế toán trưởng	72
14.	Tài sản	72
15.	Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức các năm tiếp theo	73
16.	Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức.....	74
17.	Thời hạn dự kiến đưa cổ phiếu vào giao dịch trên thị trường có tổ chức.....	75
18.	Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức phát hành.....	75
19.	Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu chào bán	75
V.	CỔ PHIẾU CHÀO BÁN	76



BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN 2020
CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM SAO TA



1.	Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông.....	76
2.	Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu	76
3.	Tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán: 9.808.800 cổ phần	76
4.	Giá chào bán dự kiến: 25.000 đồng/cổ phiếu	76
5.	Phương pháp tính giá.....	76
6.	Phương thức phân phối.....	77
7.	Thời gian phân phối cổ phiếu	78
8.	Đăng ký mua cổ phiếu.....	79
9.	Phương thức thực hiện quyền	80
10.	Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài	81
11.	Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng.....	83
12.	Các loại thuế liên quan	83
	12.1 Đối với Công ty	83
	12.2 Đối với nhà đầu tư	84
13.	Ngân hàng mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu	85
VI.	MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN	85
1.	Mục đích chào bán	85
2.	Phương án khả thi.....	86
	2.1 Căn cứ pháp lý của Dự án	86
	2.2 Sự cần thiết phải đầu tư dự án:.....	86
	2.3 Mô tả chi tiết về dự án:	86
	2.4 Cơ cấu sử dụng đất của dự án	87
	2.5 Tổng mức đầu tư của dự án.....	88
	2.6 Nguồn vốn đầu tư dự án	88
	2.7 Chỉ tiêu hiệu quả dự án	88
	2.8 Đánh giá hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án.....	89
	2.9 Hiện trạng của dự án.....	89
VII.	KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN.....	89
VIII.	CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN	91



BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN 2020
CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM SAO TA



1.	Tổ chức chào bán.....	91
2.	Tổ chức kiểm toán	91
3.	Tổ chức tư vấn	91
IX.	PHỤ LỤC	92
X.	NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA CÁC ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH, TỔ CHỨC TƯ VẤN	92

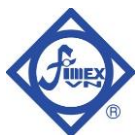


DANH SÁCH CÁC HÌNH

Hình 1: Tăng trưởng GDP của Việt Nam giai đoạn 2007 - 2019	7
Hình 2: Tỷ lệ lạm phát của Việt Nam giai đoạn 2007 - 2019.....	8
Hình 3: Tương quan VND và một số ngoại tệ năm 2019.....	9
Hình 4: Lãi suất trên thị trường 1 kỳ hạn 13 tháng.....	10
Hình 5: Sơ đồ cơ cấu tổ chức Công ty.....	20
Hình 6: Chuỗi hoạt động sản xuất tại FMC	30
Hình 7: Thị phần xuất khẩu tôm của Việt Nam trong năm 2019	40

DANH SÁCH CÁC BẢNG

Bảng 1: Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần của FMC	23
Bảng 2: Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 30/9/2020.....	23
Bảng 3: Cơ cấu doanh thu thuần của Công ty	31
Bảng 4: Cơ cấu lợi nhuận gộp của Công ty	32
Bảng 5: Cơ cấu chi phí của Công ty qua các năm.....	32
Bảng 6: Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	33
Bảng 7: Danh sách các hợp đồng lớn.....	37
Bảng 8: Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.....	38
Bảng 9: Tỷ lệ cổ tức qua các năm.....	47
Bảng 10: Mức thu nhập bình quân qua các năm	48
Bảng 11: Thuế và các khoản phải thu / phải trả Nhà nước.....	49
Bảng 12: Giá trị các quỹ của Công ty	49
Bảng 13: Tổng dư nợ vay của Công ty	50
Bảng 14: Chi tiết các khoản vay ngân hàng tại thời điểm 30/09/2020.....	50
Bảng 15: Các khoản phải thu của Công ty	52
Bảng 16: Các khoản phải trả.....	52
Bảng 17: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu	53
Bảng 18: Tình hình tài sản của Công ty	72
Bảng 19: Tình hình tài sản cố định của Công ty	72
Bảng 20: Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2020	73



I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

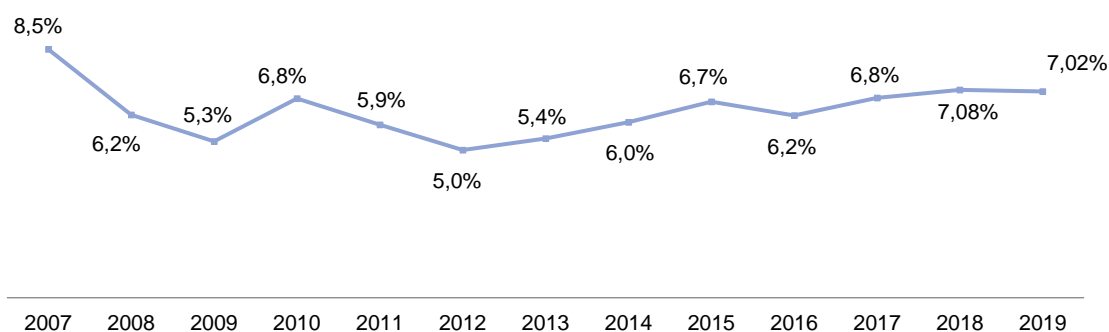
1. Rủi ro về kinh tế

1.1 Tăng trưởng kinh tế

Đây là yếu tố vĩ mô quan trọng nhất ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng của hầu hết các ngành nghề, lĩnh vực của nền kinh tế và có ảnh hưởng lớn đến hoạt động của ngành chế biến tôm đông lạnh xuất khẩu. Nền kinh tế Việt Nam đã tăng trưởng rất nhanh trong những năm gần đây, môi trường pháp lý và kinh doanh đã phát triển nhưng vẫn chứa đựng những rủi ro vốn có gắn với nền kinh tế mới nổi. Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta hoạt động chính trong lĩnh vực chế biến tôm đông lạnh, nông sản xuất khẩu và phát triển vùng nuôi tôm nguyên liệu. Do vậy, hoạt động của FMC chịu ảnh hưởng bởi các biến động của nền kinh tế trong nước và thế giới như suy thoái kinh tế, lạm phát, biến động tỷ giá, thuế chống bán phá giá,... Nhằm giảm thiểu tác động của những ảnh hưởng trên, FMC chú trọng thực hiện tốt công tác chuẩn bị, dự trù cho những tình huống thay đổi trong tình hình kinh tế, thị trường, chủ động phát triển nguồn nguyên liệu đồng thời xây dựng mối quan hệ bền vững với các khách hàng và nhà cung cấp.

Theo Tổng cục thống kê, GDP cả năm 2019 tăng 7,02%, đây là năm thứ hai liên tiếp tăng trưởng kinh tế Việt Nam đạt trên 7% kể từ năm 2011. Trong mức tăng chung của toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,01%, đóng góp 4,6% vào mức tăng trưởng chung; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,9%, đóng góp 50,4%; khu vực dịch vụ tăng 7,3%, đóng góp 45,0%.

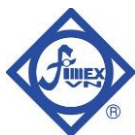
Hình 1: Tăng trưởng GDP của Việt Nam giai đoạn 2007 - 2019



Nguồn: Tổng cục thống kê

1.2 Lạm phát

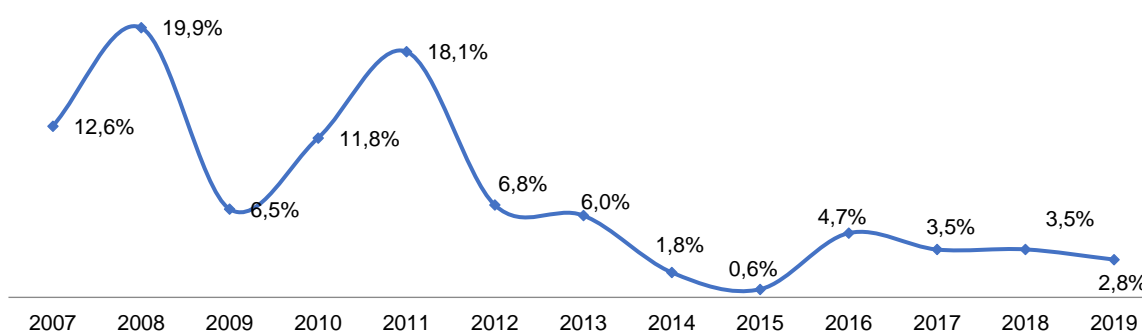
Từ năm 2011 trở về trước, tỷ lệ lạm phát của Việt Nam luôn ở mức cao hai con số. Tuy nhiên, trong giai đoạn 2011-2016, NHNN Việt Nam đã điều hành chủ động, linh hoạt các công cụ chính sách tiền tệ, phối hợp chặt chẽ với chính sách tài khóa góp phần quan trọng trong kiểm soát và đưa lạm phát ở mức cao 23% vào tháng 8/2011 xuống còn 2,79% cho năm 2019.



Tính chung cả năm 2019, CPI tăng +2.79% so với cuối năm 2018, dưới mục tiêu Quốc hội đề ra và cũng là mức tăng thấp nhất trong 3 năm qua, với hầu hết các nhóm mặt hàng đều tăng giá, ngoại trừ Bưu chính viễn thông giảm -0.09%.

Mặc dù tỷ lệ lạm phát những năm gần đây được duy trì khá ổn định, nhưng không thể đảm bảo rằng nền kinh tế Việt Nam sẽ không tiếp tục lặp lại các giai đoạn lạm phát cao trong tương lai, đặc biệt trong bối cảnh nền kinh tế Việt Nam được dự báo đang tăng trưởng nhanh trở lại.

Hình 2: Tỷ lệ lạm phát của Việt Nam giai đoạn 2007 - 2019



Nguồn: Tổng cục thống kê

1.3 Tỷ giá

Việc điều hành chính sách tỷ giá hối đoái của NHNN Việt Nam cũng như tỷ giá hối đoái trên thị trường sẽ tác động đến hiệu quả hoạt động của Công ty. Hiện chính sách điều hành tỷ giá được điều hành theo hướng linh hoạt nhằm đáp ứng những yêu cầu từ bối cảnh thương mại và đầu tư quốc tế, tăng cường ký kết các hiệp định thương mại tự do. Sự ổn định của tỷ giá hối đoái được duy trì nhờ các yếu tố hỗ trợ như: (i) Cơ chế tỷ giá trung tâm và các công cụ điều tiết thị trường ngoại hối đang dần phát huy được hiệu quả, hạn chế hành vi đầu cơ, găm giữ ngoại tệ; (ii) Nguồn cung ngoại tệ tương đối dồi dào do cán cân thương mại tiếp tục thặng dư, vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) tăng trưởng khả quan; (iii) Hầu hết các đồng tiền trong rổ tính tỷ giá trung tâm của NHNN đều lên giá so với đồng USD đã giúp giải tỏa sức ép lên tỷ giá USD/VND. Bên cạnh đó, tỷ giá ổn định cũng giúp giảm tình trạng đô la hóa, tỷ lệ USD trên tổng phương tiện thanh toán giảm xuống còn 10%, tương đương mức đô la hóa nhẹ của theo tiêu chuẩn của Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF).

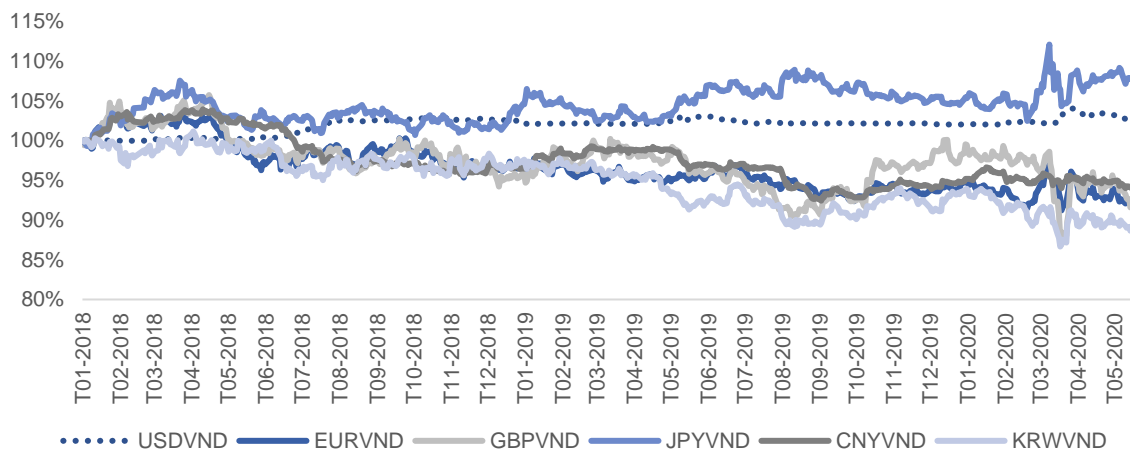
Nhìn chung trong năm 2019, tỷ giá USD/VND khá ổn định. Tỷ giá trung tâm chỉ tăng khoảng 1,5%; trong khi giá mua - bán USD tại các ngân hàng thậm chí còn giảm nhẹ so với cuối năm 2018, có nghĩa VND tăng giá nhẹ so với USD.



Từ đầu năm 2020, NHNN đã điều chỉnh giảm 2 lần các mức lãi suất điều hành, với tổng mức giảm 1,0% - 1,5%/năm để hỗ trợ thanh khoản cho Tổ chức Tín dụng; giảm 0,6% - 0,75%/năm trần lãi suất tiền gửi các kỳ hạn dưới 6 tháng và giảm 1%/năm trần lãi suất cho vay ngắn hạn đối với các lĩnh vực ưu tiên hỗ trợ, hiện ở mức 5,0%/năm.

Mặc dù vậy, dưới tác động của dịch Covid-19, do cầu tín dụng tăng thấp, đến ngày 29/5/2020, tín dụng tăng 1,96% so với cuối năm 2019. Về điều hành tỷ giá, đến cuối tháng 5/2020, tỷ giá trung tâm tăng 0,46%, tỷ giá liên ngân hàng tăng 0,49% so với đầu năm.

Hình 3: Tương quan VND và một số ngoại tệ năm 2019



Nguồn: Tổng cục thống kê

1.4 Lãi suất

Mặt bằng lãi suất Việt Nam đã trải qua một năm 2019 đầy biến động trước sự ảnh hưởng của cả yếu tố trong nước và quốc tế. Trong 9 tháng đầu năm 2019, lãi suất huy động liên tục được các ngân hàng đẩy lên cao; đặc biệt là tại các NHTMCP tư nhân nhỏ trước áp lực cơ cấu lại nguồn vốn nhằm đáp ứng các qui định về hệ số an toàn vốn (CAR) theo chuẩn Basel II và lộ trình giảm tỉ lệ vốn ngắn hạn cho vay trung và dài hạn của NHNN. Theo đó, tính đến cuối tháng 9, lãi suất huy động tiền gửi tại một số ngân hàng đã tăng lên mức 9%/năm; trong khi lãi suất chứng chỉ tiền gửi cũng nhanh chóng vượt qua 10%/năm. Đà tăng của lãi suất huy động chỉ bắt đầu hạ nhiệt từ giữa tháng 10, sau khi NHNN phát đi thông báo cắt giảm lãi suất điều hành 0,25 điểm và Cục dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) quyết định giảm lãi suất trong cuộc họp chính sách tháng 9. Trong những tháng tiếp theo, mặt bằng lãi suất huy động tiếp tục xu hướng đi xuống nhất là sau động thái giảm trần lãi suất huy động tiền gửi tại các kì hạn ngắn và lãi suất cho vay một số lĩnh vực của NHNN. Tính chung cả năm 2019, lãi suất huy động các kì hạn ngắn dưới 6 tháng có mức dao động không quá lớn trong năm, thậm chí giảm sau quyết định áp trần lãi suất huy động 5,0%/năm của NHNN. Đối với các kì hạn trên 6 tháng, lãi suất huy động nhìn chung ở mức

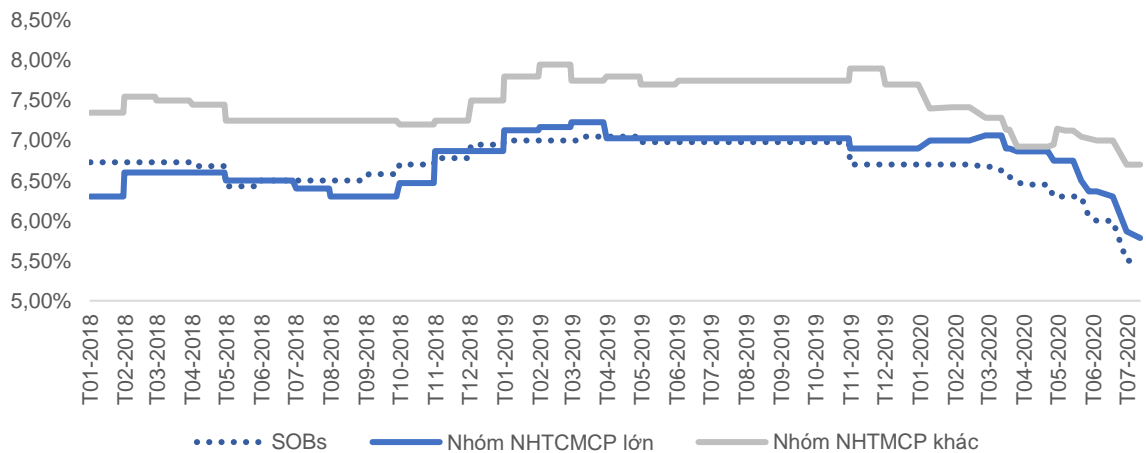


tương đương cùng kì năm 2018. Trong khi đó, mặt bằng chung của lãi suất cho vay tiếp tục duy trì ổn định trong năm 2019. Thậm chí lãi suất cho vay tối đa với một số lĩnh vực ưu tiên của nền kinh tế được điều chỉnh giảm nhằm mục tiêu hỗ trợ cho các doanh nghiệp.

Trong điều hành lãi suất, từ đầu năm 2020 đến nay, NHNN đã điều chỉnh giảm 2 lần các mức lãi suất điều hành, với tổng mức giảm 1,0% - 1,5%/năm để hỗ trợ thanh khoản cho Tổ chức Tín dụng, tạo điều kiện cho Tổ chức Tín dụng tiếp cận nguồn vốn chi phí thấp từ NHNN; giảm 0,6% - 0,75%/năm trần lãi suất tiền gửi các kỳ hạn dưới 6 tháng và giảm 1%/năm trần lãi suất cho vay ngắn hạn đối với các lĩnh vực ưu tiên, hiện ở mức 5,0%/năm, để hỗ trợ giảm chi phí vay vốn của doanh nghiệp và người dân.

Theo đó, mặt bằng lãi suất thị trường có xu hướng giảm so với đầu năm. Về điều hành tỷ giá, mặc dù thị trường quốc tế diễn biến phức tạp, nhưng tỷ giá và thị trường ngoại tệ trong nước ổn định, thanh khoản thông suốt, Tổ chức Tín dụng mua ròng từ Khách hàng, các nhu cầu ngoại tệ hợp pháp của nền kinh tế được đáp ứng đầy đủ, kịp thời..

Hình 4: Lãi suất trên thị trường 1 kỳ hạn 13 tháng



Nguồn: Tổng cục thống kê

2. Rủi ro pháp luật

Do đặc thù là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh nuôi trồng, chế biến và xuất khẩu thủy sản nên Công ty Cổ phần Thực Phẩm Sao Ta chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Thủy sản, Luật Thương mại, các Luật về Thuế, ... và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

Hệ thống pháp luật về kinh doanh trong lĩnh vực này hiện nay nhìn chung còn chưa thật sự nhất quán và ổn định, vẫn đang trong quá trình hoàn thiện, các văn bản hướng dẫn thi hành không đầy đủ, thiếu tính cập nhật, chồng chéo, việc áp dụng các văn bản pháp luật vào thực tế còn nhiều bất cập. Trong



thời gian tới khi Việt Nam tiếp tục hội nhập sâu rộng vào kinh tế toàn cầu, hệ thống pháp luật tiếp tục được điều chỉnh, và có thể tác động đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Để hạn chế rủi ro pháp luật, Công ty luôn theo dõi các thay đổi về chính sách, kịp thời điều chỉnh hệ thống quy trình, quy định nội bộ để phù hợp với sự thay đổi đó.

Ngoài ra, với đặc thù là doanh nghiệp xuất khẩu, chủ yếu vào các thị trường Nhật Bản, EU, Mỹ, Úc và Canada, hoạt động kinh doanh của Công ty chịu sự ảnh hưởng của các chính sách, luật và các quy định khác do chính phủ của các quốc gia mà Công ty xuất khẩu ban hành.

3. Rủi ro đặc thù ngành

3.1 Rủi ro thị trường tiêu thụ

Thị trường Nhật Bản, EU và Mỹ là các thị trường xuất khẩu chính của Công ty – đây đều là những thị trường khó tính và có nhiều quy định về chất lượng sản phẩm, điển hình là Nhật Bản. Tuy nhiên, toàn bộ quy trình sản xuất sản phẩm của Công ty được thực hiện theo những hệ thống quản lý chất lượng đủ tiêu chuẩn, do đó các sản phẩm của Công ty đều phù hợp với yêu cầu của những thị trường này. Nhưng nếu có những thay đổi về tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm của các thị trường tiêu thụ thì sẽ dẫn tới sự xáo trộn trong sản xuất và tăng thêm chi phí của Công ty, thay đổi quy trình.

3.2 Rủi ro cạnh tranh

Ngành tôm Việt Nam hiện có rất nhiều doanh nghiệp nuôi trồng, chế biến và xuất khẩu, tuy nhiên quy mô toàn ngành sản xuất chưa được tổ chức tốt, có nhiều công ty nhỏ lẻ bán phá giá đã làm cho mặt bằng giá thị trường không ổn định ảnh hưởng đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty. Ngoài ra, thương lái Trung Quốc luôn cạnh tranh với Công ty trong việc thu mua tôm nguyên liệu, khiến giá tôm bị đẩy lên cao, ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Xuất khẩu tôm từ Việt Nam vấp phải sự cạnh tranh gay gắt về giá bán từ các thị trường xuất khẩu như Thái Lan, Ấn Độ, Indonesia và Ecuador do giá thành sản xuất của Việt Nam đang cao hơn từ 10-30%, khiến giá bán xuất khẩu khó cạnh tranh với các thị trường này. Trong năm 2020, xuất khẩu tôm của Việt Nam được hưởng lợi và phục hồi sớm từ việc kiểm soát tốt dịch COVID-19, trong khi các đối thủ chính như Ấn Độ hay Ecuador đều đang gặp khó khăn do tác động của dịch bệnh. Tuy nhiên, trong dài hạn, để giảm thiểu tác động của sự cạnh tranh mạnh và đảm bảo lợi nhuận, FMC sẽ đẩy mạnh chế biến các sản phẩm tôm giá trị gia tăng phù hợp với thị trường.

3.3 Rủi ro về các yếu tố đầu vào

Nguồn nguyên liệu chủ yếu của công ty là tôm giống, do đó các biến động liên quan đến nguyên liệu đầu vào đều ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty như: thời tiết, môi trường nuôi trồng, nguồn nước, chất lượng con giống, công nghệ nuôi, thức ăn, dịch bệnh, ... Để đảm bảo đủ nguồn nguyên liệu cho sản xuất với chi phí hợp lý, công ty luôn chuẩn bị kế hoạch thu mua tôm nguyên liệu chi tiết tại từng thời điểm, liên kết, phối hợp chặt chẽ với nguồn nuôi để đảm bảo nguồn dự trữ và tồn



kho hợp lý, đồng thời tự triển khai phát triển vùng nuôi tôm để chủ động một phần nguồn nguyên liệu cho sản xuất.

3.4 Rủi ro nguồn nhân lực

Tính chất của ngành chế biến thủy sản là luôn cần một lực lượng lớn lao động sản xuất chế biến. Sự biến động về nguồn cung ứng lao động luôn diễn ra ở mức độ cao, do đó, rủi ro về thiếu hụt nhân lực luôn thường trực.

Ngoài ra, Công ty luôn chuẩn bị sẵn sàng để giảm thiểu rủi ro này bằng cách chăm sóc tốt điều kiện làm việc và phúc lợi cho người lao động, thường xuyên chăm lo đào tạo nâng cao trình độ tay nghề của đội ngũ nhân viên. Tuyển dụng, phát hiện, bồi dưỡng và đào tạo các cấp quản lý trung gian. Bên cạnh đó, các cán bộ quản lý cấp cao của Công ty thường xuyên được đào tạo hoặc tự đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ nâng cao năng lực quản lý. Đặc điểm của nguồn nhân lực này là ít biến động. Do đó rủi ro về thất thoát nguồn nhân lực quản lý cấp cao là thấp.

3.5 Rủi ro khác

Các rủi ro bất khả kháng như chiến tranh, thiên tai, bệnh dịch, hỏa hoạn, ... nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại về tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty. Để giảm thiểu rủi ro, Công ty đã thường xuyên kiểm tra, bảo trì và đảm bảo thực hiện tốt công tác phòng cháy chữa cháy, tham gia mua bảo hiểm cho hàng hoá và tài sản.

4. Rủi ro của đợt chào bán

Đợt chào bán này không được bảo lãnh phát hành nên có thể xảy ra khả năng cổ phiếu không được chào bán hết cho cổ đông hiện hữu. Ngoài ra, tình hình kinh tế vĩ mô đang trong giai đoạn phục hồi nhưng vẫn còn tiềm ẩn nhiều rủi ro từ ảnh hưởng của kinh tế thế giới và những nguy cơ từ nội tại nền kinh tế trong nước, thị trường chứng khoán Việt Nam trong thời gian qua do đó cũng có nhiều biến động. Thị giá của nhiều cổ phiếu trên các sàn giao dịch HOSE, HNX, UPCOM nhìn chung thấp hơn giá trị thực. Đây cũng là những rủi ro ảnh hưởng đến quyết định của cổ đông hiện hữu về việc mua cổ phiếu phát hành thêm.

Trong trường hợp cổ phiếu chào bán không được mua hết và số tiền thu được không đủ để tài trợ cho mục đích chào bán mà cụ thể là không đủ để bổ sung vốn lưu động cho FMC, thì Công ty sẽ tiếp tục sử dụng nguồn vốn sẵn có từ hoạt động kinh doanh để bổ sung đầu tư. Ngoài ra, ĐHCĐ đã ủy quyền cho HĐQT phân phối số cổ phần lẻ phát sinh do làm tròn số và số lượng cổ phiếu không được cổ đông đặt mua hết cho các đối tượng khác theo cách thức và điều kiện phù hợp với giá bán không thấp hơn giá bán cho cổ đông hiện hữu.



5. Rủi ro pha loãng

Tổng số lượng cổ phiếu lưu hành của Công ty sau khi hoàn tất đợt chào bán cho cổ đông hiện hữu dự kiến sẽ tăng lên 20% so với số lượng cổ phiếu lưu hành hiện tại, dẫn đến việc cổ phiếu của Công ty bị pha loãng.

5.1 Rủi ro pha loãng giá thị trường cổ phiếu

- Giá cổ phần FMC sẽ bị điều chỉnh kỹ thuật khi thực hiện chào bán cho cổ đông hiện hữu, giá pha loãng khi có cổ phần mới phát hành được xác định theo công thức sau:

$$P = \frac{P_{t-1} + (I_R \times P_R)}{1 + I}$$

- Trong đó:

P: là giá thị trường của cổ phần sau khi bị pha loãng

P_{t-1}: là giá thị trường của cổ phần trước khi bị pha loãng

I_R: tỷ lệ vốn tăng

P_R: là giá cổ phần sẽ bán cho người nắm quyền mua cổ phần trong đợt phát hành mới

- Tham khảo:

P_{t-1}: Giá sử, giá cổ phiếu FMC trước ngày giao dịch không hưởng quyền là 35.000 đồng/cổ phiếu

P_R: Giá cổ phần sẽ bán cho người nắm giữ quyền mua cổ phần trong đợt phát hành mới là 25.000 đồng/cổ phiếu

I: tỷ lệ vốn tăng khi phát hành cho cổ đông hiện hữu là 20% (tỷ lệ 5:1)

P: Giá tham chiếu cổ phiếu FMC trong ngày giao dịch không hưởng quyền mua cổ phiếu trong đợt phát hành mới để tăng vốn là:

$$P = \frac{P_{t-1} + (I \times P_R)}{1 + I} = \frac{35.000 + (20\% \times 25.000)}{1 + 20\%} = 33.333 \text{ đồng/cổ phần}$$

5.2 Rủi ro pha loãng EPS

EPS = Lợi nhuận sau thuế/ Số lượng cổ phần đang lưu hành bình quân

EPS năm 2019 theo Báo cáo tài chính kiểm toán của Công ty là 5.468 đồng/cổ phần. Sau khi phát hành, chỉ số EPS có thể bị pha loãng do tổng số lượng cổ phần lưu hành tăng lên so với hiện tại và việc sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán chưa tạo ra ngay doanh thu và lợi nhuận cho Công ty.

5.3 Rủi ro pha loãng BV

Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần (BV) = Nguồn VCSH thuộc về Cổ đông/ (Tổng số lượng cổ phiếu đã phát hành - Cổ phiếu quỹ)



Tại thời điểm 30/06/2020, giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần của Công ty là 19.315 đồng/cổ phần. Sau khi phát hành, chỉ số BV có thể bị pha loãng

5.4 Rủi ro pha loãng tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết

Tỷ lệ nắm giữ cũng như quyền biểu quyết của Cổ đông sẽ bị giảm một tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ mà Cổ đông từ chối quyền mua trong đợt phát hành này (so với thời điểm trước ngày chốt danh sách thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm mà Cổ đông có).

6. Rủi ro quản trị công ty

Rủi ro Quản trị đối với mỗi doanh nghiệp có thể phát sinh do hai nguyên nhân chính (i) *Sự thiếu hụt chưa được bù đắp kịp thời của một hoặc nhiều cán bộ lãnh đạo chủ chốt* và (ii) *Sự hài hòa lợi ích và trách nhiệm giữa các cấp Quản trị*. Để hạn chế rủi ro Quản trị, Công ty có các quy định về phân quyền và trách nhiệm cụ thể giữa các thành viên trong bộ máy quản lý Công ty và thực hiện tuân thủ đầy đủ các quy định về Quản trị Công ty quy định tại Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành và áp dụng chế độ báo cáo, công bố thông tin chặt chẽ.

7. Rủi ro khác

Do tính chất hoạt động kinh doanh, Công ty còn có thể chịu những rủi ro khác như sự thay đổi chính sách thuế xuất nhập khẩu, các yếu tố vĩ mô của nền kinh tế như lạm phát, thay đổi lãi suất; các vụ kiện chống bán phá giá.

Ngoài ra còn có một số rủi ro mang tính bất khả kháng, ít có khả năng xảy ra nhưng nếu xảy ra sẽ ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty như: các hiện tượng thiên tai (hạn hán, bão lụt), dịch bệnh, hỏa hoạn, cháy nổ v.v... ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động sản xuất của Công ty. Do đó, Công ty cần chú trọng đề phòng, bảo hiểm về tài sản và người lao động, tập huấn kỹ năng cho người lao động, ... để hạn chế thiệt hại nếu những rủi ro này không may xảy ra.



II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức phát hành

Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta (FMC)

Ông Hồ Quốc Lực	Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Phạm Hoàng Việt	Chức vụ: Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc
Bà Lưu Nguyễn Trúc Dung	Chức vụ: Trưởng Ban Kiểm soát
Ông Tô Minh Chăng	Chức vụ: Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này.

2. Tổ chức tư vấn

Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI

Bà **Nguyễn Ngọc Anh** Chức vụ: Giám đốc Khối - Khối Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư

(Giấy ủy quyền số 08/2019/UQ-SSI do Ông Nguyễn Duy Hưng - Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI ký ngày 3/6/2019)

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán do Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta cung cấp.



III. CÁC KHÁI NIỆM

Các từ hoặc nhóm từ viết tắt trong Bản cáo bạch này có nội dung như sau:

ASC	: là viết tắt của Aquaculture Stewardship Council, Hội Đồng Quản Lý Nuôi Trồng Thủy Sản, một tổ chức độc lập và phi lợi nhuận.
BAP	: là viết tắt của Best Aquaculture Practises, BAP 4 sao là chứng nhận cấp cao của Liên minh Nuôi trồng thủy sản toàn cầu xây dựng ASC và BAP đều là chương trình dán nhãn với mục đích chứng minh cho người mua thủy sản biết nhà sản xuất đã có trách nhiệm với môi trường và xã hội. Các sản phẩm được chứng nhận sẽ được cấp nhãn BAP và ASC in trên bao bì sản phẩm. Đây là các loại "tem" chứng nhận uy tín ở các thị trường xuất khẩu như Mỹ, Châu Âu.
BCTC	: Báo cáo tài chính
CBPG	: Thuế chống bán phá giá
CTCP	: Công ty Cổ phần
CPTPP	: Hiệp định CPTPP là hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương. Hiệp định về nguyên tắc thương mại giữa Australia, Brunei, Canada, Chile, Nhật Bản, Malaysia, México, New Zealand, Peru, Singapore và Việt Nam
DOC	: Bộ Thương mại Mỹ
DT	: Doanh thu
EU	: Thị trường Châu Âu
FAO	: Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên Hiệp Quốc
Fimex / FMC / Công ty / Sao Ta	: Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
ĐBSCL	: Đồng bằng Sông Cửu Long
ĐHĐCĐ	: Đại hội đồng cổ đông
Điều lệ Công ty	: Điều lệ Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
ĐKDN	: Đăng ký doanh nghiệp
LN	: Lợi nhuận
HĐKD	: Hoạt động kinh doanh



HĐQT	: Hội đồng Quản trị
HOSE	: Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
Sở KH&ĐT	: Sở Kế hoạch và Đầu tư
TP.HCM	: Thành phố Hồ Chí Minh
Thuế VAT	: Thuế Giá trị gia tăng
UBCKNN	: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
VASEP	: Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam
VCSH	: Vốn chủ sở hữu
VND	: Việt Nam đồng
VSD	: Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam

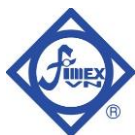
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1 Giới thiệu chung về Công ty

- Tên gọi Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM SAO TA
- Tên giao dịch đối ngoại: Sao Ta Food Joint Stock Company
- Tên viết tắt: FIMEX VN
- Địa chỉ: Km 2132, Quốc lộ 1A, Phường 2, TP. Sóc Trăng, Tỉnh Sóc Trăng
- Điện thoại: (0299) 3822223 – 3822201 Fax: (0299) 3822122-3825665
- Website: <http://www.fimexvn.com>
- Mã số thuế: 2200208753
- Vốn điều lệ hiện tại: 490.440.000.000 đồng
- Giấy Chứng nhận ĐKDN: Số 2200208753 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 19 tháng 12 năm 2002 và thay đổi lần thứ 22 ngày 06 tháng 11 năm 2019.
- Ngành nghề sản xuất kinh doanh chủ yếu của Công ty là:

TT	Ngành nghề kinh doanh	Mã ngành
1.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020 (Chính)
2.	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322



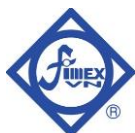
BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN 2020
CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM SAO TA



TT	Ngành nghề kinh doanh	Mã ngành
3.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. <i>Chi tiết: Kinh doanh bất động sản</i>	6810
4.	Bán buôn thực phẩm <i>Chi tiết: Xuất khẩu, bán buôn mặt hàng thủy sản, nông sản.</i>	4632
5.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
6.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày <i>Chi tiết: Khách sạn</i>	5510
7.	Bán buôn đồ uống	4633
8.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
9.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
10.	Cho thuê xe có động cơ	7710
11.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác <i>Chi tiết: Nhập khẩu máy móc, thiết bị, vật tư phục vụ trong ngành chế biến</i>	4659
12.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
13.	Sản xuất giấy nhãn, bì nhãn, bao bì từ giấy và bìa <i>Chi tiết: Sản xuất bao bì bằng giấy, bìa</i>	1702
14.	In ấn	1811
15.	Sản xuất sản phẩm từ plastic <i>Chi tiết: sản xuất bao bì từ plastic</i>	2220

1.2 Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

Thời gian	Những cột mốc phát triển quan trọng
1995	Công Cổ phần Thực phẩm Sao Ta, được thành lập năm 1995, tiền thân là doanh nghiệp nhà nước với tên gọi là Công ty Thực phẩm Xuất Nhập khẩu Sóc Trăng. FMC được thành lập với 100% vốn của Ban Tài chính Quản trị Tỉnh ủy Sóc Trăng (vốn cố định ban đầu là 19 tỷ và vốn lưu động khoảng 2 tỷ đồng).
1996	Công ty chính thức đi vào hoạt động ngày 03/02/1996, với hoạt động kinh doanh chính là chế biến tôm đông lạnh xuất khẩu.
2002	Ủy ban nhân dân Tỉnh Sóc Trăng có quyết định số 346/QĐ.TCCB.02 về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Thực phẩm XNK Tổng hợp Sóc Trăng từ loại hình doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần



BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN 2020
CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM SAO TA



Thời gian	Những cột mốc phát triển quan trọng
2003	<ul style="list-style-type: none">- 01/2003: Công ty chính thức chuyển thành cổ phần với tên là: Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta (Fimex VN), hoạt động theo giấy đăng ký kinh doanh số 5903000012 do Sở Kế hoạch Đầu tư Tỉnh Sóc Trăng cấp lần đầu ngày 19/12/2002 với vốn điều lệ 104 tỷ đồng, trong đó nhà nước giữ 77% sở hữu.- 11/2003: Công ty giảm vốn điều lệ xuống 60 tỷ đồng, phần vốn nhà nước còn 60%.
2005	Công ty thực hiện đấu giá 11% vốn điều lệ nhằm giảm tỷ lệ sở hữu vốn nhà nước xuống 49%.
2006	<ul style="list-style-type: none">- 06/2006: Tại Trung tâm Giao dịch chứng khoán TP . HCM (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.HCM), Công ty tiếp tục đấu giá 16 tỷ đồng.- 12/2006: Cổ phiếu Công ty được niêm yết lần đầu trên sàn HOSE với mã chứng khoán FMC và tổng số lượng niêm yết là 6.000.000 cổ phiếu, trong đó Nhà nước chiếm 20%.
2007	Công ty tăng vốn điều lệ từ 60 tỷ đồng lên 79 tỷ đồng thông qua thưởng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, thưởng cổ phiếu cho cán bộ chủ chốt của công ty và phát hành riêng lẻ cho nhà đầu tư chiến lược.
2009	Để đáp ứng điều kiện vốn điều lệ tối thiểu 80 tỷ đồng đúng theo quy định để cổ phiếu FMC được tiếp tục niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.HCM (HOSE), đến tháng 02/2009 công ty phát hành xong thêm 1 tỷ đồng cổ phiếu nâng vốn điều lệ lên 80 tỷ đồng, trong đó vốn nhà nước chiếm 17,25%.
2013	Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường ngày 10/11/2012, thời điểm cuối tháng 03/2013 Công ty đã hoàn thành đợt phát hành 5.000.000 cổ phiếu cho đối tác chiến lược là Công ty Cổ phần Hùng Vương, tăng vốn điều lệ Công ty lên 130 tỷ đồng, trong đó vốn nhà nước chiếm 10,62%.
2014	Công ty đã phát hành thành công 7 triệu cổ phiếu, tăng vốn điều lệ Công ty từ 130 tỷ đồng lên thành 200 tỷ đồng.
2016	Công ty tiếp tục phát hành thành công 10 triệu cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, nâng vốn điều lệ từ 200 tỷ đồng lên 300 tỷ đồng.
2017	Công ty đã hoàn thành đợt phát hành 9.000.000 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, nâng vốn điều lệ từ 300 tỷ đồng lên 390 tỷ đồng.
2018	<ul style="list-style-type: none">▪ Công ty đã hoàn thành đợt phát hành 1.200.000 cổ phiếu cho nhân viên, nâng vốn điều lệ từ 390 tỷ đồng lên 402 tỷ đồng.▪ Công ty Cổ phần Tập đoàn Pan trở thành cổ đông chiến lược của FMC
2019	<ul style="list-style-type: none">▪ Công ty đã hoàn thành đợt phát hành 804.000 cổ phiếu cho nhân viên và 8.040.000 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, vốn điều lệ của Công ty tăng từ 402 tỷ đồng lên 490,44 tỷ đồng.▪ Công ty mở rộng diện tích nuôi tôm, khu nuôi mới có diện tích 81ha. Công ty đầu tư kho lạnh 6.000 tấn tại Khu công nghiệp An Nghiệp tỉnh Sóc Trăng.



1.3 Các thành tích đạt được

Trong quá trình hình thành và phát triển, Công ty đã được tặng thưởng các danh hiệu cao quý như:

- Công ty được Chính phủ 9 lần tặng thưởng Cờ Thi đua (liên tục 8 năm liền từ năm 1997 đến năm 2004 và năm 2006).
- Huân chương Lao động hạng II năm 1998.
- Danh hiệu Anh hùng lao động thời kỳ đổi mới năm 2000.
- Cúp Phù Đổng năm 2005 của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam khen thưởng;
- Bộ Lao động và Thương binh xã hội phối hợp cùng Bộ Thương mại, Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam khen thưởng 01 trong 100 doanh nghiệp sử dụng lao động tiêu biểu trong cả nước.
- Huân chương Lao động hạng I năm 2005
- Cúp vàng vì sự nghiệp phát triển cộng đồng năm 2006.
- Ủy ban Nhân dân Tỉnh Sóc Trăng trao tặng cờ thi đua vì thành tích hoạt động tốt và tích cực tham gia công tác phúc lợi xã hội địa phương.
- Kỹ niệm chương vì thành tích xuất khẩu ở Hiệp hội VASEP.
- Nhiều năm liền Công ty đạt thành tích doanh nghiệp vì người lao động.

2. Cơ cấu tổ chức công ty

Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, các Luật khác có liên quan và Điều lệ Công ty.

Văn phòng Công ty

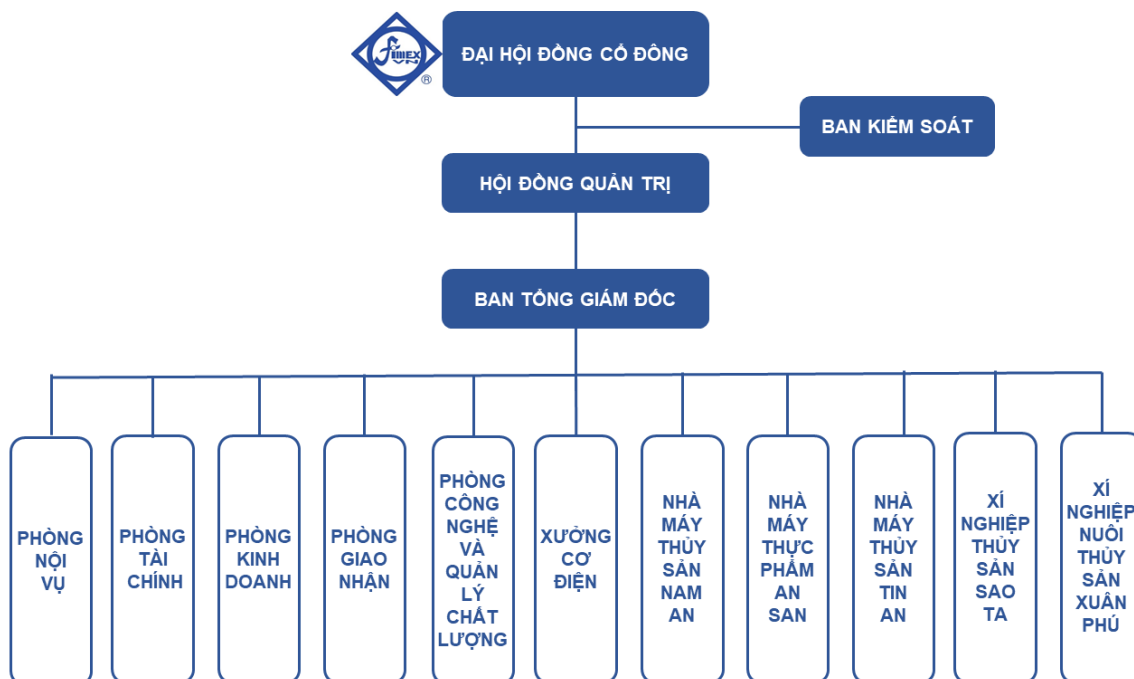
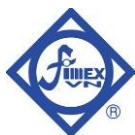
Nơi đặt trụ sở chính của Công ty, có văn phòng làm việc của Ban Tổng Giám đốc Công ty và các phòng, ban nghiệp vụ gồm: Phòng Nội vụ, Phòng Kinh doanh, Phòng Giao nhận, Phòng Tài chính, Phòng Quản lý chất lượng và công nghệ, Xưởng cơ điện và Nhà máy Thủy sản Nam An.

Địa chỉ: Km 2132, Quốc lộ 1A, Phường 2, Thành phố Sóc Trăng, Tỉnh Sóc Trăng.

3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty

Công ty được tổ chức theo mô hình Công Ty Cổ Phần, theo đó, Đại Hội Đồng Cổ Đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, quyết định định hướng phát triển ngắn, dài hạn, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch tài chính hàng năm của Công ty. Đại hội đồng cổ đông bầu ra Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát.

Hình 5: Sơ đồ cơ cấu tổ chức Công ty



Nguồn: Công ty

3.1 Đại hội đồng cổ đông

Gồm tất cả Cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty, có quyền và nhiệm vụ thông qua định hướng phát triển, quyết định các phương án, nhiệm vụ SXKD; quyết định sửa đổi, bổ sung VĐL của Công ty; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên HĐQT, Thành viên BKS; quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty và các quyền, nhiệm vụ khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

3.2 Hội đồng Quản trị

Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của HĐQT. HĐQT là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của ĐHCĐ. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do Pháp luật, Điều lệ Công ty và Nghị quyết ĐHCĐ quy định. HĐQT hiện tại gồm 05 thành viên, bao gồm 01 Chủ tịch, 01 Phó Chủ tịch và 03 Thành viên.

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập Bản cáo bạch này bao gồm:

1	Ông Hồ Quốc Lực	Chủ tịch HĐQT
2	Bà Nguyễn Thị Trà My	Phó Chủ tịch HĐQT
3	Ông Phạm Hoàng Việt	Thành viên HĐQT
4	Ông Tô Minh Chăng	Thành viên HĐQT



BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN 2020
CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM SAO TA



5	Ông Nguyễn Văn Khải	Thành viên HĐQT
---	---------------------	-----------------

3.3 Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát do ĐHĐCĐ của Công ty bầu. Là tổ chức thay mặt cổ đông kiểm soát mọi hoạt động sản xuất kinh doanh, quản trị và điều hành công ty. Ban Kiểm soát hiện gồm 03 (ba) thành viên.

Các thành viên Ban Kiểm soát của Công ty trong kỳ và tại ngày lập Bản cáo bạch này bao gồm:

1	Bà Lưu Nguyễn Trúc Dung	Trưởng Ban kiểm soát
2	Ông Võ Văn Sĩ	Thành viên BKS
3	Ông Lý Thái Hưng	Thành viên BKS

3.4 Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ban Tổng Giám đốc gồm 05 thành viên (trong đó có 01 Tổng Giám đốc và 05 Phó Tổng Giám đốc) và 01 Kế toán trưởng do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm. Tổng Giám đốc Công ty là người đại diện pháp luật của Công ty trong mọi giao dịch, quản lý điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, chịu trách nhiệm trước HĐQT và ĐHĐCĐ về trách nhiệm quản lý điều hành công ty. Các Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng hỗ trợ Tổng Giám đốc thực hiện các công việc theo sự phân công.

Danh sách Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty trong kỳ và tại ngày lập Bản cáo bạch này bao gồm:

1	Ông Phạm Hoàng Việt	Tổng Giám đốc
2	Bà Dương Ngọc Kim	Phó Tổng Giám đốc
3	Ông Mã Ích Hưng	Phó Tổng Giám đốc
4	Ông Đinh Văn Thới	Phó Tổng Giám đốc
5	Ông Hoàng Thanh Vũ	Phó Tổng Giám đốc
6	Bà Lê Ngọc Hương	Phó Tổng Giám đốc
7	Ông Tô Minh Chăng	Kế toán trưởng

3.5 Chức năng và nhiệm vụ của các đơn vị trực thuộc

Các phòng ban chức năng hỗ trợ cho Ban Tổng Giám đốc thực hiện các kế hoạch sản xuất kinh doanh của công ty được vận hành tốt. Công ty gồm có các phòng ban chức năng và bộ phận trực thuộc như sau: Phòng Nội vụ, Phòng Tài chính, Phòng Kinh doanh, Phòng Giao nhận, Phòng Công nghệ và Quản lý chất lượng, Xưởng Cơ điện, Nhà máy Thủy sản Nam An, Nhà máy Thực phẩm An San, Xí nghiệp Thủy sản Sao Ta, Xí nghiệp nuôi thủy sản Xuân Phú, Nhà máy Thủy sản Tin An.



4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông tại ngày chốt danh sách trên mức vốn thực góp hiện tại.

4.1 Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty tại ngày 30/9/2020

Bảng 1: Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần của FMC

STT	Tên cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	CTCP Tập đoàn PAN	17.556.730	35,80%
2	CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Bến Tre	8.089.000	16,49%
3	CTCP Thực phẩm PAN (PAN Food)	5.962.660	12,16%
	Tổng cộng	31.608.390	64,45%

Nguồn: Danh sách Cổ đông FMC do VSD lập tại ngày 30/9/2020 để tổ chức ĐHĐCĐ bất thường năm 2020

4.2 Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ

Theo quy định tại Khoản 4 Điều 119 Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 có hiệu lực từ ngày 1/7/2015 thì: “*Các hạn chế đối với cổ phần phổ thông của Cổ đông sáng lập được bãi bỏ sau thời hạn 3 năm, kể từ ngày Công ty được cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp. Các hạn chế của quy định này không áp dụng đối với cổ phần mà Cổ đông sáng lập có thêm sau khi đăng ký thành lập doanh nghiệp và cổ phần mà Cổ đông sáng lập chuyển nhượng cho người khác không phải là Cổ đông sáng lập của Công ty.*”

Công ty được cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp năm 2002, do vậy đến thời điểm hiện nay, các hạn chế chuyển nhượng của Cổ đông sáng lập đều hết hiệu lực

4.3 Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 30/09/2020

Bảng 2: Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 30/9/2020

STT	Danh mục	Số lượng cổ đông	Số cổ phần nắm giữ	% Tỷ lệ sở hữu/ Vốn Điều lệ
I	Cổ đông trong nước	2.322	44.587.445	90,91
1	Cá nhân	2.289	10.859.796	22,14
2	Tổ chức	33	33.727.649	68,77
II	Cổ đông nước ngoài	181	4.456.555	9,09
1	Cá nhân	148	320.806	0,65
2	Tổ chức	33	4.135.749	8,43
III	Cổ phiếu quỹ	0	0	-
IV	TỔNG CỘNG	2.503	49.044.000	100

Nguồn: Danh sách Cổ đông FMC do VSD lập tại ngày 30/9/2020 để tổ chức ĐHĐCĐ bất thường năm 2020



5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức phát hành, những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành

Không có

6. Giới thiệu về quá trình tăng vốn của Công ty

Cùng với sự phát triển trong hoạt động kinh doanh của Công ty, vốn điều lệ của FMC thay đổi như sau:

Đơn vị tính: Đồng

Thời điểm	Lần tăng	Giá trị vốn tăng thêm	Vốn điều lệ sau khi tăng	Hình thức tăng vốn	Ghi chú
Năm 2003	01/01/2003	85.000.000.000	104.000.000.000	Cổ phần hóa, Nhà nước nắm giữ 77%	Sở KH&ĐT
Năm 2003	22/11/2003	(44.000.000.000)	60.000.000.000	Giảm vốn Nhà nước còn 60%	Sở KH&ĐT
Năm 2007	Lần 1: 20/07/2007	10.000.000.000	70.000.000.000	Phát hành 900.000 cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu và thưởng 100.000 cổ phiếu cho cán bộ chủ chốt.	UBCKNN
Năm 2008	Lần 2: 21/05/2008	9.000.000.000	79.000.000.000	Phát hành riêng lẻ 1.000.000 cổ phiếu cho Nhà đầu tư chiến lược với giá phát hành là 48.000 đồng/cổ phiếu	UBCKNN
Năm 2009	Lần 2: 01/02/2009	1.000.000.000	80.000.000.000	Cổ đông sáng lập góp vốn để tăng vốn điều lệ lên 80 tỷ đồng theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên diễn ra ngày 04/04/2008.	UBCKNN
Năm 2013	Lần 3: 30/03/2013	50.000.000.000	130.000.000.000	Phát hành riêng lẻ 5.000.000 cổ phiếu cho Nhà đầu tư chiến lược với giá phát hành là 10.500 đồng/cổ phiếu	UBCKNN



Đơn vị tính: Đồng

Thời điểm	Lần tăng	Giá trị vốn tăng thêm	Vốn điều lệ sau khi tăng	Hình thức tăng vốn	Ghi chú
Năm 2014	Lần 4: 31/03/2015	70.000.000.000	200.000.000.000	Phát hành ra công chúng 6.500.000 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 2:1 với giá phát hành là 15.000 đồng/cổ phiếu và 500.000 cổ phiếu cho cán bộ công nhân viên với giá phát hành là 10.000 đồng/cổ phiếu	UBCKNN
Năm 2016	Lần 5: 25/03/2016	100.000.000.000	300.000.000.000	Phát hành ra công chúng 10.000.000 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 2:1 với giá phát hành là 10.000 đồng/cổ phiếu	UBCKNN
Năm 2017	Lần 6: 23/05/2017	90.000.000.000	390.000.000.000	Phát hành ra công chúng 9.000.000 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với giá phát hành là 10.000 đồng/cổ phiếu	UBCKNN
Năm 2018	Lần 7: 20/06/2018	12.000.000.000	402.000.000.000	Phát hành 1.200.000 cổ phiếu cho nhân viên	UBCKNN
Năm 2019	Lần 8: 06/11/2019	88.440.000.000	490.440.000.000	Công ty đã hoàn thành đợt phát hành 804.000 cổ phiếu cho nhân viên và 8.040.000 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, vốn điều lệ của Công ty tăng từ 402 tỷ đồng lên 490,44 tỷ đồng	UBCKNN

Nguồn: Công ty

7. Hoạt động kinh doanh

7.1 Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ qua các năm

Tiền thân là doanh nghiệp nhà nước với vốn điều lệ 21 tỷ đồng, Công ty Fimex đã có 25 năm hoạt động trong lĩnh vực thủy sản đặc biệt là sản phẩm tôm xuất khẩu. Ngay từ khi hoạt động đến nay, Công ty luôn nằm trong top 05 doanh nghiệp có kim ngạch xuất khẩu thủy sản cao nhất Việt Nam.

Từ năm 2013, Công ty mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh sang mảng chế biến nông sản nhưng tỷ trọng doanh thu mang về vẫn còn khá khiêm tốn.



7.1.1 Các sản phẩm chính của Công ty

Hai mảng sản xuất kinh doanh của Công ty là chế biến tôm đông lạnh và nông sản xuất khẩu. Thị trường xuất khẩu chủ lực của Fimex là Nhật Bản (37% tổng doanh thu năm 2019), EU (27% tổng doanh thu năm 2019), Mỹ (19% tổng doanh thu năm 2019).

Sản phẩm tôm xuất khẩu: sản phẩm chính của FMC là các loại tôm chế biến đông lạnh bao gồm tôm tươi IQF (Individual Quick Frozen), tôm hấp và các loại tôm giá trị gia tăng như tôm Nobashi, tôm bao bột chiên, ... và các sản phẩm khác.

Sản phẩm Tôm Tươi Sống



RAW PDTO VANNAMEI



HO CENTRAL PEELED BT



PDTO BLACK TIGER



NOBASHI VANNAMEI

Sản phẩm Tôm Nấu Chín



COOKED IN SHELL VANNAMEI



COOKED PDTO VANNAMEI



SHRIMP RING



COOKED IN SHELL BLACK TIGER

Sản phẩm Tôm Tầm Bột



PTO VANNAMEI CRUMBBLEND COCONUT
BREADED



PTO BUTTERFLY VANNAMEI BREADED SHRIMP



TEMPURA BLACK TIGER



PTO BUTTERFLY BLACK TIGER BREADED SHRIMP

Sản phẩm nông sản xuất khẩu: Công ty còn kinh doanh các loại nông sản chủ yếu là các loại rau củ trộn, kakiage (là một món ăn truyền thống của Nhật Bản, được làm từ hỗn hợp nhiều loại rau củ và hải sản tươi sống pha trộn với nhau trong bột và chiên rán), khoai lang, bí đỏ, đậu bắp ở dạng hấp, chiên, phối chế.

Sản Phẩm Nông Sản



RAU CỦ TRỘN ĐÔNG LẠNH



RAU CỦ TRỘN ĐÔNG LẠNH



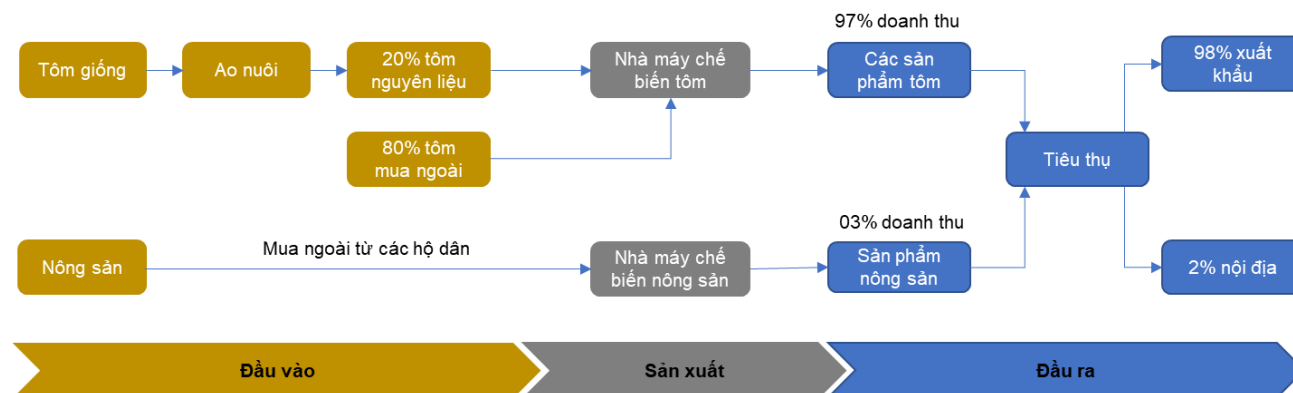
NÔNG THỦY SẢN PHỐI CHẾ CHIÊN



NÔNG THỦY SẢN PHỐI CHẾ CHIÊN

7.1.2 Chuỗi hoạt động sản xuất tại FMC

Hình 6: Chuỗi hoạt động sản xuất tại FMC

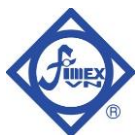


Nguồn: Công ty

Chuỗi hoạt động sản xuất tôm tại FMC trải từ công tác chuẩn bị ao nuôi, tôm giống, thức ăn,... để nuôi tôm cho đến khâu chế biến tại nhà máy và đem phân phối tại các thị trường xuất khẩu như Châu Âu, Mỹ và Nhật. Tuy nhiên, do sản lượng tôm thu hoạch từ vùng nuôi vẫn chưa thể hoàn toàn đáp ứng nhu cầu sản xuất, công ty phải mua ngoài lượng lớn tôm nguyên liệu trên thị trường để phục vụ hoạt động chế biến xuất khẩu. Nguồn nguyên liệu đầu vào của FMC là các loại tôm sú và tôm thẻ chân trắng được Công ty nuôi trồng và thu mua tại các tỉnh Đồng bằng Sông Cửu Long.

Công ty triển khai vùng nuôi tôm giúp chủ động một phần tôm nguyên liệu phục vụ chế biến, hạn chế các ảnh hưởng từ bên ngoài. Đầu năm 2020, Công ty mở rộng vùng nuôi với diện tích khoảng 81 ha, vị trí bên cạnh vùng nuôi cũ tại thị xã Vĩnh Châu, Sóc Trăng, giúp nâng tổng diện tích nuôi tôm của FMC lên 270 ha (tăng 30% so với năm 2019), các ao tôm của vùng nuôi FMC đạt tiêu chuẩn BAP 4 sao và ASC về chất lượng tôm xuất khẩu tại các thị trường. Hiện tại, Công ty tự chủ được khoảng 25-30% sản lượng tôm nguyên liệu đầu vào, 70-75% còn lại FMC phải thu mua bên ngoài để phục vụ chế biến. Công ty tiến hành thu mua từ các ao nuôi của người dân thông qua sự hỗ trợ của các đội ngũ thương lái tại địa phương. Nhờ các vùng nuôi của Công ty đều sở hữu các chứng nhận quốc tế về an toàn thực phẩm, do đó, chất lượng tôm từ vùng nuôi của FMC đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn về vệ sinh và truy xuất nguồn gốc theo yêu cầu của thị trường xuất khẩu Châu Âu, Mỹ và Nhật. Còn với lượng tôm thu mua từ bên ngoài, quy trình kiểm duyệt nguồn tôm đầu vào cũng rất khắt khe, trước tiên, Công ty cử chuyên gia đến tiến hành kiểm tra tổng quan ao tôm, sau đó, liên tục tiến hành kiểm tra nhiều lượt mẫu trong quá trình thu hoạch và chế biến để đảm bảo các yêu cầu về chất lượng tôm xuất khẩu.

Sau quá trình thu hoạch và thu mua tôm nguyên liệu bên ngoài, tôm được chuyển đến các nhà máy chế biến. Tính đến thời điểm cuối năm 2020, FMC sở hữu 4 nhà máy chế biến tôm và nông sản với tổng công suất khoảng 85 tấn thành phẩm mỗi ngày. Khi tôm vào vụ (vụ tôm ở các tỉnh ĐBSCL gồm 2 vụ, vụ 1 là từ cuối tháng 3 đến



hết tháng 7 và vụ 2 là từ tháng 9 đến tháng 11), các nhà máy của Công ty chạy hết công suất, còn vào các tháng thấp điểm, như thời điểm đầu năm, các nhà máy hoạt động khoảng 70% công suất.

Thông tin các nhà máy của FMC chi tiết như sau:

STT	Nhà máy	Địa chỉ	Công suất	Sản phẩm
1	Nhà máy Thủy sản Nam An	Km 2132, Quốc lộ 1A, Phường 2, Tp Sóc Trăng, Sóc Trăng	50 tấn/ngày	Tôm block, tôm duỗi, tôm IQF, tôm tằm bột, tôm chiên.
2	Nhà máy Thực phẩm An San	Khu CN An Nghiệp, Châu Thành, Sóc Trăng	10 tấn/ ngày	Rau củ quả phối chế, Kakiage,...
3	Nhà máy Thủy sản Tin An	Khu CN An Nghiệp, Châu Thành, Sóc Trăng	10 tấn/ ngày	Tôm bao bột
4	Xí nghiệp Thủy sản Sao Ta	Khu CN An Nghiệp, Châu Thành, Sóc Trăng	15 tấn/ ngày	Tôm block, tôm IQF, tôm duỗi.

Đầu năm 2020, kho lạnh 6.000 tấn của FMC đã đi vào hoạt động, kho lạnh tọa lạc tại khu công nghiệp An Nghiệp, nằm cạnh các nhà máy chế biến, thuận lợi cho công tác vận chuyển, hỗ trợ giữa các đơn vị, nâng tổng công suất kho lạnh của Công ty lên 10.000 tấn, tạo điều kiện cho việc dự trữ nguyên liệu và thành phẩm tồn kho, từ đó Công ty chủ động hơn trong công tác quản lý hàng tồn kho và tiết giảm chi phí lưu trữ, một phần hỗ trợ cải thiện lợi nhuận.

7.1.3 Cơ cấu doanh thu và lợi nhuận gộp của Công ty

Bảng 3: Cơ cấu doanh thu thuần của Công ty

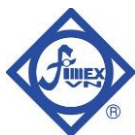
Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2018		Năm 2019		9 tháng năm 2020	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
1	DT bán hàng thủy sản	3.683.180	96,8%	3.556.871	95,9%	3.115.240	97,2%
2	DT bán hàng nông sản	123.480	3,2%	152.720	4,1%	90.562	2,8%
	Tổng cộng	3.806.660	100,0%	3.709.591	100,0%	3.205.802	100,0%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018, năm 2019 và BCTC Quý 3 năm 2020

Hoạt động kinh doanh chính của FMC là chế biến tôm và nông sản xuất khẩu, trong năm 2019 tổng doanh thu Công ty đạt 3.709 tỷ đồng, giảm 2,55% so với năm tài chính 2018. Hai hoạt động tạo ra nguồn thu chính:

- Sản lượng tôm chế biến đạt khoảng 16.356 tấn, sụt giảm 10% so với năm 2018, tuy nhiên sản lượng tôm tiêu thụ tăng tích cực, đạt gần 15.000 tấn (tăng 6% so với năm 2018) nhờ tình hình tiêu thụ tốt tại thị trường Mỹ và Nhật Bản. Dù vậy, do chịu áp lực cạnh tranh từ các quốc gia nuôi trồng tôm trên thế giới với sản lượng tôm tăng mạnh, giá bán tôm xuất khẩu năm 2019 của FMC giảm khoảng 10% so với cùng kỳ, khiến doanh thu mảng tôm đạt 3.556 tỷ đồng giảm 3% so với năm 2018
- Sản lượng nông sản tiêu thụ, doanh thu từ nông sản đạt hơn 152 tỷ đồng, tăng 23,7% so với năm 2018.



BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN 2020
CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM SAO TA



Bảng 4: Cơ cấu lợi nhuận gộp của Công ty

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2018			Năm 2019			9 tháng năm 2020		
		Giá trị	Tỷ trọng LNG	LNG/DTT	Giá trị	Tỷ trọng LNG	LNG/DTT	Giá trị	Tỷ trọng LNG	LNG/DTT
1	LN gộp bán hàng thủy sản	353.533	89,6%	9,3%	373.179	87,9%	10,1%	230.963	84,2%	7,2%
2	LN gộp bán hàng nông sản	41.147	10,4%	1,1%	51.541	12,1%	1,4%	43.283	15,8%	1,4%
	Tổng cộng	394.680	100%	10,4%	424.720	100%	11,4%	274.245	100%	8,6%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018, năm 2019 và BCTC Quý 3 năm 2020

Năm 2019, tổng lợi nhuận gộp của FMC đạt hơn 424 tỷ đồng, tăng 10,41% so với năm 2018. Trong đó, mảng xuất khẩu tôm đông lạnh luôn là lĩnh vực chủ đạo của Công ty, đạt giá trị 373 tỷ đồng, tăng 5,62% so với năm tài chính 2018, với tỷ suất lợi nhuận gộp trên Doanh thu thuần đạt 11,4% trong năm 2019 nhờ thời điểm quý II và quý III năm 2019, công ty chủ động mua ngoài lượng lớn tôm nguyên liệu tại thời điểm giá tôm nguyên liệu xuống thấp. Bên cạnh đó, hoạt động nuôi tôm thành công trong năm cũng đóng góp một phần giúp cải thiện tỷ suất lợi nhuận gộp, sản lượng tôm của vùng nuôi FMC năm 2019 đạt 3.508 tấn, tăng 71% so với năm 2018.

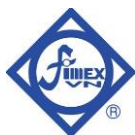
Bảng 5: Cơ cấu chi phí của Công ty qua các năm

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2018			Năm 2019			9 tháng năm 2020		
		Giá trị	%/TCP	%/TDT	Giá trị	%/TCP	%/TDT	Giá trị	%/TCP	%/TDT
1	Giá vốn hàng bán	3.411.980	94,14%	89,36%	3.284.871	94,01%	88,07%	2.931.557	95,75%	90,75%
2	Chi phí tài chính	34.207	0,94%	0,90%	21.407	0,61%	0,57%	17.154	0,56%	0,53%
3	Chi phí bán hàng	101.364	2,80%	2,65%	118.076	3,38%	3,17%	70.233	2,29%	2,17%
4	Chi phí QLDN	76.602	2,11%	2,01%	69.135	1,98%	1,85%	42.253	1,38%	1,31%
5	Chi phí khác	73	0,00%	0,00%	573	0,02%	0,02%	397	0,01%	0,01%
	Tổng chi phí (TCP)	3.624.226	100%		3.494.063	100%		3.061.593	100%	
	Tổng Doanh thu (TDT) (*)	3.818.253		94,92%	3.730.051		93,67%	3.230.242		94,78%

(*) Tổng Doanh thu bao gồm Doanh thu thuần, Thu nhập Tài chính, Thu nhập khác

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018, năm 2019 và BCTC Quý 3 năm 2020



Tỷ lệ Tổng Chi phí/Doanh thu thuần của Công ty trong năm 2019 đạt mức 93,67%, giảm nhẹ so với tỷ lệ 94,92% của năm 2018, trong đó chủ yếu đến từ tỷ lệ Giá vốn hàng bán/Doanh thu thuần.

- *Giá vốn hàng bán* của Công ty năm 2019 đạt 3.248 tỷ đồng, giảm 3,72% so với năm 2018. Với đặc thù ngành chế biến thủy sản thì giá vốn hàng bán chiếm tỷ trọng rất lớn với hơn 90% trên tổng chi phí. Trong cơ cấu giá vốn hàng bán, nguyên liệu tôm chiếm tỷ trọng rất lớn. Giá nguyên liệu trong năm biến động mạnh ngay từ giữa tháng 8 khi dịch bệnh tôm nuôi xảy ra. Nhưng trái lại, việc công tác quản lý tốt các khoản chi phí vận chuyển và bảo hiểm đã giúp công ty giữ mức giá vốn hàng bán thấp hơn năm trước.
- *Chi phí bán hàng* của Công ty năm 2019 đạt 118 tỷ đồng, tăng 16,5% so với mức 101 tỷ đồng của năm 2018, chủ yếu là do tăng chi phí thuế chống bán phá giá áp dụng theo yêu cầu của luật thuế chống bán phá giá của Bộ Thương mại Mỹ và chi phí vận chuyển tăng khi giá trị xuất khẩu của FMC sang thị trường Mỹ tăng 47%, với mức thuế CBPG áp dụng là 4,58%.
- *Chi phí quản lý doanh nghiệp* của Công ty năm 2019 giữ mức ổn định khoảng 2% doanh thu thuần.
- *Chi phí tài chính* của Công ty, Nợ vay ngắn hạn giảm 53% từ 593 tỷ đồng về mức 277 tỷ đồng cuối năm 2019, giúp công ty giảm đáng kể chi phí lãi vay.

7.2 Báo cáo tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh hay cung cấp dịch vụ trong các lĩnh vực đầu tư, sản xuất kinh doanh hay cung cấp dịch vụ chính của tổ chức phát hành

Bảng 6: Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chi tiêu	Năm 2018	Năm 2019	9 tháng năm 2020
1	Chi phí phát triển dự án nuôi tôm	8.881	55.337	-
2	Dự án kho lạnh	311	37.562	-
3	Máy móc đang chờ lắp đặt	3.448	12.275	1.059
4	Khác	0	33	883
Tổng cộng		12.640	105.207	1.943

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018, năm 2019 và BCTC Quý 3 năm 2020

7.2.1 Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

Với phương châm luôn cố gắng tìm kiếm, giới thiệu những sản phẩm mới, có chất lượng cao đến khách hàng, Công ty không ngừng cải tiến, hoàn thiện chất lượng sản phẩm.

Từ năm 2014 trở lại đây, FMC đã có nhiều thành công trong việc cải tiến và phát triển sản phẩm tinh chế có tỷ suất lợi nhuận cao, sức cạnh tranh mạnh, trở thành mũi nhọn chiến lược trong chiến lược sản phẩm của FMC từ nay về sau. Cụ thể các sản phẩm mới Công ty đang phát triển:

- **Tôm tempura:** Kỹ thuật chiên tempura sao chín vừa tới, mẫu mã đẹp bột bao bung như hoa và nhất là không khô cứng sau khi để nguội. Nhiều năm trước đây Fimex và các nhà máy công ty khác không thể phát triển mặt hàng này do không thể đáp ứng các yêu cầu trên. Qua quá trình thực nghiệm nhiều lần, đội ngũ chuyên viên của công ty đã từng bước nắm giữ được kỹ thuật mang tính bí quyết này và vươn lên thành nhà máy có đơn hàng tôm chiên lớn nhất ở miền tây và sản phẩm của Công ty được đánh giá là ngon, đẹp nhất.

Fimex đã hai lần mở rộng công suất chế biến của xưởng tôm tempura từ 40.000 con/ngày lên 60.000 con và năm 2015 vừa hoàn thiện nâng cấp cấp đông bằng máy IQF thay vì tủ đông gió, nâng cao năng suất cấp đông, giảm thiểu chi phí lao động và công suất chung của xưởng lên 80.000 con/ngày. Đây là một trong những món ăn truyền thống của người Nhật Bản nhưng hiện nay Công ty đã mở rộng thêm việc xuất khẩu sản phẩm này sang thị trường thứ 2 đó là Hoa Kỳ.

- **Tôm và nông sản phối chế:** Kakiage nguyên gốc là các mặt hàng rau củ trộn bột chiên. Công ty đã thử nghiệm thành công và khách hàng đã tiêu thụ tốt khi bổ sung tôm thịt mặt trên của bánh, nâng giá thành của sản phẩm tăng gấp hai lần. Việc thử nghiệm này tốn khá nhiều thời gian và công sức vì phải làm cách nào để cho sự phối chế và nhiệt độ chiên của các thành phần đều vừa chín tới. Và đây cũng chính là bí quyết riêng của Công ty và thu hút được đa số người tiêu dùng kể cả những người tiêu dùng khó tính nhất. Mặt hàng này chiếm 1/3 doanh số và ½ tiền lãi của nhà máy thực phẩm An San – đơn vị trực thuộc Fimex.

7.2.2 Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm, dịch vụ

Chất lượng sản phẩm là ưu tiên hàng đầu của Công ty. Các chứng nhận an toàn thực phẩm công ty đạt được:

- Chứng nhận về điều kiện an toàn thực phẩm để sản xuất kinh doanh (HACCP): được cấp bởi chứng nhận số 240/2015/QLCL-CNĐK ngày 09/06/2015 của NAFIQAD.



- Chứng nhận về chuẩn mực toàn cầu đảm bảo khả năng thỏa mãn các yêu cầu về chất lượng và nâng cao sự thỏa mãn của khách hàng trong các mối quan hệ nhà cung cấp-khách hàng (ISO 9001:2008): Được cấp bởi chứng nhận số 38111309001 ngày 13/08/2015 của Intertek.



- Chứng nhận về tiêu chuẩn toàn cầu về an toàn thực phẩm của Hiệp hội bán lẻ Anh (BRC): Chứng nhận số 381A12080011 ngày 06/07/2015 được cấp bởi Intertek.



- Chứng nhận về tiêu chuẩn thực phẩm phổ biến với hệ thống đánh giá đồng nhất sử dụng đánh giá chất lượng & chọn lựa nhà cung ứng (IFS): Được cấp chứng nhận số 2015-210 của Intertek ngày 22/07/2015.



- Ngoài ra Công ty đang áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng, cụ thể: ISO 14001, HALAL, BAP, ASC,... – Đây là những hệ thống về quản lý chất lượng cũng như các tiêu chuẩn về môi trường, xã hội, an toàn thực phẩm nhằm đảm bảo chất lượng sản phẩm của Công ty nhằm thỏa mãn các yêu cầu của khách hàng.





7.2.3 Tình hình tuân thủ pháp luật và bảo vệ môi trường

Chế biến tôm và nông sản là hoạt động gây ra ô nhiễm môi trường với các nguyên nhân gây ô nhiễm chính là ô nhiễm chất thải (nước thải, chất rắn thải). Hiểu rõ việc bảo vệ môi trường là vấn đề quan trọng trong ngành chế biến, do đó Công ty luôn tuân thủ đúng các tiêu chuẩn, quy tắc và luật định nhằm xây dựng một môi trường sản xuất ổn định và bền vững. Theo đó, trong năm Công ty không bị xử phạt về vi phạm quy định bảo vệ môi trường.

7.3 Hoạt động Marketing

Việt Nam có thế mạnh về phát triển nông – lâm – ngư nghiệp, do đó thương hiệu “FIMEX VN” và logo của Công ty đã được các thị trường lớn như: Nhật Bản, EU, Mỹ... chấp nhận. Tuy nhiên, Công ty luôn chủ động quảng bá thương hiệu, sản phẩm và chất lượng sản phẩm của mình đến các khách hàng truyền thống và khách hàng tiềm năng bằng các phương pháp phổ thông như tham gia các hội chợ thủy sản, quảng cáo trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Việc Fimex là một công ty niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, thường xuyên thực hiện nhiều nghĩa vụ công bố thông tin, cổ phiếu được đưa vào các chỉ số lớn của thị trường chứng khoán cũng giúp cho hình ảnh Công ty được quảng bá rộng rãi hơn.

Vấn đề xúc tiến thương mại được Ban lãnh đạo Công ty xác định là công việc thường xuyên và liên tục. Do trình độ công nghệ thông tin, liên lạc ngày càng phát triển và thuận tiện, vì vậy việc tìm kiếm khách hàng cũng thuận lợi hơn rất nhiều. Đặc biệt qua các kỳ hội chợ trong nước và quốc tế như: Hội chợ thủy sản ở Boston (Hoa Kỳ), Hội chợ thủy sản ở Brussels (Bỉ), Hội chợ thủy sản ở Nhật Bản, Hội chợ Vietfish của Việt Nam... Công ty đã gặp gỡ và giao lưu với nhiều khách hàng cũ cũng như mới, từ đó mở ra được các cơ hội tốt cho công việc bán hàng của mình.

Về chính sách giá cả, Công ty dựa vào chi phí sản xuất thực tế, mặt bằng giá bán của các đối thủ cạnh tranh, kết quả đàm phán với từng khách hàng để có những chính sách giá cả hợp lý và linh động, đảm bảo lợi ích cho khách hàng và Công ty.

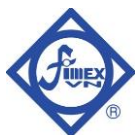
7.4 Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Thương hiệu đăng ký : **Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta**

Logo Công ty :



Logo của Công ty đã đăng ký nhãn hiệu hàng hóa độc quyền tại Việt Nam theo Quyết định số 3150/QĐNH ngày 15/10/1996 do Cục sở hữu công nghiệp Việt Nam cấp và được cấp lại theo Quyết định số 201/QĐ-ĐK ngày 12/05/2003, đồng thời cũng đã đăng ký tại Nhật Bản theo giấy chứng nhận



số 4835631 ngày 28/01/2005 do Cơ quan xét và cấp bằng sáng chế của Nhật Bản là Japan Patent Office cấp.

7.5 Các hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã được ký kết

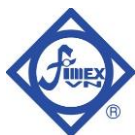
Hiện nay, hợp đồng với các khách hàng truyền thống của Công ty trung bình chiếm 90% sản lượng, phần còn lại là các khách hàng mới.

Bảng 7: Danh sách các hợp đồng lớn

Đơn vị tính: USD

TT	Số hiệu Hợp đồng	Ngày ký	Khách hàng	Sản phẩm	Giá trị HĐ dự kiến	Thời gian thực hiện	Tình trạng
1	066/ASFS/2020	13/04/2020	AMANDA	Tôm đông lạnh	11.941.000 USD	Từ 05/2020 đến 11/2020	Đang thực hiện
2	048/ASFS/2020	28/02/2020	AMANDA	Tôm đông lạnh	4.118.400 USD	Từ 04/2020 đến 04/2021	Đang thực hiện
3	014/ASFS/2020	20/01/2020	AMANDA	Tôm đông lạnh	10.406.738 USD	Từ 04/2020 đến 03/2021	Đang thực hiện
4	120/ASFS/2020	15/07/2020	AMANDA	Tôm đông lạnh	10.187.000 USD	Từ 08/2020 đến 03/2021	Đang thực hiện
5	095/ASFS/2020	12/06/2020	AMANDA	Tôm đông lạnh	2.640.000 USD	Từ 07/2020	Đang thực hiện
6	067/ASFS/2020	14/04/2020	AMANDA	Tôm đông lạnh	3.446.875 USD	Từ 06/2020	Đang thực hiện
7	035/ASFS/2020	20/02/2020	AMANDA	Tôm đông lạnh	3.572.800 USD	Từ 05/2020 đến 12/2020	Đang thực hiện
8	072/ASFS/2020	23/04/2020	AMANDA	Tôm đông lạnh	1.118.000 USD	Từ 06/2020	Đang thực hiện
9	127/KTLS-FM/20	25/05/2020	KYOKUYO	Tôm đông lạnh	3.090.296 USD	Từ 05/2020 đến 12/2020	Đang thực hiện
10	128/KTLS-FM/20	25/05/2020	KYOKUYO	Tôm đông lạnh	1.722.500 USD	Từ 05/2020 đến 11/2020	Đang thực hiện

Nguồn: Công ty



8. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất

8.1 Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong 2 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất

8.1.1 Kết quả hoạt động kinh doanh

Bảng 8: Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	% tăng giảm	9 tháng năm 2020
1	Tổng giá trị tài sản	1.495.244	1.520.839	1,7%	2.133.474
2	Vốn chủ sở hữu	688.939	938.758	36,3%	1.017.601
3	Doanh thu thuần	3.806.660	3.709.591	-2,5%	3.205.802
4	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	193.671	234.289	21,0%	168.950
5	Lợi nhuận khác	355	1.699	378,1%	(301)
6	Lợi nhuận trước thuế	194.027	235.988	21,6%	168.649
7	Lợi nhuận sau thuế	180.496	229.776	27,3%	162.384
8	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	72,59%	53,36%	-26,5%	na
9	Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu	26,20%	24,48%	-6,6%	15,96%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018, năm 2019 và BCTC Quý 3 năm 2020

Năm 2019, do dịch bệnh trên tôm dẫn đến giá nguyên liệu đầu vào cao, FMC chủ động không mua vào dẫn đến doanh thu năm 2019 giảm 2,5% so với năm 2018. Dù giá tôm bán ra giảm, nhờ kinh nghiệm lâu năm của ban quản lý, biên lợi nhuận giảm nhẹ do giá tôm trong nước cao. Sản lượng tôm chế biến đạt 43,8% (cùng kỳ năm 2018: 43,5%, cùng kỳ năm 2019: 47,1%) so với kế hoạch cả năm.

Vốn đầu tư các dự án của FMC từ nguồn vốn chủ sở hữu, trong năm 2019, FMC tăng vốn thành công thông qua việc phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu. FMC chủ động sử dụng vốn vay ngân hàng để sử dụng cho vốn lưu động, dẫn đến hệ số đòn bẩy của FMC cao, đổi lại, ROE của FMC trong 5 năm qua luôn đạt ít nhất 20%, lãi suất đi vay của FMC khoảng 2,8%-3% (vay bằng USD). FMC không vay nợ dài hạn, Công ty chỉ vay nợ ngắn hạn để tài trợ cho hoạt động vốn lưu động, trong giai đoạn 2015-2019, tỷ lệ nợ trên vốn chủ sở hữu của FMC có xu hướng giảm, từ 2,51 xuống còn 0,29, nhờ hiệu quả kinh doanh tích cực. So với các doanh nghiệp trong ngành, tỷ lệ nợ trên vốn chủ sở hữu của FMC ở mức thấp nhất. Do đó, không tồn tại rủi ro quá lớn từ việc sử dụng đòn bẩy tài chính của Công ty. Với kết quả doanh thu và lợi nhuận tăng trưởng ổn định, FMC duy trì chính sách chi trả cổ tức bằng tiền mặt tương đối ổn định cho các cổ đông, trung bình khoảng 2.000



đồng/cổ phiếu trong giai đoạn 2008-2019. Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2020, FMC thông qua phương án chi trả cổ tức 2.500 đồng/cổ phiếu năm 2020

Năm 2020, FMC sử dụng nguồn vốn chủ sở hữu đã cơ bản hoàn thành đầu tư 2 hạng mục quan trọng gồm: (i) mở rộng vùng nuôi tôm thêm 81ha, nâng tổng diện tích nuôi tôm đạt 270ha (tăng 30%), như vậy sản lượng tôm mỗi năm tăng thêm khoảng 2.000 tấn, nâng tỷ lệ tự chủ tôm nguyên liệu từ 20% lên 30%; và (ii) nâng cấp kho lạnh 6.000 tấn, chi phí đầu tư khoảng 60 tỷ đồng, giúp nâng hệ thống kho lạnh của FMC đạt 10.000 tấn. Trong bối cảnh từ đầu năm 2020, dịch bệnh viêm phổi cấp (COVID-19) bùng phát tại Trung Quốc và lan rộng đến toàn thế giới, trong đó, các thị trường xuất khẩu trọng điểm tôm của Việt Nam như Mỹ, EU, Nhật Bản, tình hình dịch bệnh đến nay vẫn còn diễn biến khá phức tạp, các biện pháp phong tỏa, hạn chế đến các nơi công cộng, nhà hàng, khách sạn,... đã phần nào làm ảnh hưởng tiêu cực đến sức tiêu thụ tôm trên toàn cầu. FMC đạt kế hoạch doanh thu năm 2020 với tổng doanh thu đạt khoảng 4.170 tỷ đồng, tăng 12% so với năm 2019 và lợi nhuận trước thuế đạt 235 tỷ đồng, giảm 0.4% so với năm 2019.

8.1.2 Các chỉ tiêu khác: Không có

8.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo

8.2.1 Thuận lợi

- Thị trường EU, là một trong các thị trường xuất khẩu chiến lược của Công ty, chiếm 27% tổng doanh thu của FMC năm 2019, được hưởng ưu đãi thuế từ Hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam và EU (EVFTA). Khi đó, thuế xuất khẩu của các mặt hàng tôm nguyên liệu sẽ giảm ngay về 0% và tôm chế biến giảm 0% theo lộ trình sau 7 năm Hiệp định có hiệu lực, giúp nâng cao khả năng cạnh tranh so với các đối thủ tại thị trường EU.
- Thị trường Mỹ, chiếm 19% tổng doanh thu của FMC năm 2019, được kỳ vọng tăng nhờ kết quả của lần rà soát thuế chống bán phá giá (CBPG) gần nhất - POR 13, sản phẩm tôm của Việt Nam vào thị trường này là 0%, thấp hơn so với mức thuế của POR 12 là 4,58%.
- Ban lãnh đạo Công ty có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực chế biến thủy sản, đặc biệt là nuôi trồng và chế biến tôm các loại;
- Đội ngũ công nhân viên có trình độ tay nghề cao, gắn bó lâu dài với Công ty; Cán bộ quản lý, công nhân kỹ thuật từng bước làm chủ được công nghệ;
- Chi phí tôm nguyên liệu đầu vào của Công ty giảm nhờ tỷ lệ tự chủ tôm từ vùng nuôi tăng lên từ 20% lên 30%, giúp FMC cải thiện tỷ suất lợi nhuận gộp.
- Tổng công suất kho lạnh của Công ty nâng lên 10.000 tấn, giúp công ty chủ động hơn trong công tác quản lý hàng tồn kho và tiết giảm chi phí lưu trữ.

8.2.2 Khó khăn

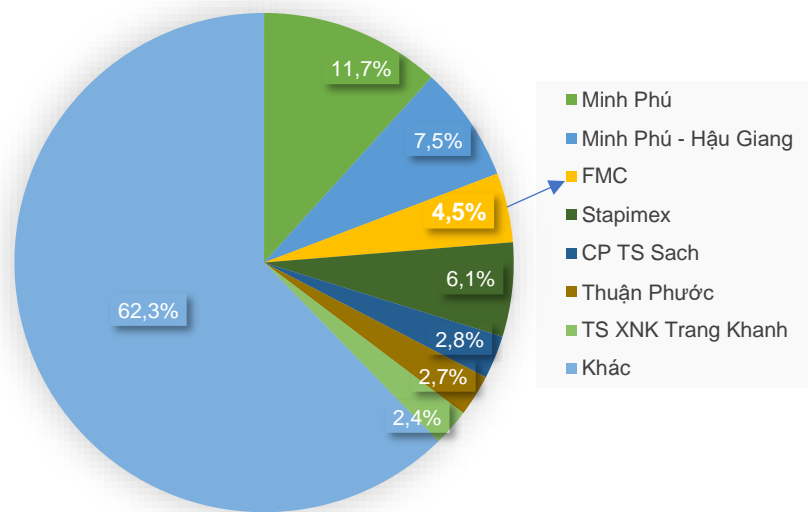
- Rào cản thương mại và kỹ thuật tại các thị trường xuất khẩu: là mặt hàng thực phẩm, do đó, các sản phẩm tôm xuất khẩu luôn được đòi hỏi phải đáp ứng những yêu cầu khắt khe và nghiêm ngặt nhất về vệ sinh an toàn thực phẩm và truy xuất nguồn gốc.
- Thuế CBPG tại thị trường Mỹ: Mặt hàng tôm Việt Nam hiện đang nằm trong danh sách các mặt hàng phải chịu thuế CBPG tại thị trường Mỹ từ những năm 2003 cho đến nay, mặc dù mức thuế suất cho POR13 là 0%, nhưng mức thuế suất này sẽ được Bộ Thương mại Mỹ (DOC) xem xét và xác định từng năm, do đó, mức thuế CBPG này có thể sẽ tăng cho những kỳ rà soát tiếp theo.
- Biến động giá tôm nguyên liệu mua ngoài: Nhiều nhà máy cạnh tranh gay gắt trong quá trình thu mua trong phạm vi hẹp về nguồn nguyên liệu. Giá nguyên liệu biến động thất thường, gây khó khăn trong công tác chuẩn bị thu mua cho sản xuất.

9. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

9.1. Vị thế của Công ty trong ngành

Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta với vị thế là doanh nghiệp đầu ngành xuất khẩu tôm, năm 2019 kim ngạch xuất khẩu tôm của FMC đứng thứ 3 toàn ngành, với thị phần tăng từ 3,9% (2017) lên 4,5% (2019). Công ty hoạt động trong lĩnh vực tập trung rất nhiều doanh nghiệp lớn và nhỏ với sự cạnh tranh khá gay gắt của ngành thủy sản Việt Nam, Công ty luôn ý thức được vị thế của mình trong ngành để từ đó có những kế hoạch hợp lý, những quyết sách đúng đắn nhằm giữ vững và ngày một nâng cao vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác.

Hình 7: Thị phần xuất khẩu tôm của Việt Nam trong năm 2019



Nguồn: Tổng cục thống kê, VASEP



Năm 2019, cơ cấu thị trường của FMC có sự thay đổi so với giai đoạn trước đó. Cụ thể, giá trị xuất khẩu sang thị trường Châu Âu sụt giảm 37% so với năm 2018, đạt 1.000 tỷ đồng, sau giai đoạn tăng trưởng mạnh từ 429 tỷ đồng năm 2015 lên đến 1.586 tỷ đồng năm 2019. Trong khi đó, thị trường Nhật Bản và Mỹ có mức tăng trưởng tốt.

Tại thị trường EU: Từ năm 2015, do sản phẩm tôm của Thái Lan không còn được hưởng thuế ưu đãi GSP (Generalized System of Preference - Hệ thống ưu đãi thuế quan phổ cập) khi xuất khẩu sang EU, thuế suất của tôm nguyên liệu và tôm chế biến của Thái Lan lần lượt là 12% và 20%, so với mức thuế của Việt Nam tương ứng là 4,2% và 7%. Do đó, Công ty đã tận dụng thời cơ này, chuyển hướng tập trung sang thị trường EU, nâng tỷ trọng đóng góp doanh thu từ thị trường này lên mức khoảng 42% năm 2018. Tuy nhiên, năm 2019, tỷ lệ đóng góp từ giá trị xuất khẩu sang thị trường EU trong tổng doanh thu đã giảm về 27%. Nguyên nhân là do áp lực cạnh tranh ngày càng gay gắt khi ngày càng có nhiều đối thủ trong ngành cùng tiếp cận thị trường này, trong khi sản phẩm tôm của FMC xuất khẩu sang thị trường EU chủ yếu là mặt hàng tôm chế biến giá trị gia tăng, với giá bán có phần cao hơn.

Tại thị trường Nhật Bản: Đây là thị trường xuất khẩu truyền thống của FMC, năm 2019, xuất khẩu tôm của FMC sang thị trường này đạt 1.373 tỷ đồng, tăng 40% so với năm 2018, trở thành thị trường xuất khẩu lớn nhất của FMC, chiếm khoảng 37% tổng doanh thu xuất khẩu tôm. FMC vốn có thế mạnh tại thị trường Nhật Bản khi xuất khẩu các sản phẩm chế biến đòi hỏi kiểu dáng bên ngoài và tính tỉ mỉ cao, bao gồm tôm Nobashi, tôm bao bột,...

Tại thị trường Mỹ: Giá trị xuất khẩu tôm của FMC năm 2019 ghi nhận mức tăng trưởng khả quan, đạt khoảng 705 tỷ đồng, tăng 47% so với năm 2018, chiếm khoảng 19% tổng doanh thu xuất khẩu tôm của FMC. Sau giai đoạn khó khăn do phải chịu mức thuế CBPG sang thị trường Mỹ cao, ngày 21/8/2019, các doanh nghiệp xuất khẩu tôm Việt sang thị trường Mỹ nhận được thông tin tích cực, theo kết quả của đợt rà soát thuế CPBG lần thứ 13 (POR 13) cho kỳ xem xét từ 01/02/2017 đến 31/01/2018, mức thuế CBPG của FMC cùng 30 doanh nghiệp khác xuất khẩu sang Mỹ đạt 0%. Đây là điều kiện thuận lợi để FMC gia tăng tỷ trọng xuất khẩu sang Mỹ trong năm 2019 và 2020.

Tỷ suất lợi nhuận gộp của các doanh nghiệp xuất khẩu tôm Việt Nam khá thấp, trung bình chỉ khoảng 10%, do chịu áp lực cạnh tranh gay gắt từ các quốc gia xuất khẩu tôm lớn trên thế giới như Ấn Độ, Ecuador, Indonesia,... những quốc gia có giá thành sản xuất tôm thấp hơn Việt Nam khoảng 10-20%. Giai đoạn 2015-2019, tỷ suất lợi nhuận gộp của FMC có xu hướng tăng, từ khoảng 9% lên 11%. Năm 2019, trong bối cảnh giá tôm trên thế giới đồng loạt giảm khi nguồn cung tăng mạnh, tỷ suất lợi nhuận gộp các doanh nghiệp xuất khẩu tôm lớn của Việt Nam như MPC, Stapimex, Thuận Phước đều sụt giảm so với cùng kỳ. Tuy nhiên, FMC nhờ lợi thế từ hiệu quả hoạt động nuôi tôm, cũng như tận dụng tốt những cơ hội kinh doanh từ xu hướng giá bán xuất khẩu và giá tôm nguyên liệu trên thị trường, năm 2019, tỷ suất lợi nhuận gộp của FMC đạt 11%, cao nhất trong lịch sử hoạt động của Công ty. Trong bối

cảnh khó khăn của dịch COVID-19, giá bán tôm xuất khẩu giảm, tỷ suất lợi nhuận gộp của FMC giảm nhẹ về 10%, trong khi MPC giảm từ 10% về 8%.

9.2. Triển vọng phát triển của ngành

Trong hơn 10 năm trở lại đây, xu hướng nuôi trồng thủy sản ngày càng phát triển, dần thay thế hoạt động đánh bắt do mối lo ngại nguồn lợi thủy sản tự nhiên cạn kiệt. Theo dự báo của Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên Hiệp Quốc (FAO), sản lượng thủy sản nuôi trồng sẽ tiếp tục tăng trưởng với tốc độ tăng trưởng bình quân hằng năm khoảng 2,6% trong giai đoạn 2018-2024, đạt khoảng 99 triệu tấn năm 2024. Trong khi sản lượng thủy sản đánh bắt gần như không tăng trưởng, trung bình mỗi năm thu hoạch khoảng 70 triệu tấn. Trong đó, tôm là loài thủy sản có tốc độ tăng trưởng tích cực, khi tỷ trọng tôm đóng góp trong tổng sản lượng thủy sản thế giới tăng từ mức 7% năm 2010 lên 9% năm 2030. Do đó, mức tăng này phần nào cũng dự báo tình hình cạnh tranh giữa các quốc gia xuất khẩu tôm trên thế giới sẽ diễn ra ngày càng mạnh mẽ.

Sản lượng thủy sản nuôi trồng và đánh bắt trên thế giới từ 2000 - 2024 (triệu tấn)



Nguồn: OECD, FAO

Dự phóng tỷ trọng đóng góp của các loài thủy sản đến năm 2030

Thủy sản	2008	2010	2020F	2030F
Tôm	7%	7%	8%	9%
Các loại thân mềm	26%	28%	26%	24%
Các loài giáp xác	2%	2%	2%	2%
Cá rô phi	5%	5%	7%	7%
Cá hồi	4%	4%	4%	4%
Cá basa	5%	5%	5%	5%

Nguồn: FAO

Theo Chương trình mục tiêu phát triển kinh tế thủy sản bền vững giai đoạn 2016 - 2020 được Chính phủ phê duyệt, theo đó, phần đầu chủ động sản xuất 100% giống tôm sú, tôm chân trắng, là giống sạch bệnh đang tháo gỡ khó khăn về vấn đề giống cho các doanh nghiệp trong ngành, đồng thời Bộ Nông nghiệp và các cơ quan quản lý hỗ trợ tháo gỡ vướng mắc cho các doanh nghiệp xuất khẩu nhằm khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho ngành phát triển tốt nhất.

Với lợi thế từ Hiệp định thương mại Việt Nam – EU (EVFTA) dự kiến có hiệu lực trong tháng 8/2020, theo đó thuế sẽ giảm xuống từ 14% còn 0% tại thị trường EU giúp Việt Nam tạo đột phá xuất khẩu mạnh vào 28 nước châu Âu với mục tiêu đạt giá trị xuất khẩu thị trường này là 1 tỷ USD đồng thời hướng đến tổng kim ngạch xuất khẩu toàn ngành tôm trong năm 2020 là 3.5 tỷ USD.

Bên cạnh đó, một loạt hiệp định tự do thương mại song phương và đa phương với các nước đã được ký kết sẽ mở ra cơ hội cho các doanh nghiệp Việt Nam đẩy mạnh xuất khẩu thủy sản sang các thị



trường này. Theo đó, nhu cầu tôm của thế giới năm 2020 là 5.200.000 tấn, đến năm 2025 sẽ là 6.525.000 tấn; trong đó, nhu cầu tôm của các thị trường xuất khẩu chủ lực của Việt Nam là Mỹ, Nhật Bản cũng liên tục tăng và sản lượng tôm Việt Nam xuất khẩu vào hai thị trường này còn rất khiêm tốn.

- Tại thị trường EU sẽ là thị trường chính của Việt Nam bởi hiện tại nguồn cung của Thái Lan không đủ cho xuất khẩu và Ấn Độ đang gặp khó khăn.
- Tại thị trường Mỹ, kết quả chống bán phá giá tôm Việt Nam trong giai đoạn xem xét hành chính lần thứ 13 – POR13 (từ ngày 1/2/2017 đến ngày 31/1/2018) khả quan hơn so với những lần trước, nên sẽ là yếu tố hỗ trợ xuất khẩu tôm tại thị trường này.
- Các thị trường Nhật Bản và Hàn Quốc, ...: nhờ vào các hiệp định thương mại tự do sẽ tạo lợi thế cạnh tranh nhất định đối với tôm Việt Nam.

9.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới

Dịch COVID-19 được kiểm soát tốt ở Việt Nam, nông dân có thể bắt đầu vụ mùa đúng hạn, duy trì sản lượng. Trái ngược với Việt Nam, sản lượng tôm từ Ấn Độ sụt giảm 40% trong năm 2020 do lệnh phong tỏa toàn quốc.

Hiệp định CPTPP có hiệu lực từ tháng 01 năm 2019, tạo cơ hội quý giá cho ngành tôm Việt Nam nói chung và FMC nói riêng để đẩy mạnh xuất khẩu vào các thị trường Nhật Bản, Canada và Úc. Cụ thể, thuế xuất nhập khẩu cho sản phẩm tôm đông lạnh từ Việt Nam sẽ được xóa bỏ ngay từ năm 2019, trong khi thuế cho sản phẩm tôm chế biến sẽ được xóa bỏ dần về 0% vào năm 2022. Những ưu đãi này tạo ra lợi thế lớn FMC so với các đối thủ từ Ấn Độ, Thái Lan và Indonesia - những thị trường không tham gia CPTPP và không được hưởng ưu đãi thuế. Trong năm 2019, FMC tiếp tục tập trung vào thị trường Nhật Bản với nhiều thế mạnh, đồng thời, Công ty cũng mở rộng tìm kiếm cơ hội ở các thị trường mới như Úc.

EVFTA, có hiệu lực từ tháng 8 năm 2020, được kì vọng sẽ tạo điều kiện để xuất khẩu tôm từ Việt Nam, tạo điều kiện để xuất khẩu tôm từ Việt Nam tăng trưởng mạnh vào thị trường tiềm năng này. Thuế nhập khẩu cho tôm đông lạnh từ Việt Nam được giảm từ 4,2% về 0% ngay 2020, trong khi tôm chế biến sẽ được giảm dần thuế về 0% (trong 7 năm). Như vậy, ưu đãi từ EVFTA sẽ giúp FMC có lợi thế so với các thị trường Ấn Độ (4,2% thuế), Thái Lan và Ecuador (12% thuế).

Chiến tranh thương mại giữa Trung Quốc và Mỹ đẩy mạnh xuất khẩu tôm bột vào Mỹ. Việc chiến tranh thương mại giữa Trung Quốc và Mỹ kéo dài, tạo điều kiện cho tôm chế biến của Việt Nam tăng thị phần ở thị trường Mỹ trong tương lai. Cụ thể trong năm 2019, giá trị xuất khẩu tôm chế biến từ Trung Quốc vào Mỹ giảm 41,8%, dẫn đến thị phần giảm từ 50% (năm 2018) xuống 29% (năm 2019), do Mỹ tăng



thuế đối với sản phẩm này. Ngược lại, giá trị xuất khẩu tôm chế biến của Việt Nam vào Mỹ tăng mạnh 44% trong năm 2019, nâng thị phần từ 16% lên 23%, tạo cơ hội cho FMC tăng trưởng ở thị trường này.

Với vị thế là doanh nghiệp đầu ngành xuất khẩu tôm, FMC đã tận dụng nhanh chóng đà tăng trưởng của ngành xuất khẩu tôm, kim ngạch xuất khẩu của FMC đứng thứ 3 toàn ngành, với thị phần tăng từ 3,9% năm 2017 lên 4,5% năm 2019. Ngoài ra, Công ty có kế hoạch mở rộng xây dựng nhà máy Thủy sản Sao Ta với công suất 15.000 tấn để phát triển sản phẩm tôm chế biến cao cấp cho thị trường chiến lược EU và Mỹ.

10. Chính sách đối với người lao động

10.1. Số lượng và cơ cấu người lao động trong công ty

Tổng số lao động của Công ty đến thời điểm 31/12/2019 là 3.728 người với cơ cấu người lao động như sau:

TT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
I	Theo giới tính	3.728	100,00%
1	Nam	1.237	33,18%
2	Nữ	2.491	66,82%
II	Theo trình độ	3.728	100,00%
1	Trên Đại học	6	0,16%
2	Đại học và Cao đẳng	359	9,63%
3	Trung cấp	155	4,16%
4	Lao động phổ thông	3.208	86,05%
III	Theo hợp đồng lao động	3.728	100,00%
1	Hợp đồng không thời hạn	1.613	43,27%
2	Hợp đồng xác định từ 1 - 3 năm	2.115	56,73%

Nguồn: Công ty

10.2. Chính sách nhân sự

Chính sách tuyển dụng

Công ty tuyển dụng nhân sự dựa trên hình thức đánh giá năng lực, kinh nghiệm và kỹ thuật phù hợp cho từng vị trí nhằm mang lại hiệu quả trong quá trình vận hành, quản lý tạo cơ sở cho sự phát triển bền vững của Công ty. Theo đó, Công ty đã xây dựng những tiêu chuẩn tuyển dụng cho từng vị trí, bộ phận, chú trọng vào tuyển dụng nhân sự trong hoạt động sản xuất kinh doanh, đặc biệt là các nhân sự ở cấp bậc quản lý.

Chế độ làm việc



Công ty thực hiện chế độ làm việc 6 ngày/tuần và 8 giờ/ngày. Tuy nhiên, tùy theo điều kiện công việc đòi hỏi mà các đội có thể thay đổi thời giờ làm việc trong ngày cho phù hợp hoặc làm thêm giờ nhưng phải bảo đảm số giờ tiêu chuẩn của ngày làm việc do Công ty quy định.

Nhân viên làm việc đủ 12 tháng sẽ được nghỉ phép 12, 14 hoặc 16 ngày/năm tùy theo điều kiện làm việc. Nếu chưa đủ 12 tháng thì số ngày nghỉ phép hàng năm được tính tương ứng với số tháng làm việc trong năm. Công ty sẽ tăng số ngày nghỉ phép dựa trên thời gian làm việc của nhân viên, cứ mỗi 5 năm làm việc sẽ được nghỉ thêm 1 ngày. Ngoài ra, hàng năm, tất cả nhân viên của Công ty đều được nghỉ lễ 8 ngày/năm. Nếu những ngày này trùng với những ngày nghỉ khác, thì nhân viên được nghỉ bù vào ngày tiếp theo.

Chính sách đào tạo

Tuyển dụng nhân sự mới theo quy trình được thiết lập để đảm bảo nhân viên mới có đủ trình độ, kỹ năng, kinh nghiệm cho vị trí cần tuyển dụng và có tư cách đạo đức tốt, có nguyện vọng gắn bó lâu dài với Công ty. Trong dài hạn, Công ty ưu tiên nguồn nhân lực ở địa phương vì có tính ổn định và chất lượng khá cao.

Công ty đảm bảo toàn bộ nhân viên được đào tạo để có đủ năng lực chuyên môn, thực hiện tốt công việc được giao. Việc đào tạo và huấn luyện các kỹ năng, chuyên môn cần thiết được thực hiện tại Công ty hoặc đào tạo các khóa học bên ngoài theo kế hoạch đào tạo của Công ty được lập từ đầu năm.

Bên cạnh đó, Công ty cũng thường xuyên tổ chức các chương trình đào tạo như: phổ biến nội quy quy định của Công ty, đào tạo tay nghề, đào tạo nội dung các hệ thống quản lý chất lượng như: HACCP, OHSAS 18001, ISO 9001-2008, ISO 14001-2004, ... Ngoài ra, Công ty còn thuê các chuyên gia đến Công ty trực tiếp đào tạo, hay gửi công nhân đi tham dự các khóa học chuyên ngành, ...

Để thực hiện tốt công tác đào tạo, Công ty và người lao động thỏa thuận cam kết về nghĩa vụ và quyền lợi của hai bên trong quá trình học tập, khả năng công tác và thời gian phục vụ Công ty sau khi học tập.

Chính sách lương thưởng phúc lợi

Để tạo sự công bằng, hiện nay Công ty trả lương theo sản phẩm, không người lao động nào có thể dựa dẫm hoặc ăn theo người khác, từ đó tạo “đòn bẩy” về mặt kinh tế thúc đẩy sự hăng say trong công việc của mọi người lao động. Mức thu nhập bình quân của người lao động trong Công ty qua các năm được cải thiện đáng kể.

Hàng năm, Công ty dùng một khoản tiền được trích từ lợi nhuận theo quy định để khen thưởng cho cán bộ công nhân viên của Công ty. Chính sách khen thưởng của Công ty là theo bình bầu xếp loại A, B, C.



Bên cạnh đó, Công ty còn tổ chức cho đại đa số cán bộ công nhân viên đi tham quan và nghỉ mát sau một năm làm việc vất vả. Một số cá nhân xuất sắc được Công ty đề nghị Ủy ban Nhân dân tỉnh Sóc Trăng, Liên đoàn Lao động tỉnh Sóc Trăng cấp bằng khen, giấy khen, ...

Công ty thực hiện chính sách đối với người lao động theo quy định của Luật Lao động, ký kết hợp đồng lao động cho toàn thể cán bộ công nhân viên, mua bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế. Người lao động của Công ty được hưởng đầy đủ các quyền lợi được quy định trong thỏa ước lao động tập thể được cơ quan chức năng thừa nhận.

Nhằm hạn chế tối đa những rủi ro trong quá trình sản xuất, Công ty trang bị đầy đủ phương tiện bảo hộ lao động và phòng chống độc hại cho người lao động phù hợp với các quy định về an toàn lao động của Nhà nước. Xây dựng môi trường làm việc thoải mái, an toàn cho người lao động thông qua các hoạt động như lắp đặt hệ thống thông gió, hệ thống quạt hút, quạt mát. Ngoài các chính sách giúp ổn định thu nhập, Công ty còn tổ chức các hoạt động nâng cao đời sống tinh thần cho người lao động.

Các chế độ chính sách khác đối với người lao động

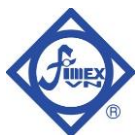
Ngoài việc thực hiện các chế độ bảo hiểm xã hội cho người lao động theo Bộ luật lao động, nội quy lao động và thỏa ước lao động tập thể, Công ty cũng luôn quan tâm đến đời sống và cải thiện điều kiện cho cán bộ công nhân viên, cụ thể:

- Xây dựng được 40 phòng ở trong khuôn viên của Công ty, trang bị đầy đủ vật dụng cần thiết phục vụ cho việc ăn, ở nhằm thu hút lực lượng lao động có tay nghề từ các nơi đến làm việc, đồng thời cũng là tạo tư tưởng an tâm trong công tác cho cán bộ công nhân viên từ xa đến Công ty làm việc.
- Công ty đã xây dựng được 06 căn tin phục vụ cho cán bộ công nhân viên xuyên suốt từ 5 giờ sáng đến 12 giờ khuya (ca 3) và khu chợ phục vụ cho nhu cầu ăn uống, mua sắm đa dạng của cán bộ công nhân viên (do Công ty nằm ở khu vực xa chợ).
- Công ty đã xây dựng phòng đọc sách, phòng karaoke, lắp đặt trò chơi điện tử, xây dựng 02 sân cầu lông, 01 sân bóng đá mini, 03 bàn bóng bàn nhằm tạo dựng không khí vui chơi, giải trí lành mạnh sau giờ làm việc, sản xuất.

11. Chính sách cổ tức

Căn cứ theo Điều lệ của Công ty, tỷ lệ cổ tức hàng năm do Hội đồng Quản trị đề xuất và do Đại hội đồng cổ đông quyết định như sau:

- Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.



- Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng Quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.
- Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
- Hội đồng Quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng Quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

Bảng 9: Tỷ lệ cổ tức qua các năm

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020 *
Tỷ lệ chi trả cổ tức	18%	45%	20%	25%	25%
Hình thức chi trả cổ tức	tiền mặt	tiền mặt	tiền mặt	tiền mặt	tiền mặt

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2017, năm 2018 và năm 2019

() Căn cứ Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 ngày 12/6/2020, mức chi trả cổ tức năm 2020 bằng tiền mặt là 25%/mệnh giá cổ phiếu, ủy quyền cho HĐQT xem xét cho ứng trước số cổ tức ở từng thời điểm phù hợp.*

12. Tình hình hoạt động tài chính

12.1 Các chỉ tiêu cơ bản

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong BCTC là Đồng Việt Nam. Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính; Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC.

() Năm 2016 và năm 2017, kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 10 và kết thúc vào ngày 30 tháng 9.*

Theo Báo cáo tài chính năm 2018 được kiểm toán theo Báo cáo kiểm toán số 61119180/20265688 của Công ty TNHH E&Y Việt Nam, kiểm toán viên đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 chưa được kiểm toán. Lý do, năm 2017, kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 10 và kết thúc vào ngày 30 tháng 9. Từ năm 2018 cho đến nay, kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Theo đó, năm 2017, Công ty lập Báo cáo tài chính kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017, đồng thời Công ty lập bổ sung thêm Báo cáo tài chính kiểm toán cho kỳ kế toán từ ngày 01/10/2017 đến ngày 31/12/2017, làm cơ sở số liệu đầu kỳ cho BCTC kiểm toán năm 2018 khi áp dụng kỳ kế toán năm bắt đầu ngày 01 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12. Cả hai báo cáo tài chính trên đều do Công ty TNHH E&Y Việt Nam thực hiện kiểm toán cho Công ty.



12.1.1 Báo cáo về vốn điều lệ, vốn kinh doanh và tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	9 tháng năm 2020
Vốn chủ sở hữu	688.939	938.758	1.017.601
▪ Vốn điều lệ	402.000	490.440	490.440
▪ Thặng dư vốn cổ phần	70.527	190.712	190.712
▪ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	216.412	257.606	336.449

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018, năm 2019 và BCTC Quý 3 năm 2020

Vốn điều lệ và vốn kinh doanh đã được Công ty triệt để sử dụng một cách hợp lý cho các hoạt động kinh doanh và hoạt động xây dựng mới các dự án.

12.1.2 Trích khấu hao tài sản cố định

- Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 25 năm
Máy móc và thiết bị	4 - 10 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 7 năm
Quyền sử dụng đất	39 - 50 năm
Phần mềm vi tính	3 - 6 năm
Tài sản khác	5 - 6 năm

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019 và BCTC quý 3 năm 2020

- Công ty đã thực hiện trích khấu hao tài sản cố định theo đúng quy định và không có bất kỳ thay đổi nào trong chính sách khấu hao.

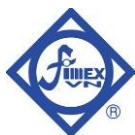
12.1.3 Mức thu nhập bình quân của Cán bộ công nhân viên:

Bảng 10: Mức thu nhập bình quân qua các năm

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019
Thu nhập bình quân (Đồng/tháng)	6.900.000	7.500.000	8.500.000	9.440.000

Nguồn: Công ty

Lương trung bình của người lao động tại FMC cũng ghi nhận mức tăng trưởng ổn định, từ 6,9 triệu/tháng năm 2016 tăng lên 9,4 triệu/tháng năm 2019. Đây là mức thu nhập khá so với mức lương bình quân của các doanh nghiệp khác cùng ngành trên cùng địa bàn.



12.1.4 Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Công ty luôn thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản nợ và khoản vay của Công ty. Công ty không có bất kỳ khoản nợ quá hạn nào tính đến thời điểm lập Bản cáo bạch này.

12.1.5 Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty luôn thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản thuế VAT, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân và các khoản thuế khác theo các quy định của Nhà nước.

Bảng 11: Thuế và các khoản phải thu / phải trả Nhà nước

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chi tiêu	Năm 2018	Năm 2019	9 tháng năm 2020
I	Các khoản phải thu	24.974	19.363	20.309
-	Thuế giá trị gia tăng	24.974	19.363	20.309
II	Các khoản phải trả	20.103	13.067	5.660
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp*	15.516	6.704	5.639
-	Thuế thu nhập cá nhân	4.587	6.363	21

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018, năm 2019 và BCTC Quý 3 năm 2020

(*) Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

12.1.6 Trích lập các quỹ theo luật định

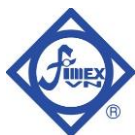
Công ty trích lập và sử dụng các quỹ theo quy định áp dụng cho các doanh nghiệp là công ty cổ phần, theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty. Mức trích lập cụ thể theo từng năm sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định dựa trên đề xuất của Hội đồng quản trị.

Bảng 12: Giá trị các quỹ của Công ty

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chi tiêu	Năm 2018	Năm 2019	9 tháng năm 2020
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	682	10.502	25.056

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018, năm 2019 và BCTC Quý 3 năm 2020



12.1.7 Tổng dư nợ vay

Tại thời điểm 30/09/2020, tổng dư nợ vay của Công ty là **711.270.525.867 đồng**, đây là khoản vay ngắn hạn của Công ty, FMC không vay dài hạn.

Bảng 13: Tổng dư nợ vay của Công ty

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chi tiêu	Năm 2018	Năm 2019	9 tháng năm 2020
1	Vay ngắn hạn	593.284	276.760	711.271
2	Vay dài hạn	-	-	-
Tổng cộng nợ vay		593.284	276.760	711.271

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018, năm 2019 và BCTC Quý 3 năm 2020

Bảng 14: Chi tiết các khoản vay ngân hàng tại thời điểm 30/09/2020

Ngân hàng	30/09/2020		Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
	VNĐ	Nguyên tệ			
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Sóc Trăng					
Vay USD	285.988.300.000	12.290.000	Từ ngày 04/01/2021 đến ngày 30/01/2021	2,6 - 2,8%	+ Nhà cửa VKT, MMTB, DCQL & phương tiện vận tải + Hàng tồn kho luân chuyển
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Sóc Trăng					
Vay USD	316.076.410.000	13.583.000	Từ ngày 15/10/2020 đến ngày 25/01/2021	2,8%	+ Ao nuôi tôm Tân Nam + Hàng tồn kho & kho lạnh 4.000 tấn + Nhà cửa, MMTB, DCQL Tin An + Hàng tồn kho luân chuyển
Ngân hàng TMCP Đầu Tư Việt Nam - Chi nhánh Sóc Trăng					
Vay USD	70.065.970.000	3.011.000	Từ ngày 14/12/2020 đến ngày 30/12/2020	2,8%	+ Hàng tồn kho luân chuyển
Ngân hàng TMCP Quốc Tế - Chi nhánh Cần Thơ					
Vay USD	39.139.845.867	1.681.987	Từ ngày 03/03/2021 đến ngày 17/03/2021	2,7%	+ Hàng tồn kho luân chuyển
Tổng cộng vay USD	711.270.525.867	30.565.987			

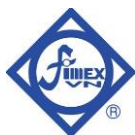
Nguồn: BCTC 9 tháng năm 2020



BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN 2020
CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM SAO TA



Việc vay nợ từ các ngân hàng chủ yếu tài trợ cho nhu cầu vốn lưu động phục vụ xuyên suốt cho quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Với tình hình diễn biến cặp tỷ giá USD/VND hàng ngày, công ty lựa chọn phương án vay USD hay vay VND sao cho chi phí đi vay thấp nhất. Công ty chỉ sử dụng nguồn vay ngắn hạn để bổ sung vốn lưu động ngắn hạn, trong năm 2020 Công ty đã ưu tiên vay USD để tối thiểu hóa chi phí vay.



12.1.8 Tình hình công nợ

- Các khoản phải thu

Bảng 15: Các khoản phải thu của Công ty

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Các chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	9 tháng năm 2020
I.	Các khoản phải thu ngắn hạn	288.856	242.328	408.944
1.	Phải thu ngắn hạn khách hàng	300.517	247.301	413.658
2.	Trả trước người bán ngắn hạn	7.503	11.528	12.292
3.	Phải thu ngắn hạn khác	13.590	15.673	15.167
4.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(32.755)	(32.174)	(32.174)
II.	Khoản phải thu dài hạn	-	3.034	-
1.	Phải thu dài hạn khác	-	3.034	-
	Tổng cộng	288.856	245.362	408.944

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018, năm 2019 và BCTC Quý 3 năm 2020

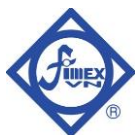
- Các khoản phải trả:

Bảng 16: Các khoản phải trả

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	9 tháng năm 2020
I.	Nợ ngắn hạn	798.649	571,849	1.105.607
1	Phải trả người bán ngắn hạn	83.191	39,851	302.684
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	1.042	981	829
3	Thuế và các khoản phải trả Nhà nước	20.103	13,067	5.660
4	Phải trả người lao động	83.174	135,196	42.037
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	12.084	16,798	11.526
6	Phải trả ngắn hạn khác	5.090	78,696	6.546
7	Vay ngắn hạn	593.284	276,760	711.271
8	Quý khen thưởng, phúc lợi	682	10,502	25.056
II.	Nợ dài hạn	7.656	10,232	10.266
1	Phải trả dài hạn khác	635	635	635
2	Dự phòng phải trả dài hạn	7.021	9,597	9.631
	Tổng cộng	806.305	582,081	1.115.873

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018, năm 2019 và BCTC Quý 3 năm 2020



12.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 17: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

TT	Các chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	9 tháng năm 2020
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
	Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSLĐ/Nợ ngắn hạn)	1,5	1,9	1,5
	Hệ số thanh toán nhanh (TSLĐ-Hàng tồn kho/Nợ ngắn hạn)	0,4	0,9	0,7
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
	Hệ số Nợ/ Tổng tài sản	0,5	0,4	0,5
	Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu	1,2	0,6	1,1
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
	Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	4,3	4,6	4,0
	DT thuần/Tổng tài sản bình quân	2,4	2,5	1,8
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
	Hệ số LN sau thuế/ DT thuần	4,7%	6,2%	5,1%
	Hệ số LN sau thuế/ Vốn chủ sở hữu bình quân	28,6%	28,2%	16,6%
	Hệ số LN sau thuế/ Tổng tài sản bình quân	11,5%	15,2%	8,9%
	Hệ số LN từ hoạt động kinh doanh/ DT thuần	5,1%	6,3%	5,3%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018, năm 2019 và BCTC Quý 3 năm 2020

- Nhóm chỉ tiêu về khả năng thanh toán: Với đặc thù của ngành xuất khẩu thủy sản, tài sản lưu động của Công ty luôn chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu tổng tài sản, bình quân trên 77.5% trong 03 năm từ 2017 – 2019. Trong năm 2019, tài sản lưu động của Công ty chỉ chiếm 72,21% trên tổng tài sản, đạt giá trị 1.098 tỷ đồng, giảm 7,5% so với năm 2018, đồng thời cả hàng tồn kho lẫn nợ ngắn hạn cũng giảm, lần lượt 31,1% và 28,41% cho thấy rằng Công ty đang quản lý hiệu quả hàng tồn kho và giảm thiểu nợ ngắn hạn tài trợ để gia tăng hiệu quả doanh thu trên từng sản phẩm. Khả năng thanh toán nhanh lẫn khả năng thanh toán hiện hành luôn được duy trì mức an toàn, lần lượt đạt 0,91 và 1,92 trong năm 2019.
- Nhóm chỉ tiêu về cơ cấu vốn: Chỉ tiêu Nợ/Tổng tài sản và Nợ/Vốn chủ sở hữu lần lượt đạt 0,38 lần và 0,62 lần. Trong năm 2019, Công ty và giảm bớt khoản vay ngắn hạn ngân hàng, do đó hệ số đòn bẩy nợ nói chung đã được cải thiện đáng kể.
- Nhóm chỉ tiêu về năng lực hoạt động: Năng lực hoạt động của Công ty được đánh giá khả quan nhờ vào chính sách chiết khấu cao, chính sách bán hàng linh động, kiểm soát tốt giá vốn hàng bán, trong năm 2019, giá vốn hàng bán giảm 3.73% so với năm 2018 và hàng tồn kho giảm từ 837 tỷ đồng (năm 2018) xuống 578 tỷ đồng (năm 2019), cho thấy hàng tồn kho từ các năm trước đang được đẩy bán



nhanh. Tương tự, vòng quay tổng tài sản của FMC cũng tăng từ 2,38 lần (năm 2018) lên 2,46 lần (năm 2019).

- Nhóm chỉ tiêu về khả năng sinh lời: Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời của Công ty trong năm 2019 cải thiện hơn so với năm 2018. Công ty tiếp tục tập trung vào việc cải thiện hiệu quả hoạt động thông qua việc mở rộng thị trường xuất khẩu sang Úc và gia tăng sản lượng tôm và nông sản xuất khẩu, nâng cao hiệu quả quản lý hàng tồn kho, mở rộng thêm vùng nuôi và đưa ra nhiều chương trình khuyến mãi hấp dẫn để duy trì khách hàng hiện hữu và phát triển nhóm khách hàng mới, nhờ vậy tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần năm 2019 đạt 6,19%, tăng 30,6% so với năm 2018. Tương tự, ROA đạt 15,24%, tăng 35,11% so với năm 2018 và ROE đạt 28,23% giảm 2.7% so với năm 2018.

13. Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng

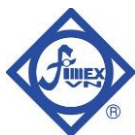
TT	Tên	Chức vụ	Năm sinh	CMND
I. Hội đồng Quản trị				
1.	Ông Hồ Quốc Lực	Chủ tịch HĐQT	1956	365260213
2.	Bà Nguyễn Thị Trà My	Phó Chủ tịch HĐQT	1970	011816418
3.	Ông Phạm Hoàng Việt	Thành viên HĐQT	1964	092064002095
4.	Ông Tô Minh Chăng	Thành viên HĐQT	1970	365809714
5.	Ông Nguyễn Văn Khải	Thành viên HĐQT	1959	311619608
II. Ban Tổng Giám đốc				
1.	Ông Phạm Hoàng Việt	Tổng Giám đốc	Xem mục I.3	Xem mục I.3
2.	Bà Dương Ngọc Kim	Phó Tổng Giám đốc	1958	365621897
3.	Ông Mã Ích Hưng	Phó Tổng Giám đốc	1970	365642617
4.	Ông Đinh Văn Thới	Phó Tổng Giám đốc	1962	365587313
5.	Ông Hoàng Thanh Vũ	Phó Tổng Giám đốc	1978	365091252
6.	Bà Lê Ngọc Hương	Phó Tổng Giám đốc	1971	361325745
III. Ban Kiểm soát				
1.	Bà Lưu Nguyễn Trúc Dung	Trưởng BKS	1976	365752816
2.	Ông Võ Văn Sĩ	Thành viên BKS	1978	365122526
3.	Ông Lý Thái Hưng	Thành viên BKS	1977	365033812
Kế toán trưởng				
1.	Ông Tô Minh Chăng	Kế toán trưởng	Xem mục I.4	Xem mục I.4



13.1 Hội đồng Quản trị

13.1.1 Ông HỒ QUỐC LỰC – Chủ tịch HĐQT

- Họ và tên: HỒ QUỐC LỰC
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 07/05/1956
- Nơi sinh: Sóc Trăng
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: 29 Trần Hưng Đạo, phường 3, TP. Sóc Trăng, Sóc Trăng
- Số chứng minh nhân dân: 365260213 cấp ngày 18/10/2012 tại Sóc Trăng
- Điện thoại liên hệ: (079) 3822 223
- Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ Kinh tế
- Chức vụ hiện nay tại FMC: Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:
 - Quá trình công tác:
 - Từ 1983 đến 1986: Nhân viên phòng Kế hoạch Công ty Thủy sản XNK Hậu Giang
 - Từ 1986 đến 1991: Phó phòng Kế hoạch Xí nghiệp đông lạnh II Hậu Giang
 - Từ 1991 đến 1992: Trưởng phòng Nghiệp vụ Xí nghiệp đông lạnh II
 - Từ 1992 đến 1994: Phó Giám đốc Công ty Thủy sản XNK Tổng hợp Sóc Trăng
 - Từ 1994 đến 1996: Trưởng ban quản lý xây dựng cơ sở Công ty Thực phẩm XNK Tổng hợp Sóc Trăng (FIMEX VN)
 - Từ 1996 đến 2003: Giám đốc Công ty Thực phẩm XNK Tổng hợp Sóc Trăng
 - Từ 2003 đến 2006: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc CTCP Thực phẩm Sao Ta, Chủ tịch Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam (VASEP)
 - Từ 2007 đến 10/2009: Chủ tịch Hội đồng quản trị CTCP Thực phẩm Sao Ta
 - Từ 10/2009 04/2018: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc CTCP Thực phẩm Sao Ta
 - Từ 04/2018 đến nay: Chủ tịch Hội đồng quản trị CTCP Thực phẩm Sao Ta
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan:
 - Sở hữu cá nhân: 810.000 cổ phần, chiếm 1,65% vốn điều lệ
 - Sở hữu đại diện cho Văn phòng tỉnh ủy Sóc Trăng: 1.380.000 cổ phần, chiếm 2,81% vốn điều lệ



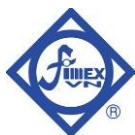
- Sở hữu của người có liên quan:

STT	Họ tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ nắm giữ
1	Văn phòng tỉnh ủy Sóc Trăng	Đại diện phần vốn góp	1.380.000	2,81%
2	Dương Ngọc Kim	Vợ	204.304	0,42%
3	Hồ Quang Văn	Anh ruột	0	0%
4	Hồ Quang Cua	Anh ruột	0	0%
5	Hồ Hoa Đông	Con ruột	50.000	0,10%
6	Hồ Hoa Đăng	Con ruột	0	0%

- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác: Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

13.1.2 Bà NGUYỄN THỊ TRÀ MY – Phó Chủ tịch HĐQT

- Họ và tên: NGUYỄN THỊ TRÀ MY
- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 10/05/1970
- Nơi sinh: Phú Thọ
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: Tầng 16 - Tòa ICON4 - 243A Đê La Thành - Hà Nội
- Số chứng minh nhân dân: 011816418, ngày cấp 20/09/2005, nơi cấp Hà Nội
- Điện thoại liên hệ: 024 3760 6190
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ QTKD
- Chức vụ hiện nay tại FMC: Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT kiêm TGD CTCP CSC Việt Nam
Phó Chủ tịch HĐQT kiêm TGD CTCP Tập đoàn PAN /
Chủ tịch HĐQT Công ty CP PAN Farm / Chủ tịch HĐQT CTCP PAN-HULIC / Thành viên HĐQT CTCP Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam
- Quá trình công tác:
 - Từ 1993 đến 1995: Trợ lý TGD Công ty International Business Advisor
 - Từ 1995 đến 2012: Giám đốc Tài chính kiêm Phó TGD Công ty Biomin Việt Nam
 - Từ 2007 đến nay: Chủ tịch HĐQT kiêm TGD CTCP CSC Việt Nam



BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN 2020
CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM SAO TA



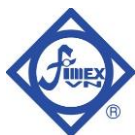
- Từ 2013 đến nay: Thành viên HĐQT CTCP Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam
- Từ 2016 đến nay: Phó Chủ tịch HĐQT kiêm TGD CTCP Tập đoàn PAN / Chủ tịch HĐQT CTCP PAN Farm / Chủ tịch HĐQT CTCP PAN-HULIC
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan:
 - Sở hữu cá nhân: 67.000 cổ phần, chiếm 0,14% vốn điều lệ
 - Sở hữu đại diện CTCP Tập đoàn PAN: 17.556.730 cổ phần, chiếm 35,80% vốn điều lệ
 - Sở hữu của người có liên quan:

STT	Họ tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ nắm giữ
1	CTCP Tập đoàn PAN	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm TGD	17.556.730	35,80%
2	Công ty Cổ phần CSC Việt Nam	Chủ tịch HĐQT kiêm TGD	0	0%
3	CTCP Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam	Thành viên HĐQT	0	0%
4	Công ty CP PAN FARM	Chủ tịch HĐQT	0	0%
5	Công ty CP PAN-HULIC	Chủ tịch HĐQT	0	0%
6	Đông Minh Tuấn	Chồng	0	0%
7	Nguyễn Tùng Phong	Anh ruột	0	0%
8	Đông Nhật Minh	Con ruột	0	0%

- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác: Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

13.1.3 Ông PHẠM HOÀNG VIỆT – Thành viên HĐQT

- Họ và tên: PHẠM HOÀNG VIỆT
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 25/11/1964
- Nơi sinh: Hậu Giang
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: D9 Mậu Thân, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ



BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN 2020
CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM SAO TA



- Thẻ căn cước công dân: 092064002095 cấp ngày 26/03/2019 tại Cần Thơ
- Điện thoại liên hệ: (0299) 3822 223
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh
- Chức vụ hiện nay tại FMC: Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc
- Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có
- Quá trình công tác:
 - Từ 1986 đến 1992: Nhân viên phòng Kinh doanh – Đại lý Yamaha
 - Từ 1992 đến 1996: Sinh viên trường Đại học Quản trị kinh doanh
 - Từ 1996 đến 04/1997: Nhân viên Phòng Thương mại Công ty Thực phẩm XNK Tổng hợp Sóc Trăng (Fimex VN)
 - Từ 04/1997 đến 2002: Trưởng phòng Thương mại Công ty Thực phẩm XNK Tổng hợp Sóc Trăng
 - Từ 2003 đến 2004: Trợ lý Tổng Giám đốc, Trưởng BKS CTCP Thực phẩm Sao Ta
 - Từ 01/2005 đến 08/2005: Thành viên HĐQT kiêm Trợ lý Tổng Giám đốc CTCP Thực phẩm Sao Ta
 - Từ 09/2005 đến 04/2018: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc CTCP Thực phẩm Sao Ta.
 - Từ 04/2018 đến nay: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc CTCP Thực phẩm Sao Ta.
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan:
 - Sở hữu cá nhân: 256.724 cổ phần, chiếm 0,52% vốn điều lệ
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Sở hữu của người có liên quan:

STT	Họ tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ nắm giữ
1	Lê Trọng Thủy	Mẹ	0	0%
2	Triệu Mai Lan	Vợ	170.490	0,35%
3	Phạm Hoàng Tùng	Con	0	0%

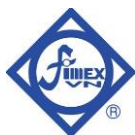
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác: Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có



13.1.4 Ông NGUYỄN VĂN KHẢI – Thành viên HĐQT

- Họ và tên: NGUYỄN VĂN KHẢI
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 04/11/1967
- Nơi sinh: Thừa Thiên Huế
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: Nguyễn Kiệm, Phường 3, Quận Gò Vấp, TP.HCM
- Số chứng minh nhân dân: 021680111
- Điện thoại liên hệ: 072.3829255
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản lý Công nghiệp
- Chức vụ hiện nay tại FMC: Thành viên HĐQT CTCP Thực phẩm Sao Ta
- Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:
 - Trưởng Ban Kiểm soát – Công ty CP Chứng Khoán SSI (SSI);
 - Chủ tịch HĐQT Công ty CP Chế HXK Long An (LAF);
 - Chủ tịch HĐQT Công ty CP XNK Thủy Sản Bến Tre (ABT)
 - Phó Chủ tịch HĐQT Công ty CP Thủy Sản 584 Nha Trang;
- Quá trình công tác:
 - Từ 06/1994 đến 06/1995: Trợ lý Tổng Giám đốc - Công ty Liên doanh VU-TRAC
 - Từ 06/1995 đến 12/1996: Kỹ sư - Công ty Liên doanh VU-TRAC
 - Từ 12/1998 đến 05/2018: Giám đốc Điều hành Công ty Cổ phần Xuyên Thái Bình; Phó Tổng Giám đốc - (Công ty CP Tập đoàn PAN)
 - Từ 11/1999 đến nay: Trưởng Ban kiểm soát - Công ty CP Chứng Khoán Sài Gòn (SSI)
 - Từ 09/2013 đến nay: Phó Chủ tịch HĐQT - Công ty CP XNK Thủy Sản Bến Tre (ABT)
 - Từ 04/2014 đến nay: Chủ tịch HĐQT - Công Ty CP Thủy Sản 584 Nha Trang
 - Từ 07/2014 đến nay: Chủ tịch HĐQT - Công ty CP Chế Biến HXK Long An (LAF)
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan:
 - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Sở hữu đại diện CTCP XNK Thủy sản Bến Tre: 8.089.000 cổ phần, chiếm 16,49% vốn điều lệ
 - Sở hữu của người có liên quan:

STT	Họ tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ nắm giữ
1	Trần Xuân Quyên	Vợ	0	0%
2	Đặng Thị Liễu	Chị	0	0%



BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN 2020
CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM SAO TA



3	Đặng Đức Thịnh	Con	0	0%
4	Đặng Thị Ngọc Anh	Con	0	0%
5	CTCP XNK Thủy sản Bến Tre	Chủ tịch HĐQT kiêm TGD	8.089.000	20,12%

- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác: Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

13.1.5 Ông TÔ MINH CHĂNG – Thành viên HĐQT

- Họ và tên: TÔ MINH CHĂNG
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 12/06/1970
- Nơi sinh: Sóc Trăng
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: 334 Tôn Đức Thắng, Khóm 1, Phường 5, TP. Sóc Trăng
- Số chứng minh nhân dân: 365809714 cấp ngày 16/11/2006 tại Sóc Trăng
- Điện thoại liên hệ: (079) 3822 223
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán
- Chức vụ hiện nay tại FMC: Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng
- Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có
- Quá trình công tác:
 - Từ 02/1994 đến 09/1997: Nhân viên kế toán Công ty Thủy sản XNK Tổng hợp Sóc Trăng
 - Từ 10/1997 đến 12/2002: Kế toán viên Công ty Thực phẩm XNK Tổng hợp Sóc Trăng
 - Từ 01/2003 đến 05/2003: Kế toán viên, thành viên BKS CTCP Thực phẩm Sao Ta
 - Từ 06/2003 đến 12/2004: Kế toán tổng hợp, thành viên BKS CTCP Thực phẩm Sao Ta
 - Từ 01/2005 đến 07/2006: Kế toán tổng hợp, Trưởng BKS CTCP Thực phẩm Sao Ta
 - Từ 08/2006 đến 08/2006: Kế toán trưởng CTCP Thực phẩm Sao Ta



BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN 2020
CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM SAO TA



- Từ 08/2006 đến nay: Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng CTCP Thực phẩm Sao Ta
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan:
 - Sở hữu cá nhân: 157.304 cổ phần, chiếm 0,32% vốn điều lệ
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Sở hữu của người có liên quan:

STT	Họ tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ nắm giữ
1	Tô Văn Dũng	Cha ruột	0	0%
2	Trần Thị Kháng	Mẹ ruột	0	0%
3	Lâm Mỹ Duyên	Vợ	0	0%
4	Tô Minh Trọng	Con ruột	0	0%
5	Tô Thị Mỹ Nhiên	Em ruột	0	0%
6	Tô Văn Nhẫn	Em ruột	0	0%
7	Tô Văn Nhưông	Em ruột	0	0%
8	Tô Văn Đễ	Em ruột	0	0%
9	Tô Văn Dành	Em ruột	0	0%

- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác: Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

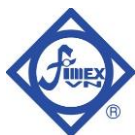
13.2 Ban Tổng Giám Đốc

13.2.1 Ông PHẠM HOÀNG VIỆT – Tổng Giám đốc

Xem ở mục IV.13.1.c

13.2.2 Bà DƯƠNG NGỌC KIM – Phó Tổng Giám đốc

- Họ và tên: DƯƠNG NGỌC KIM
- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 18/08/1958
- Nơi sinh: Sóc Trăng
- Quốc tịch: Việt Nam



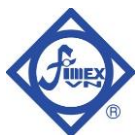
BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN 2020
CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM SAO TA



- Địa chỉ thường trú: 29 Trần Hưng Đạo, phường 3, TP. Sóc Trăng, Sóc Trăng
- Số chứng minh nhân dân: 365621897 cấp ngày 18/02/2003 tại Sóc Trăng
- Điện thoại liên hệ: (0299) 3822 223
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật, Cử nhân Quản trị kinh doanh
- Chức vụ hiện nay tại FMC: Phó Tổng Giám đốc
- Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có
- Quá trình công tác:
 - Từ 1978 đến 1986: Trưởng ca SX tại Công ty Thủy sản XNK Tổng hợp Sóc Trăng
 - Từ 1987 đến 1992: Trưởng ca sản xuất tại Xí nghiệp đông lạnh Cần Thơ (Cafatex)
 - Từ 1992 đến 1995: Phó Quản đốc Công ty Thực phẩm XNK Tổng hợp Sóc Trăng
 - Từ 1996 đến 1997: Quản đốc Công ty Thực phẩm XNK Tổng hợp Sóc Trăng
 - Từ 1997 đến 2003: Phó Giám đốc Công ty Thực phẩm XNK Tổng hợp Sóc Trăng
 - Từ 2003 đến 03/2007: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc CTCP Thực phẩm Sao Ta
 - Từ 04/2007 đến 10/2009: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc CTCP Thực phẩm Sao Ta
 - Từ 10/2009 đến 04/2010: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc CTCP Thực phẩm Sao Ta
 - Từ 2010 đến nay: Phó Tổng Giám đốc CTCP Thực phẩm Sao Ta
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan:
 - Sở hữu cá nhân: 204.304 cổ phần, chiếm 0,42% vốn điều lệ
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Sở hữu của người có liên quan:

STT	Họ tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ nắm giữ
1	Hồ Quốc Lực	Chồng	810.000	1,65%
2	Hồ Hoa Đông	Con ruột	50.000	0,10%
3	Hồ Hoa Đăng	Con ruột	0	0%

- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác: Không có



- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

13.2.3 Ông MÃ ÍCH HƯNG – Phó Tổng Giám đốc

- Họ và tên: MÃ ÍCH HƯNG
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 11/02/1970
- Nơi sinh: Sóc Trăng
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: 186 Kênh Xáng, Khóm 4, Phường 8, TP. Sóc Trăng
- Số chứng minh nhân dân: 365642617 cấp ngày 11/06/2003 tại Sóc Trăng
- Điện thoại liên hệ: (0299) 3822 223
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Chức vụ hiện nay tại FMC: Phó Tổng Giám đốc
- Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:
 - Quá trình công tác:
 - Từ 02/1992 đến 07/1997: Công nhân Công ty Thủy sản XNK Tổng hợp Sóc Trăng
 - Từ 08/1998 đến 12/2002: Quản đốc Công ty Thực phẩm XNK Tổng hợp Sóc Trăng
 - Từ 01/2003 đến 12/2004: Quản đốc CTCP Thực phẩm Sao Ta
 - Từ 01/2005 đến 05/2006: Thành viên BKS, Quản đốc CTCP Thực phẩm Sao Ta
 - Từ 06/2006 đến 11/2008: Thành viên BKS, Trợ lý Ban Tổng Giám đốc CTCP Thực phẩm Sao Ta
 - Từ 12/2008 đến 06/2009: Phó Tổng Giám đốc CTCP Thực phẩm Sao Ta
 - Từ 07/2009 đến 04/2010: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng giám đốc CTCP Thực phẩm Sao Ta
 - Từ 04/2010 đến 4/2011: Phó Tổng Giám đốc CTCP Thực phẩm Sao Ta
 - Từ 04/2011 đến 03/2018: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc CTCP Thực phẩm Sao Ta
 - Từ 3/2018 đến nay: Phó Tổng Giám đốc CTCP Thực phẩm Sao Ta
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan:
 - Sở hữu cá nhân: 162.846 cổ phần, chiếm 0,33% vốn điều lệ
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ



BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN 2020
CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM SAO TA



- Sở hữu của người có liên quan:

STT	Họ tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ nắm giữ
1	Ngô Kiều Phương	Vợ	740.364	0,08%
2	Mã Gia Hân	Con ruột	0	0%
3	Mã Gia Nhi	Con ruột	0	0%
4	Trương Nguyệt Chư	Mẹ ruột	0	0%
5	Mã Ích Quốc	Anh ruột	0	0%
6	Mã Ích Cường	Anh ruột	0	0%
7	Mã Ích Dân	Anh ruột	0	0%
8	Mã Kim Mai	Anh ruột	0	0%

- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác: Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

13.2.4 Ông ĐINH VĂN THỜI – Phó Tổng Giám đốc

- Họ và tên: ĐINH VĂN THỜI
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 02/10/1962
- Nơi sinh: Sóc Trăng
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: 171A Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 3, TP. Sóc Trăng
- Số chứng minh nhân dân: 365587313 cấp ngày 22/05/2002 tại Sóc Trăng
- Điện thoại liên hệ: (0299) 3822 223
- Trình độ chuyên môn: Thạc Sĩ Cơ khí Chế tạo Máy
- Chức vụ hiện nay tại FMC: Phó Tổng Giám đốc
- Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có
- Quá trình công tác:
 - Từ 1987 đến 1990: Cán bộ kỹ thuật Xưởng cơ khí Nông nghiệp I Hậu Giang, Phó quản đốc phân xưởng cơ khí Xí nghiệp cơ khí Sóc Trăng
 - Từ 1990 đến 1992: Học ngành máy lạnh tại TT nghiên cứu thiết bị nhiệt và năng lượng mới – Đại học Bách khoa TP.HCM



BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN 2020
CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM SAO TA



- Từ 1996 đến 12/2002: Phó Quản đốc Xưởng Cơ điện Công ty Thực phẩm XNK Tổng hợp Sóc Trăng (FIMEX VN)
- Từ 01/2003 đến 12/2004: Thành viên BKS, Phó Quản đốc Xưởng Cơ điện CTCP Thực phẩm Sao Ta
- Từ 2005 đến 30/11/2008: Thành viên BKS, Quản đốc Xưởng Cơ điện CTCP Thực phẩm Sao Ta
- Từ 12/2008 đến 03/2010: Phó Giám đốc Nhà máy nông sản An San
- Từ 04/2010 đến 04/2013: Thành viên HĐQT kiêm Phó TGĐ CTCP Thực phẩm Sao Ta
- Từ 04/2013 đến nay: Phó Tổng giám đốc CTCP Thực phẩm Sao Ta
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan:
 - Sở hữu cá nhân: 162.144 cổ phần, chiếm 0,33% vốn điều lệ
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Sở hữu của người có liên quan:

STT	Họ tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ nắm giữ
1	Nguyễn Như Diễm Huỳnh	Vợ	28.254	0,06%
2	Đình Văn Thạnh	Cha ruột	0	0%
3	Huỳnh Kim Hương	Mẹ ruột	0	0%
4	Đình Thị Diễm Trang	Em ruột	0	0%
5	Đình Nguyễn Uyên Vi	Con ruột	0	0%

- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác: Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

13.2.5 Ông HOÀNG THANH VŨ – Phó Tổng Giám đốc

- Họ và tên: HOÀNG THANH VŨ
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 26/02/1978
- Nơi sinh: Mỹ Xuyên, Tỉnh Bến Tre
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: 363/7 Trần Hưng Đạo, Phường 3, TP. Sóc Trăng
- Số chứng minh nhân dân: 365091252 cấp ngày 27/04/2010 tại Sóc Trăng
- Điện thoại liên hệ: (0299) 3822 223



BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN 2020
CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM SAO TA



- Trình độ chuyên môn: Đại học Kỹ sư Chế biến Thủy sản
- Chức vụ hiện nay tại FMC: Phó Tổng Giám đốc
- Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có
- Quá trình công tác:
 - Từ 05/2000 đến 04/2001: Công nhân Công ty TNHH Kim Anh, tỉnh Sóc Trăng
 - Từ 05/2001 đến 06/2002: Công nhân Công ty Thực phẩm XNK Tổng hợp Sóc Trăng
 - Từ 06/2002 đến 12/2002: Phó phòng Quản lý Chất lượng và Công nghệ Công ty Thực phẩm XNK Tổng hợp Sóc Trăng
 - Từ 01/2003 đến 02/2005: Phó phòng Quản lý Chất lượng và Công nghệ CTCP Thực phẩm Sao Ta
 - Từ 03/2005 đến 04/2010: Thành viên Ban kiểm soát, Trưởng phòng Quản lý Chất lượng và Công nghệ CTCP Thực phẩm Sao Ta
 - Từ 04/2010 đến 04/2013: Trưởng phòng Quản lý Chất lượng và Công nghệ CTCP Thực phẩm Sao Ta
 - Từ 04/2013 đến 04/2015: Thành viên Ban kiểm soát, Trưởng phòng Quản lý Chất lượng và Công nghệ CTCP Thực phẩm Sao Ta
 - Từ 04/2015 đến nay: Phó Tổng giám đốc CTCP Thực phẩm Sao Ta
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan:
 - Sở hữu cá nhân: 82.006 cổ phần, chiếm 0,17% vốn điều lệ
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Sở hữu của người có liên quan:

STT	Họ tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ nắm giữ
1	Hoàng Văn Hùng	Cha ruột	0	0%
2	Huỳnh Thị Vân	Mẹ ruột	0	0%
3	Hoàng Vi Tâm	Em ruột	0	0%
4	Nguyễn Thị Hương Giang	Vợ	0	0%

- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác: Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

13.2.6 Bà LÊ NGỌC HƯƠNG – Phó Tổng giám đốc

- Họ và tên: LÊ NGỌC HƯƠNG



BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN 2020
CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM SAO TA



- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 19/12/1971
- Nơi sinh: Thốt nốt, Cần Thơ
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: 342 Khu vực Lân Thạnh 1, phường Trung Kiên, quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ
- Số chứng minh nhân dân: 361325745
- Điện thoại liên hệ: (0299) 3822 223
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Công nghệ chế biến Thủy sản
- Chức vụ hiện nay tại FMC: Phó Tổng Giám đốc
- Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:
- Quá trình công tác:
 - Từ 1996 đến 1998: Thống kê XCB tại Công ty Thủy sản XNK Tổng hợp Sóc Trăng
 - Từ 1998 đến 1999: KCS XCB tại Công ty Thủy sản XNK Tổng hợp Sóc Trăng
 - Từ 1999 đến 2001: Phó ca SX Công ty Thực phẩm XNK Tổng hợp Sóc Trăng
 - Từ 2001 đến 2003: Trưởng khâu Tẩm bột Công ty Thực phẩm XNK Tổng hợp Sóc Trăng
 - Từ 2003 đến 2006: Phó Quản đốc XCB CTCP Thực phẩm Sao Ta
 - Từ 2006 đến 2019: Quản đốc XCB CTCP Thực phẩm Sao Ta
 - Từ 2019 đến 06/2020: Giám đốc nhà máy Nam An CTCP Thực phẩm Sao Ta
 - Từ 07/2020 đến nay: Phó Tổng Giám đốc CTCP Thực phẩm Sao Ta
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan:
 - Sở hữu cá nhân: 25.000 cổ phần, chiếm 0,05% vốn điều lệ
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Sở hữu của người có liên quan:

STT	Họ tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ nắm giữ
1	Lê Văn Tâm	Anh ruột	0	0%
2	Lê Văn Trong	Anh ruột	0	0%
3	Lê Văn Bảy	Anh ruột	0	0%
4	Lê Thị Tiến	Chị ruột	0	0%
5	Lê Thị Thu Oanh	Chị ruột	0	0%
6	Lê Thị Bích Liên	Em ruột	0	0%



- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác: Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

13.3 Ban Kiểm soát

13.3.1 Bà Lưu Nguyễn Trúc Dung – Trưởng Ban Kiểm soát

- Họ và tên: LƯU NGUYỄN TRÚC DUNG
- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 04/07/1976
- Nơi sinh: TP.Sóc Trăng, T.Sóc Trăng
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: 213 Lê Hồng Phong, Khóm 4, Phường 3, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.
- Số chứng minh nhân dân: 365752816
- Điện thoại liên hệ: (0299) 3822 223
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Chức vụ hiện nay tại FMC: Trưởng Ban kiểm soát CTCP Thực phẩm Sao Ta
- Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:
 - Từ 1999 –2002 :
 - Nhân viên kế toán công ty thực phẩm XNK tổng hợp Sóc Trăng
 - Từ 2003 –7/2006 :
 - Từ 08/2006 – 01/2008:
 - Nhân viên kế toán CTCP Thực phẩm Sao Ta
 - Kế toán tổng hợp CTCP Thực phẩm Sao Ta
 - Từ 02/2008 – 06/2020 :
 - Từ 06/2020 đến nay
 - Phó phòng tài chính CTCP Thực phẩm Sao Ta
 - Trưởng Ban kiểm soát CTCP Thực phẩm Sao Ta
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan:
 - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Sở hữu của người có liên quan:

STT	Họ tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ nắm giữ
1	Lưu Quốc Bình	Cha	0	0%
2	Nguyễn Thị Ngọc Dung	Mẹ	0	0%



3	Lưu Nguyễn Thanh Bình	Anh ruột	0	0%
4	Lưu Nguyễn Thảo Dung	Chị ruột	0	0%
5	Lưu Nguyễn Trang Dung	Em ruột	0	0%
6	Lâm Kỳ Sanh	Chồng	0	0%
7	Lâm Bảo Trân	Con	0	0%

- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác: Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

13.3.2 Ông VÕ VĂN SĨ – Thành viên Ban Kiểm soát

- Họ và tên: VÕ VĂN SĨ
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 23/01/1978
- Nơi sinh: Mỹ Tú, Sóc Trăng
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: 71 Bà Triệu (số mới 103), Khóm 2, Phường 8, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.
- Số chứng minh nhân dân: 365122526 cấp ngày 12/12/2012 tại Sóc Trăng
- Điện thoại liên hệ: (0299) 3822 223
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Chức vụ hiện nay tại FMC: Thành viên Ban kiểm soát CTCP Thực phẩm Sao Ta
- Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:
 - Từ 09/2000 – 12/2002: Nhân viên Phòng Nội vụ Công ty thực phẩm XNK tổng hợp Sóc Trăng (FIMEX VN).
 - Từ 01/2003 – 05/2006: Nhân viên Phòng Nội vụ CTCP Thực phẩm Sao Ta Từ 06/2006 – 09/2008:
 - Từ 10/2008 – 09/2009: Trưởng Phòng Marketing Nhà máy thực phẩm An San thuộc CTCP Thực phẩm Sao Ta.
 - Từ 10/2009 – 06/2020: Phó Giám đốc Nhà máy thực phẩm An San thuộc CTCP Thực phẩm Sao Ta.
 - Từ 06/2020 đến nay: Giám đốc Nhà máy thực phẩm An San thuộc CTCP Thực phẩm Sao Ta.



BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN 2020
CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM SAO TA



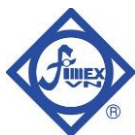
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan:
 - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Sở hữu của người có liên quan:

STT	Họ tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ nắm giữ
1	Lê Thị Hồng Nga	Mẹ	0	0%
2	Võ Thị Hồng Cẩm	Chị ruột	0	0%
3	Võ Thị Hồng Liên	Chị ruột	0	0%
4	Nguyễn Thanh Nhân	Vợ	0	0%
5	Võ Hoàng Đông Kha	Con	0	0%
6	Võ Hoàng Đông Vy	Con	0	0%

- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác: Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

13.3.3 Ông LÝ THÁI HƯNG – Thành viên Ban Kiểm soát

- Họ và tên: LÝ THÁI HƯNG
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 27/10/1977
- Nơi sinh: Thành phố Sóc Trăng
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: Số 143, đường Dương Kỳ Hiệp, khóm 7, phường 2, thành phố Sóc Trăng.
- Số chứng minh nhân dân: 365033812 cấp ngày 05/06/2008 tại Sóc Trăng
- Điện thoại liên hệ: (0299) 3822223
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Chức vụ hiện nay tại FMC: Thành viên Ban kiểm soát
- Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:



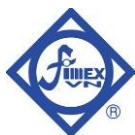
BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN 2020
CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM SAO TA



- Từ tháng 8/2001 đến tháng 6/2009: Nhân viên Phòng kinh doanh - CTCP Thực phẩm Sao Ta
- Từ tháng 6/2009 đến tháng 8/2010: Phó Phòng kinh doanh – CTCP Thực phẩm Sao Ta
- Từ tháng 8/2010 đến tháng 12/2012: Chuyên viên Phòng Ngân sách - Sở Tài chính tỉnh Sóc Trăng
- Từ tháng 12/2010 đến tháng 6/2016: Chuyên viên Phòng Tài chính - Văn phòng Tỉnh ủy Sóc Trăng
- Từ tháng 6/2016 đến tháng 11/2019: Phó Trưởng Phòng Tài chính - Văn phòng Tỉnh ủy Sóc Trăng
- Từ tháng 11/2019 đến nay: Nhân viên XN nuôi thủy sản Xuân Phú trực thuộc CTCP Thực phẩm Sao Ta.
- Từ tháng 6/2020 đến nay: Thành viên Ban kiểm soát CTCP Thực phẩm Sao Ta.
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan:
 - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Sở hữu của người có liên quan:

STT	Họ tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ nắm giữ
1	Lý Thế Nghĩa	Bố	0	0%
2	Hồ Thị Tý	Mẹ	0	0%
3	Lý Thị Phượng	Chị ruột	0	0%
4	Lý Thị Ánh	Chị ruột	0	0%
5	Lý Thị Thu Hằng	Chị ruột	0	0%
6	Lý Thị Thu Nga	Chị ruột	0	0%
7	Lý Thị Thu Sương	Chị ruột	0	0%
8	Lý Thái Hiệp	Anh ruột	0	0%
9	Lý Thị Thu Hồng	Em ruột	0	0%
10	Lý Thị Hồng Phúc	Em ruột	0	0%
11	Lê Thị Cẩm Loan	Vợ	0	0%
12	Lý Gia Huy	Con	0	0%
13	Lý Gia Phú	Con	0	0%

- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác: Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có



- Lợi ích liên quan đối với Công ty Không có

13.4 Kế toán trưởng

Ông TÔ MINH CHĂNG – Kế toán trưởng

Xem ở mục IV.13.1.e

14. Tài sản

Bảng 18: Tình hình tài sản của Công ty

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	9 tháng năm 2020
1	Tài sản ngắn hạn	1.187.087	1.098.183	1.639.481
2	Tài sản dài hạn	308.157	422.656	493.993
	Tổng cộng	1.495.244	1.520.839	2.133.474

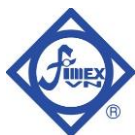
Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018, năm 2019 và BCTC Quý 3 năm 2020

Chi tiết Tài sản cố định của Công ty bao gồm:

Bảng 19: Tình hình tài sản cố định của Công ty

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	TÊN TÀI SẢN	Năm 2018			Năm 2019			9 tháng năm 2020		
		Nguyên giá	GTCL	GTCL / Nguyên giá (%)	Nguyên giá	GTCL	GTCL / Nguyên giá (%)	Nguyên giá	GTCL	GTCL / Nguyên giá (%)
I	TSCĐ hữu hình	685.677	273.800	39,93%	738.747	265.068	35,88%	848.459	318.980	37,60%
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	187.436	78.110	41,67%	201.792	77.165	38,24%	244.743	107.268	43,83%
2	Máy móc, thiết bị	436.175	163.526	37,49%	465.937	153.061	32,85%	526.798	176.683	33,54%
3	Phương tiện vận tải	43.521	26.487	60,86%	50.909	29.541	58,03%	55.844	30.188	54,06%
4	Thiết bị dụng cụ quản lý	11.013	4.803	43,61%	12.613	4.950	39,25%	12.995	4.105	31,59%
5	Tài sản khác	7.530	872	11,58%	7.496	351	4,68%	8.079	736	9,11%
II	TSCĐ vô hình	3.236	2.224	68,73%	3.237	2.084	64,39%	1.770	728	41,05%
1	Quyền sử dụng đất	2.551	2.090	81,93%	2.552	2.031	79,60%	1.085	728	67,05%



BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN 2020
CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM SAO TA



2	Phần mềm máy tính	485	134	27,63%	486	52	10,71%	485	-	-
3	Tài sản khác	199	-	0,00%	200	-	0,0%	200	-	-
	Tổng	688.913	276.024	40,07%	741.984	267.152	36,01%	850.229	319.708	37,60%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018, năm 2019 và BCTC Quý 3 năm 2020

15. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức các năm tiếp theo

Bảng 20: Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2020

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2019	Kế hoạch 2020	%Tăng/ Giảm
Vốn Điều lệ	490.440	588.528	20,00%
Doanh thu thuần	3.709.591	4.170.000	12,41%
Lợi nhuận trước thuế	235.988	235.000	-0,42%
Lợi nhuận sau thuế	229.776	228.814	-0,42%
LNST/Vốn Điều lệ (%)	46,85%	38,88%	-17,01%
LNST /Doanh thu thuần (%)	6,19%	5,49%	-11,31%
Tỷ lệ cổ tức (%)	25%	25%	0,00%

Nguồn: Công ty

Căn cứ để đạt được các chỉ tiêu kế hoạch đề ra

Giá bán tôm tăng: Sản lượng tôm trong năm 2020 của các quốc gia nuôi trồng và xuất khẩu tôm hàng đầu thế giới như Ấn Độ, Ecuador, Indonesia,... dự kiến sẽ giảm 10-20%, do các quốc gia này đang trong giai đoạn khó khăn đối phó với dịch COVID-19, cũng như hoạt động nuôi tôm của Trung Quốc đang gặp phải virus CIV-1 tấn công. Do đó, trong bối cảnh nguồn cung tôm của các đối thủ cạnh tranh suy giảm, kỳ vọng giá bán tôm xuất khẩu sẽ tăng nhẹ trong nửa cuối năm 2020.

Lượng tôm tiêu thụ: Ưu đãi từ Hiệp định EVFTA, tạo điều kiện thuận lợi đẩy mạnh giá trị xuất khẩu sang thị trường EU. Mảng tôm Việt Nam đang có cơ hội tăng trưởng về giá trị xuất khẩu sang thị trường EU nhờ ưu đãi thuế quan từ Hiệp định EVFTA, hiệp định này đã được Việt Nam và EU thông qua, có hiệu lực từ tháng 08 năm 2020. Theo đó, thuế suất của mặt hàng tôm nguyên liệu sẽ giảm từ 4,2% về 0% ngay khi Hiệp định có hiệu lực; và thuế suất của mặt hàng tôm chế biến sẽ giảm từ 7% về 0% sau 7 năm Hiệp định có hiệu lực, tạo điều kiện thuận lợi nâng cao lợi thế cạnh tranh của mặt hàng tôm Việt Nam tại thị trường EU. Cơ cấu mặt hàng xuất khẩu của FMC sang thị trường Châu Âu chủ yếu là sản phẩm tôm chế biến. Với mặt hàng này, tôm chế biến của Việt Nam, gặp phải cạnh tranh lớn với Thái Lan. Tuy nhiên, do mặt hàng tôm của Thái Lan mất ưu đãi thuế GSP từ năm 2015, do đó, ưu đãi thuế quan từ Hiệp định EVFTA sẽ tạo ra lợi thế cạnh tranh ngày càng lớn cho mặt hàng tôm chế biến của



FMC. Ngoài ra, tại thị trường Mỹ, mức thuế CBPG của tôm Việt Nam tại kỳ POR 13 là 0% là tiền đề để FMC gia tăng giá trị xuất khẩu tôm trong giai đoạn tới. Đối với thị trường Nhật Bản, với quá trình làm việc lâu dài, sản lượng tôm xuất khẩu của FMC sang thị trường Nhật Bản được kỳ vọng duy trì ổn định.

Tỷ suất lợi nhuận gộp: Kể từ đầu năm 2020, diện tích vùng nuôi tôm của FMC tăng từ 190ha lên 270ha, tương đương mức tự chủ từ 20% lên 25%-30%, giúp hạn chế một phần ảnh hưởng của giá tôm nguyên liệu trên thị trường, do đó, kỳ vọng tỷ suất lợi nhuận gộp sẽ được tiếp tục cải thiện trong thời gian tới.

Giá tôm nguyên liệu đầu vào tăng: đầu năm 2020 nhiều hộ dân nuôi tôm đã chủ động thu hoạch tôm sớm hoặc treo ao trong tâm lý lo ngại diễn biến khó lường của dịch COVID-19 khiến lượng tôm thu hoạch cuối năm giảm, cũng như nhu cầu thu mua tôm chế biến của các doanh nghiệp cuối năm sẽ tăng cao.

Bên cạnh những yếu tố thuận lợi và đan xen những khó khăn do ảnh hưởng của dịch COVID-19, Công ty đã thận trọng đưa ra kế hoạch lợi nhuận trước thuế đạt 235 tỷ, giảm 0,4%. Mặt khác, Công ty vẫn duy trì tỷ lệ chi trả cổ tức tiền mặt năm 2020 là 25%.

16. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Dưới góc độ của tổ chức tư vấn, Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI đã thu thập thông tin, tiến hành nghiên cứu phân tích và đánh giá cần thiết về hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta cũng như xem xét lĩnh vực kinh doanh mà Công ty đang hoạt động.

Với vị thế là doanh nghiệp trong top đầu ngành về chế biến và xuất khẩu tôm, đi cùng kế hoạch phát triển bài bản như tăng diện tích ao nuôi để nâng tỷ lệ chủ động tôm nguyên liệu lên 30% và kế hoạch mở rộng xây dựng nhà máy Thủy sản Sao Ta với công suất 15.000 tấn để phát triển sản phẩm tôm chế biến cao cấp cho thị trường chiến lược EU và Mỹ. Dựa trên kết quả kinh doanh ổn định của Công ty trong các năm vừa qua, đi cùng với sự phục hồi tăng trưởng mạnh mẽ của ngành tôm xuất khẩu nhờ các hiệp định thương mại, chúng tôi nhận thấy, kế hoạch lợi nhuận mà Công ty đưa ra có tính khả thi. Tuy nhiên, trong bối cảnh dịch bệnh COVID-19 bùng phát và lan rộng đến toàn thế giới, trong đó các thị trường xuất khẩu trọng điểm của tôm Việt Nam như Mỹ, EU, Nhật Bản, tình hình dịch bệnh đến nay vẫn còn diễn biến khá phức tạp, các biện pháp phong tỏa, hạn chế đến các nơi công cộng, nhà hàng, khách sạn, ... đã phần nào làm ảnh hưởng tiêu cực đến sức tiêu thụ tôm trên toàn cầu. Nếu không có những biến động bất thường và bất khả kháng tác động đến HĐKD thì kế hoạch LN mà Công ty đưa ra là có tính khả thi và Công ty có thể đảm bảo được tỷ lệ chi trả cổ tức như kế hoạch.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của



những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.

Lưu ý: Những đánh giá và nhận định của tổ chức tư vấn chỉ mang tính chất tham khảo, không đảm bảo chắc chắn cho kết quả thực hiện kế hoạch kinh doanh của Công ty cũng như bao hàm hay đảm bảo cho giá cổ phiếu của Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta.

17. Thời hạn dự kiến đưa cổ phiếu vào giao dịch trên thị trường có tổ chức

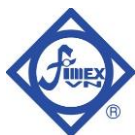
Cổ phiếu FMC hiện đang niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSX), do vậy, ngay sau khi kết thúc đợt chào bán, Công ty sẽ thực hiện các thủ tục niêm yết bổ sung và lưu ký bổ sung số cổ phiếu phát hành thêm trên HSX và Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam theo đúng quy định của pháp luật.

18. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức phát hành

Không có.

19. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu chào bán

Không có.



V. CỔ PHIẾU CHÀO BÁN

1. **Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông**
2. **Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu**
3. **Tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán: 9.808.800 cổ phần**
4. **Giá chào bán dự kiến: 25.000 đồng/cổ phiếu**

Giá chào bán cho cổ đông hiện hữu: **25.000 đồng/cổ phiếu**

5. Phương pháp tính giá

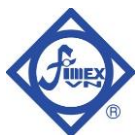
Giá chào bán cho Cổ đông hiện hữu dự kiến: 25.000 đồng/cổ phiếu

Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần FMC tại các thời điểm, chi tiết như sau:

Chỉ tiêu		Đơn vị	31/12/2019	30/6/2020	30/9/2020
Vốn chủ sở hữu	(1)	Đồng	938.757.836.082	947.289.430.652	1.017.600.947.005
Lợi ích của Cổ đông không kiểm soát	(2)	Đồng	0	0	0
Nguồn VCSH thuộc về Cổ đông	(3)=(1-2)	Đồng	938.757.836.082	947.289.430.652	1.017.600.947.005
Tổng số lượng cổ phiếu đã phát hành	(4)	Cổ phiếu	49.044.000	49.044.000	49.044.000
Cổ phiếu quỹ	(5)	Cổ phiếu	0	0	0
Tổng số lượng cổ phiếu đã phát hành - Cổ phiếu quỹ	(6)=(4-5)	Cổ phiếu	49.044.000	49.044.000	49.044.000
Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần (BV) = Nguồn VCSH thuộc về Cổ đông/ (Tổng số lượng cổ phiếu đã phát hành - Cổ phiếu quỹ)	(3)/(6)	Đồng/Cổ phiếu	19.141	19.315	20.749

Giá thị trường: bình quân giá đóng cửa của cổ phiếu FMC trong 20 phiên gần nhất (tính đến ngày 31/10/2020) là 30.200 đồng/cổ phần.

Căn cứ vào Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường số 19/NQ_ĐHĐCĐ ngày 18/10/2020, giá chào bán cho cổ đông hiện hữu không thấp hơn giá trị sổ sách tại thời điểm 30/6/2020, nên FMC chào bán cổ phiếu cho cổ đông với giá là 25.000 đồng/cổ phiếu, giá chào bán cao hơn giá trị sổ sách tại thời điểm 30/6/2019 là 29%, tuy nhiên thấp hơn giá thị trường bình quân 20 phiên gần nhất là 17%.



6. Phương thức phân phối

Hình thức chào bán:	Chào bán thêm cổ phần ra công chúng cho Cổ đông hiện hữu
Đối tượng chào bán:	Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách Cổ đông do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam chốt tại ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền mua cổ phần
Số lượng cổ phần chào bán:	Dự kiến 9.808.800 cổ phần
Giá chào bán dự kiến:	10.000 đồng/cổ phần
Tổng giá trị chào bán theo giá chào bán:	245.220.000.000 đồng
Tỷ lệ thực hiện quyền:	Tỷ lệ thực hiện quyền 5:1 (01 cổ phần được hưởng 01 quyền, 05 quyền được mua 01 cổ phần mới) Số cổ phần mỗi Cổ đông được quyền mua sẽ làm tròn xuống đến hàng đơn vị.
Phương án xử lý cổ phần lẻ và cổ phần không chào bán hết trong trường hợp Cổ đông hiện hữu không thực hiện quyền mua hoặc thực hiện một phần quyền mua ("Cổ Phần Cần Phân Phối"):	<ul style="list-style-type: none">– Giao HĐQT toàn quyền quyết định về tất cả các vấn đề để xử lý số Cổ Phần Cần Phân Phối với giá không thấp hơn giá chào bán cho Cổ đông hiện hữu cho các nhà đầu tư (bao gồm cả các Cổ đông hiện hữu, người nội bộ của Công ty) có nhu cầu và năng lực tài chính để mua số Cổ Phần Cần Phân Phối này. Trường hợp Nhà đầu tư mua Cổ Phần Cần Phân Phối dẫn tới việc sở hữu tổng số cổ phần có quyền biểu quyết vượt tỷ lệ phải chào mua công khai theo quy định của pháp luật thì không phải thực hiện thủ tục chào mua công khai.– Số Cổ Phần Cần Phân Phối khi được bán tiếp cho Nhà đầu tư sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 (một) năm kể từ ngày hoàn thành đợt phát hành, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.
Điều kiện hạn chế chuyển nhượng:	Không bị hạn chế chuyển nhượng
Chuyển nhượng quyền mua:	Cổ đông sở hữu quyền mua có thể chuyển nhượng quyền mua cổ phần của mình cho một hoặc nhiều người/tổ chức khác, bên nhận chuyển nhượng quyền mua sẽ không được chuyển nhượng cho bên thứ ba.
Thời gian dự kiến chào bán:	Trong năm 2020 hoặc cho đến trước Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 và sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.



Địa điểm thực hiện:	<ul style="list-style-type: none"> - Đối với các Cổ đông đã lưu ký chứng khoán: Phân phối thông qua Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam và các thành viên lưu ký. - Đối với các Cổ đông chưa lưu ký chứng khoán: Phân phối tại trụ sở CTCP Thực phẩm Sao Ta. Thời điểm cụ thể chốt danh sách Cổ đông được quyền mua cổ phiếu phát hành thêm sẽ được Công ty công bố với Cổ đông trong vòng 7 ngày kể từ ngày Công ty nhận được Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng của Ủy ban chứng khoán Nhà nước
---------------------	--

7. Thời gian phân phối cổ phiếu

Cổ phiếu chào bán cho Cổ đông hiện hữu sẽ được phân phối trong năm 2020 hoặc năm 2021 và sau khi được UBCKNN cấp giấy chứng nhận chào bán chứng khoán ra công chúng theo quy định. Thời gian phân phối cổ phiếu cho Cổ đông hiện hữu dự kiến trong vòng 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày nhận được Giấy chứng nhận đăng ký chào bán do UBCKNN cấp. Trường hợp do các nguyên nhân khách quan không thể hoàn thành việc phân phối chứng khoán trong thời hạn này, Công ty sẽ xin phép UBCKNN gia hạn việc phân phối chứng khoán nhưng tối đa không quá ba mươi ngày.

Dự kiến thời gian phân phối cổ phiếu như sau:

STT	Nội dung công việc	Thời gian dự kiến thực hiện
1	Nhận giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng của UBCKNN	D
2	Gửi hồ sơ đến VSD, HOSE, thông báo về việc thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm cho Cổ đông gồm thông tin các ngày cụ thể như: ngày đăng ký cuối cùng, thời gian chuyển nhượng quyền, thời gian đăng ký mua/ thực hiện quyền. (Trong trường hợp này, ngày đăng ký cuối cùng dự kiến là: D+11)	D+1 đến D+3
3	Công bố thông tin theo quy định	D đến D+7
4	Công ty nhận danh sách tổng hợp người sở hữu được phân bổ quyền	D+13
5	Phối hợp cùng với VSD phân bổ quyền mua cổ phiếu đến các thành viên lưu ký và các Cổ đông chưa lưu ký cổ phiếu	D+19 đến D+26
6	Các Cổ đông tiến hành đăng ký, chuyển nhượng quyền mua và nộp tiền mua cổ phần	D+20 đến D+35



STT	Nội dung công việc	Thời gian dự kiến thực hiện
7	Tổng hợp việc thực hiện quyền mua của Cổ đông hiện hữu. Lập báo cáo trình HĐQT để HĐQT quyết định phương thức xử lý đối với số cổ phiếu mà Cổ đông hiện hữu không mua hết	D+36 đến D+40
8	Xử lý cổ phần lẻ và số cổ phần không chào bán hết (nếu cần thiết)	D+40 đến D+45
9	Báo cáo kết quả phát hành và hoàn tất thủ tục lưu ký và niêm yết bổ sung	D+45 đến D+65

(Trong đó, ngày D là ngày làm việc)

8. Đăng ký mua cổ phiếu

- Thời hạn đăng ký mua cổ phiếu:

Thời gian đăng ký mua cổ phiếu sẽ phụ thuộc vào thời gian phân phối cổ phiếu. Công ty sẽ thông báo thời gian đăng ký cụ thể trong Bản thông báo phát hành và đảm bảo thời hạn đăng ký mua cổ phiếu cho Cổ đông tối thiểu là 20 (hai mươi) ngày theo đúng quy định.

- Số lượng cổ phiếu đăng ký mua:

Là số lượng cổ phiếu mà Cổ đông hiện hữu được quyền mua theo tỷ lệ hoặc/và số lượng cổ phiếu từ việc nhận chuyển nhượng quyền mua hoặc/và số lượng cổ phiếu không bán hết được HĐQT quyết định phân phối tiếp.

- Phương thức thanh toán, chuyển giao cổ phiếu

Phương thức thanh toán

Trong thời hạn ít nhất 20 ngày kể từ ngày quyền mua có hiệu lực, Cổ đông thuộc Danh sách người sở hữu quyền mua sẽ đăng ký thực hiện quyền mua cổ phần và nộp tiền theo tỷ lệ được mua đã quy định. Các Cổ đông mở tài khoản và lưu ký cổ phiếu ở Thành viên Lưu ký nào sẽ đăng ký thực hiện quyền mua cổ phần tại Thành viên lưu ký đó. Cổ đông chưa thực hiện lưu ký chứng khoán sẽ đăng ký thực hiện quyền mua cổ phần tại trụ sở Công ty và nộp tiền mua cổ phần vào tài khoản phong tỏa.

Chuyển giao cổ phiếu:

Sau khi Công ty hoàn thành đợt chào bán và hoàn thành thay đổi đăng ký chứng khoán; cổ phiếu phát hành thêm sẽ được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán phân bổ vào tài khoản chứng khoán của các Cổ đông đã lưu ký chứng khoán; các Cổ đông chưa lưu ký chứng khoán sẽ nhận được giấy chứng nhận sở hữu cổ phiếu phát hành thêm tại Trụ sở của Công ty, hoặc bổ sung thông tin về số cổ phiếu mới vào Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần đã cấp.

- Quyền lợi của người mua cổ phiếu:



Cổ phiếu phát hành thêm cho Cổ đông hiện hữu là cổ phiếu phổ thông, không bị hạn chế chuyển nhượng.

- Số lượng cổ phiếu đặt mua tối thiểu:
Không giới hạn số lượng cổ phiếu đặt mua tối thiểu.
- Thời hạn và cách thức trả lại tiền đặt mua cổ phiếu trong trường hợp số lượng cổ phiếu đăng ký mua không đạt mức tối thiểu:
Tỷ lệ chào bán thành công tối thiểu của đợt chào bán là 70%.

Trong trường hợp cổ phần không phân phối hết theo dự kiến và số lượng vốn huy động không đạt đủ như dự kiến, HĐQT sẽ cân nhắc huy động các nguồn vốn vay ngân hàng để bù đắp

9. Phương thức thực hiện quyền

- Điều kiện thực hiện quyền: Các Cổ đông có tên trong Danh sách người sở hữu cuối cùng tại ngày chốt danh sách phân bổ quyền mua.
- Thời gian thực hiện quyền: Theo thời gian nêu trong lịch trình dự kiến tại mục V.7
- Phương thức thực hiện quyền: Cổ đông đã lưu ký chứng khoán đăng ký mua cổ phần, chuyển nhượng quyền mua cổ phần, thực hiện quyền mua cổ phần tại Thành viên Lưu ký nơi Cổ đông mở tài khoản chứng khoán. Cổ đông chưa thực hiện lưu ký chứng khoán sẽ thực hiện các quyền tương tự trên tại Trụ sở Công ty.
- Quyền lợi người mua cổ phiếu: Cổ đông hiện hữu được quyền mua cổ phiếu, có quyền từ chối quyền mua hoặc chuyển nhượng quyền mua của mình trong thời gian quy định. Các Cổ đông có quyền chuyển nhượng quyền mua cổ phần của mình (nhưng chỉ chuyển nhượng một lần - không chuyển nhượng cho người thứ ba) cho người khác theo giá thỏa thuận giữa bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng. Bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng tự thỏa thuận mức giá chuyển nhượng và thanh toán tiền chuyển nhượng quyền.
- Phương thức xử lý cổ phần chưa phân phối hết
- Đối với số cổ phần chưa chào bán hết cho Cổ đông hiện hữu:
Số cổ phần còn lại chưa phân phối hết cho Cổ đông hiện hữu bao gồm: (i) Số cổ phần còn dư do cổ đông không thực hiện quyền mua; (ii) Số cổ phần lẻ phát sinh do làm tròn khi phân phối cho Cổ đông hiện hữu; (iii) Số cổ phần lẻ do làm tròn xuống đến hàng đơn vị (sau đây gọi tắt là Cổ Phần Cần Phân Phối)
Số Cổ Phần Cần Phân Phối sẽ được HĐQT chào bán cho các nhà đầu tư khác với giá chào bán không thấp hơn giá chào bán cho Cổ đông hiện hữu cho các nhà đầu tư (bao gồm cả các Cổ đông hiện hữu, người nội bộ của Công ty) có nhu cầu và năng lực tài chính để mua số cổ phần. Trường hợp nhà đầu tư mua Cổ Phần Cần Phân Phối dẫn tới việc sở hữu tổng số cổ phần có quyền biểu quyết vượt tỷ lệ



phải chào mua công khai theo quy định của pháp luật thì không phải thực hiện thủ tục chào mua công khai.

Số Cổ Phần Cần Phân Phối khi được bán tiếp cho Nhà đầu tư sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 (một) năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Việc phân phối số Cổ Phần Cần Phân Phối cho các nhà đầu tư khác phải đáp ứng các điều kiện sau:

- + Tuân thủ quy định tại điều 189 Luật Doanh nghiệp 2014: "Công ty con không được đầu tư góp vốn, mua cổ phần công ty mẹ, các công ty con của cùng một công ty mẹ không được cùng nhau góp vốn, mua cổ phần để sở hữu chéo nhau."
- + Đảm bảo các điều kiện chào bán cổ phiếu riêng lẻ quy định tại Điều 4 Nghị định số 58/2012/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung bởi khoản 3 Điều 1 Nghị định số 60/2015/NĐ-CP
- Phương án huy động vốn trong trường hợp cổ phiếu không chào bán hết theo dự kiến:
 - + HĐQT xin gia hạn đợt chào bán để tiếp tục chào bán nốt số cổ phiếu chưa chào bán hết (nếu cần thiết)
 - + Trong trường hợp cổ phần không phân phối hết theo dự kiến và số lượng vốn huy động không đạt đủ như dự kiến, HĐQT sẽ cân nhắc điều chỉnh tiến độ triển khai dự án và huy động các nguồn vốn vay ngân hàng để bù đắp

10. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của FMC không có quy định cụ thể giới hạn tỷ lệ nắm giữ đối với Nhà đầu tư nước ngoài. Nhà đầu tư nước ngoài được phép mua cổ phần của Công ty theo quy định tại Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Do là doanh nghiệp đại chúng đăng ký niêm yết trên HOSE nên tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu FMC của Nhà đầu tư nước ngoài phải tuân thủ theo quy định tại Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/6/2015 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Thông tư số 123/2015/TT-BTC hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Căn cứ Khoản 2a Điều 2 Nghị định 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012 được sửa đổi bổ sung bởi Khoản 2 Điều 1 Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/6/2015 về tỷ lệ sở hữu nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam quy định:

"1. Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại công ty đại chúng như sau:

- a) Trường hợp điều ước quốc tế mà Việt Nam là Thành viên có quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài, thì thực hiện theo điều ước quốc tế;*
- b) Trường hợp công ty đại chúng hoạt động trong ngành, nghề đầu tư kinh doanh mà pháp luật về đầu tư, pháp luật liên quan có quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài thì thực hiện theo quy định tại pháp luật đó.*



Đối với công ty đại chúng hoạt động trong ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài mà chưa có quy định cụ thể về sở hữu nước ngoài, thì tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa là 49%;

c) Trường hợp công ty đại chúng hoạt động đa ngành, nghề, có quy định khác nhau về tỷ lệ sở hữu nước ngoài, thì tỷ lệ sở hữu nước ngoài không vượt quá mức thấp nhất trong các ngành, nghề (mà công ty đó hoạt động) có quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài, trừ trường hợp điều ước quốc tế có quy định khác;

d) Đối với công ty đại chúng không thuộc các trường hợp quy định tại Điểm a, b, c Khoản này, tỷ lệ sở hữu nước ngoài là không hạn chế, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.”

Theo Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp số 5900181213, thay đổi lần thứ 16 ngày 24/6/2019, FMC đăng ký 19 ngành nghề kinh doanh với giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài như sau

TT	Ngành nghề kinh doanh	Mã ngành	Tỷ lệ sở hữu tối đa của NGT nước ngoài
1.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020 (Chính)	100%
2.	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322	100%
3.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. <i>Chi tiết: Kinh doanh bất động sản</i>	6810	49%
4.	Bán buôn thực phẩm <i>Chi tiết: Xuất khẩu, bán buôn mặt hàng thủy sản, nông sản.</i>	4632	100%
5.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610	100%
6.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày <i>Chi tiết: Khách sạn</i>	5510	100%
7.	Bán buôn đồ uống	4633	100%
8.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113	100%
9.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933	51%
10.	Cho thuê xe có động cơ	7710	100%
11.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác <i>Chi tiết: Nhập khẩu máy móc, thiết bị, vật tư phục vụ trong ngành chế biến</i>	4659	100%
12.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118	100%
13.	Sản xuất giấy nhẵn, bì nhẵn, bao bì từ giấy và bìa	1702	100%



TT	Ngành nghề kinh doanh	Mã ngành	Tỷ lệ sở hữu tối đa của NĐT nước ngoài
	<i>Chi tiết: Sản xuất bao bì bằng giấy, bì</i>		
14.	In ấn	1811	100%
15.	Sản xuất sản phẩm từ plastic <i>Chi tiết: sản xuất bao bì từ plastic</i>	2220	100%

Nguồn: Cổng thông tin quốc gia về đầu tư nước ngoài

Tỷ lệ sở hữu của Nhà đầu tư nước ngoài được tra cứu theo Danh mục điều kiện đầu tư đối với Nhà đầu tư nước ngoài trên trang <https://dautunucngoai.gov.vn/fdi/nganhnghedautu/6> và Danh mục ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện tại Phụ lục 4 Luật Đầu tư 2014.

Căn cứ theo quy định tại Khoản 2a Điều 2 Nghị định 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012 được sửa đổi bổ sung bởi Khoản 2 Điều 1 Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/6/2015 của Chính phủ; tỷ lệ sở hữu tối đa của Nhà đầu tư nước ngoài của Công ty là 49%. Tính đến ngày 31/10/2020, tỷ lệ nắm giữ của các Cổ đông nước ngoài tại Công ty là 4.412.689 cổ phần chiếm 9,00% số lượng cổ phiếu đang lưu hành của FMC.

11. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng

- Các Cổ đông có quyền chuyển nhượng quyền mua cổ phần của mình nhưng chỉ được chuyển nhượng một lần và không chuyển nhượng cho người thứ ba.
- Số lượng cổ phiếu phát hành cho Cổ đông đăng ký mua theo tỷ lệ thực hiện quyền mua hoặc được nhận chuyển nhượng quyền mua thông qua chào bán là cổ phiếu phổ thông không bị hạn chế chuyển nhượng.
- Số lượng cổ phiếu phát hành cho nhà đầu tư mua số Cổ Phần Cần Phân Phối đối với cổ phiếu lẻ và cổ phần không bán hết trong trường hợp Cổ đông hiện hữu không thực hiện quyền mua hoặc thực hiện một phần quyền mua sẽ bị hạn chế chuyển nhượng 01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt phát hành

12. Các loại thuế liên quan

12.1 Đối với Công ty

12.1.1 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Từ năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty áp dụng Thông tư số 96/2015/TT-BTC ban hành bởi Bộ tài chính ngày 22 tháng 06 năm 2015 hướng dẫn về thuế TNDN (Thông tư 96) và công văn số 1327/CT-TTr từ Cục Thuế tỉnh Sóc Trăng ngày 1 tháng 12 năm 2015. Chi tiết như sau:

- Đối với hoạt động hàng nông sản và thủy sản ở vùng đặc biệt khó khăn: Công ty được miễn thuế TNDN trong suốt thời gian hoạt động.



- Đối với hoạt động hàng thủy sản ở vùng khó khăn: Công ty được hưởng lãi suất 10% cho toàn bộ thời gian hoạt động.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính của Công ty có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

12.1.2 Thuế giá trị gia tăng (VAT)

Thuế giá trị gia tăng áp dụng đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty thực hiện theo quy định của Luật Thuế giá trị gia tăng năm 2008 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Thuế suất thuế giá trị gia tăng mà Công ty phải chịu là 10%.

12.2 Đối với nhà đầu tư

12.2.1 Đối với nhà đầu tư cá nhân

- Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán

Đối với nhà đầu tư trong nước: thì thuế suất đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán là 0,1% trên giá bán chứng khoán từng lần được quy định tại điểm 2 Điều 16 Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành luật sửa đổi bổ sung một số điều của các Luật về Thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về Thuế.

Đối với nhà đầu tư nước ngoài: thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán áp dụng thuế suất thuế TNCN 0,1% trên tổng số tiền nhận được từ việc chuyển nhượng được áp dụng theo quy định tại điểm 2 Điều 20 Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 01/10/2013 về việc “Thu nhập về đầu tư vốn và thu nhập từ chuyển nhượng vốn”.

- Thu nhập từ cổ tức

Cũng theo Thông tư số 111/2013/TT-BTC, thu nhập của cá nhân từ cổ tức cũng được xem là thu nhập chịu thuế với mức thuế suất toàn phần là 5%.

Trường hợp nhà đầu tư nhận cổ tức bằng tiền mặt, thuế thu nhập cá nhân được tính bằng cổ tức mỗi lần trả nhân với thuế suất 5%. Trường hợp nhận cổ tức bằng cổ phiếu hoặc cổ phiếu thưởng, nhà đầu tư chưa phải nộp thuế khi nhận cổ phiếu, nhưng khi tiến hành chuyển nhượng số cổ phiếu này thì nhà đầu tư mới phải thực hiện nghĩa vụ thuế và áp dụng mức thuế suất tương tự như trường hợp chuyển nhượng chứng khoán.

12.2.2 Đối với nhà đầu tư tổ chức

- Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán



Tổ chức trong nước: Theo quy định tại Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014, thu nhập từ chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng chứng khoán là thu nhập khác áp dụng thuế suất thuế TNDN là 20%.

Riêng đối doanh nghiệp nước ngoài, tổ chức nước ngoài sản xuất kinh doanh tại Việt Nam không theo Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư thì thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán sẽ nộp thuế TNDN theo tỷ lệ 0,1% trên doanh thu tính thuế theo hướng dẫn tại Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 06/08/2014.

Thu nhập từ cổ tức: được miễn thuế theo quy định tại Khoản 6, Điều 4 Luật Thuế TNDN 2008.

13. Ngân hàng mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu

Toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu FMC cho cổ đông hiện hữu và đợt phát hành cổ phiếu cho cán bộ công nhân viên theo chương trình lựa chọn người lao động trong Công ty sẽ được chuyển vào tài khoản phong tỏa của Công ty:

- Tên người thụ hưởng : **Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta**
- Số tài khoản : 032.100.062919.9
- Mở tại Ngân hàng : Vietcombank Sóc Trăng

VI. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

1. Mục đích chào bán

Căn cứ vào diễn biến thị trường và tình hình phức tạp của dịch COVID-19, cũng như khả năng thực thi hiệp định EVFTA. Căn cứ vào trình độ chế biến của Công ty và dựa trên những ưu thế của FMC về khả năng phát triển nuôi tôm, năng lực quản trị tổ chức sản xuất và kinh doanh tôm.

Bên cạnh việc đảm bảo cơ cấu vốn hợp lý, huy động nguồn vốn đầu tư để mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh năm 2021 và những năm tiếp theo, từ đó củng cố vị thế, nâng cao năng lực cạnh tranh của Công ty trên cơ sở đảm bảo quyền lợi của các cổ đông và tuân thủ quy định của Nhà nước đối với việc phát hành cổ phiếu để huy động vốn của công ty đại chúng.

Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2020 của FMC đã phê duyệt thông qua phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu. Theo đó, tổng số tiền thu được từ đợt chào bán sẽ được sử dụng để đầu tư mở rộng xây dựng Nhà máy mới, Nhà máy Thủy sản Sao Ta, để chế biến tôm cao cấp, góp phần mở rộng quy mô kinh doanh tôm của FMC với thị trường chiến lược là EU.



2. Phương án khả thi

2.1 Căn cứ pháp lý của Dự án

- Quyết định chủ trương đầu tư số 90/QĐ-BQL ngày 04 tháng 12 năm 2020 của Ban quản lý các Khu Công nghiệp tỉnh Sóc Trăng cấp cho Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta.
- Nghị quyết số 19/NQ_ĐHĐCĐ ngày 18/10/2020 của Đại hội đồng cổ đông bất thường Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta cho việc phê duyệt thông qua dự án đầu tư xây dựng mới Nhà máy Thủy sản Sao Ta.

2.2 Sự cần thiết phải đầu tư dự án:

Tỉnh Sóc Trăng thuộc vùng đồng bằng sông Cửu Long, nằm ở hạ lưu sông Hậu, có bờ biển dài 72km tiếp giáp với biển Đông, khoảng 60.000 ha đất thuận lợi cho việc phát triển khai thác và nuôi trồng thủy sản. Diện tích vùng kinh tế biển khoảng 30.000km² do tỉnh Sóc Trăng khai thác và quản lý. Sóc Trăng có hệ thống sông rạch chằng chịt, hệ sinh thái rất thích hợp để phát triển ngành thủy sản. Mặt khác, Tỉnh còn có một đội ngũ đông đảo lao động nghề thủy sản cần cù, chịu khó học hỏi, không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn kỹ thuật trong hoạt động ngư nghiệp, nhạy bén trong tiếp thu và ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất. Xuất phát từ những thuận lợi cơ bản trên, nghề nuôi trồng và khai thác thủy hải sản của Sóc Trăng có bước chuyển biến đi lên rõ rệt.

Trên cơ sở hiện trạng và tiềm năng hiện có, Sóc Trăng định hướng phát triển ngành kinh tế ngư nghiệp của tỉnh đến năm 2025 là: Ổn định diện tích nuôi thủy sản ở mức 80.000 ha, trong đó diện tích nuôi tôm là 60.000 ha, quan tâm phát triển nuôi thủy sản vùng ngọt gắn chặt với sản xuất nông nghiệp, xây dựng vùng nuôi thủy sản sạch, trồng rừng, thủy lợi và bảo vệ môi trường.

Từ những phân tích nêu trên nhận thấy Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta đầu tư xây dựng Nhà Máy Thủy Sản Sao Ta trong Khu công nghiệp An Nghiệp tỉnh Sóc Trăng là rất cần thiết nhằm nâng cao công suất chế biến thủy sản đông lạnh xuất khẩu và tăng kim ngạch xuất khẩu của tỉnh Sóc Trăng.

Với nguồn lực sẵn có của Công ty và điều kiện thuận lợi về thị trường tiêu thụ, nhất là được sự tín nhiệm của khách hàng trên thế giới. Từ những mặt hàng có giá trị gia tăng trong những năm đầu, đến nay Công ty đã có hơn 20 mặt hàng có giá trị cao. Nhằm đa dạng hóa chủng loại mặt hàng xuất khẩu, kịp thời đáp ứng những yêu cầu của thị trường tiêu thụ về tiêu chuẩn chất lượng, kiểu dáng và mẫu mã hàng xuất khẩu mà nhất là mặt hàng tinh chế chất lượng cao, tăng tỷ suất lợi nhuận và tăng lợi thế cạnh tranh, muốn được như vậy công ty phải có một khu vực chế biến riêng biệt. Trên cơ sở đó Công ty nhận thấy việc đầu tư Nhà Máy Thủy Sản Sao Ta là rất cần thiết và phù hợp với kế hoạch kinh doanh cũng như định hướng phát triển ngành.

2.3 Mô tả chi tiết về dự án:

Chủ đầu tư dự án:	Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
Mục tiêu đầu tư dự án:	Sản xuất mặt hàng tôm đông block, tôm đông rời (luộc và tươi), Nobashi.... đông lạnh xuất khẩu



BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN 2020
CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM SAO TA

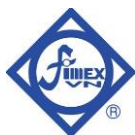


Quy mô đầu tư dự án:	15.000 tấn thành phẩm/năm
Thời gian hoạt động của dự án:	50 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đầu tư
Diện tích đất của dự án:	46.153,70m ²
Địa điểm thực hiện:	Thửa đất số 743, Tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại Khóm 2, Phường 7, Thành phố Sóc Trăng, Tỉnh Sóc Trăng (thuộc Lô K, Khu Công Nghiệp An Nghiệp, xã An Hiệp, Huyện Châu Thành, Tỉnh Sóc Trăng).
Tổng mức đầu tư dự án:	280.000.000.000 đồng (hai trăm tám mươi tỷ đồng)
Sản phẩm, dịch vụ chính của dự án:	<ul style="list-style-type: none"> - Chế biến tôm duỗi: 5.000 tấn/năm - Chế biến tôm đông rời (tươi, luộc): 10.000 tấn/năm
Tiến độ dự án:	<ul style="list-style-type: none"> - Tháng 11 năm 2020: khảo sát sơ bộ hiện trạng và ký kết hợp đồng về khảo sát, lập dự án, thực hiện hồ sơ thủ tục xin cấp chủ trương đầu tư. - Từ tháng 11 năm 2020 đến tháng 01 năm 2021: lập báo cáo đánh giá tác động môi trường trình cơ quan thẩm quyền phê duyệt và lập hồ sơ dự án xin thuê đất. - Từ tháng 02 năm 2021 đến tháng 04 năm 2021: san lấp mặt bằng, xây dựng tường rào, lập thủ tục thẩm duyệt PCCC, xin cấp phép xây dựng và các giấy phép khác theo quy định. - Tháng 10 năm 2022 đến tháng 11 năm 2022: chạy thử nghiệm và chính thức đi vào hoạt động.

2.4 Cơ cấu sử dụng đất của dự án

Với địa hình hiện trạng của khu vực, việc bố trí công trình được định hướng khoa học, hợp lý và thuận tiện cũng như đảm bảo an toàn, đáp ứng các tiêu chí xây dựng theo quy định, tổng mặt bằng bố trí các hạng mục cụ thể như sau:

STT	Hạng mục	Diện tích (m ²)	Cơ cấu (%)
A	Diện tích xây dựng	28.405,12	61,54
1	Xưởng chế biến	18.180,90	39,39
2	Kho lạnh	3.088,00	6,69
3	Cụm văn phòng, y tế, phòng giặt, nhà kho	2.525,02	5,47
4	Nhà xe công nhân	1.659,94	3,60
5	Xưởng cơ điện	1.296,60	2,81
6	Căn tin	1.060,00	2,30
7	Nhà xe văn phòng	183,60	0,40
8	Nhà rác thải phế liệu	151,72	0,33
9	Nhà rác thải nguy hại	150,00	0,33
10	Nhà bảo vệ 1	60,00	0,13



11	Nhà rác thải sinh hoạt	39,34	0,09
12	Nhà bảo vệ 2	10,00	0,02
B	Sân đường, bãi xe	13.191,00	28,58
C	Cây xanh, tường rào	4.557,58	9,87
	Tổng cộng	46.153,70	100,00

2.5 Tổng mức đầu tư của dự án

Dự toán, tổng mức đầu tư của dự án, chi tiết như sau:

STT	Chi phí	Số tiền (đồng)	Tỷ lệ (%)
1	Chi phí thiết bị	150.000.000.000	53,57%
2	Chi phí xây dựng, mua tài sản, san lấp mặt bằng	121.154.766.000	43,27%
3	Chi phí quản lý dự án, Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng, Chi phí khác và Chi phí dự phòng theo quy định (tạm tính)	8.845.234.000	3,16%
	Tổng cộng	280.000.000.000	100,00%

2.6 Nguồn vốn đầu tư dự án

Nguồn vốn đầu tư dự án chi tiết như sau:

STT	Chỉ tiêu	Số tiền (tỷ đồng)	Tỷ lệ (%)
1	Vốn tự có và vốn huy động hợp pháp khác	280.000.000.000	100,00%
2	Vốn vay	0	0,00%
	Tổng cộng	280.000.000.000	100,00%

2.7 Chỉ tiêu hiệu quả dự án

STT	Các chỉ tiêu kinh tế	Đơn vị	Giá trị
1	Tổng vốn đầu tư	triệu đồng	280.000
2	Tổng doanh thu thuần bình quân	triệu đồng	3.928.860
3	Lợi nhuận trước thuế bình quân	triệu đồng	106.405
4	Giá trị hiện tại thuần (NPV)	triệu đồng	615.733
5	Thời gian thu hồi vốn	năm	3



6	Tỷ suất thu hồi vốn nội bộ (IRR)	%	39,94%
7	Nộp ngân sách nhà nước hằng năm	triệu đồng	21.281
	<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp</i>	<i>triệu đồng</i>	<i>21.281</i>

2.8 Đánh giá hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án

Mặt bằng thực hiện dự án là đất sạch, rất sẵn sàng cho việc khởi công xây dựng, đã có trục đường nội bộ chính rất thuận lợi lưu thông, vận chuyển.

Đây là một dự án đầu tư xét có tính hiệu quả cao của Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta. Dự án sẽ tạo công ăn việc làm ổn định cho trên 3.000 lao động.

Về mặt tài chính: Dự án có tính khả thi, thời gian thu hồi vốn nhanh, phương án trả nợ có độ an toàn tin cậy.

2.9 Hiện trạng của dự án

Theo chủ trương đầu tư thực hiện dự án của Ban lãnh đạo và các cam kết với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền tại địa phương, hiện dự án cơ bản đã sẵn sàng cho việc khởi công xây dựng.

Bên cạnh đó, địa hình khu đất dự kiến xây dựng là đất ruộng đang được san lấp đến cao trình +2.00m, chỉ cần dọn cỏ có thể tiến hành xây dựng ngay. Ngoài ra, hiện trạng hạ tầng kỹ thuật như hệ thống thoát nước mưa, hệ thống thoát bản, hệ thống giao thông, hệ thống cấp điện, nước và hệ thống thông tin liên lạc đã tương đối hoàn chỉnh, thuận tiện để ngay khi công trình hoàn thành sẽ có thể đầu nối vào để hoạt động.

VII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 19 ngày 18/10/2020 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 08A/NQ.HĐQT.20 ngày 12/11/2020, toàn bộ số tiền dự kiến thu từ đợt phát hành là 245.220.000.000 đồng (*tương ứng số lượng chào bán 9.808.800 cổ phiếu x giá chào bán 25.000 đồng/cổ phiếu*) sẽ được Công ty sử dụng vào mục đích tài trợ cho dự án xây dựng công trình nhà máy Thủy sản Sao Ta.

TT	Mục đích	Giá trị sử dụng dự kiến	Thời gian sử dụng
1	Chi phí xây dựng	95.220.000.000	Quý 2 năm 2021
2	Chi phí mua thiết bị (*)	150.000.000.000	Quý 4 năm 2021
	Tổng cộng	245.220.000.000	



BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN 2020
CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM SAO TA



(*) *Thiết bị đầu tư dự kiến mua bao gồm:*

STT	Thiết bị	Số lượng/Công suất	Đơn vị
1	Hệ thống IQF 1.500kg/giờ	4	bộ
2	Dàn hấp 1000kg/giờ	2	dàn
3	Đá vẩy 30 tấn/ngày	5	bộ
4	Máy phân cỡ tự động 2,5 tấn/giờ	2	bộ
5	Kho lạnh	2.000	tấn
6	Trạm hạ thế 1.000KVA	3	trạm
7	Máy phát điện dự phòng 1.000 KVA	2	máy

- Phương án xử lý khi đợt phát hành không đủ số tiền dự kiến thu được:
 - Trong trường hợp cổ phiếu không được chào bán hết cho cổ đông hiện hữu thì số cổ phiếu không chào bán hết này đã được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng Quản trị tiếp tục chào bán cho các đối tượng khác với giá không thấp hơn mức giá chào bán cho cổ đông hiện hữu.
 - Nếu số lượng cổ phiếu chào bán không được mua hết và đợt chào bán đủ số tiền tối thiểu là 70% như dự kiến, tổng số tiền thu được từ đợt chào bán này chưa đủ để tài trợ cho dự án, thì Công ty sẽ tiếp tục sử dụng nguồn vốn sẵn có từ hoạt động kinh doanh của Công ty hoặc huy động từ các nguồn khác để bổ sung như vay vốn thương mại, vốn tín dụng ngân hàng để triển khai dự án.



VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN

1. Tổ chức chào bán

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM SAO TA

Địa chỉ: Km 2132 Quốc lộ 1A, Phường 2, TP. Sóc Trăng, Sóc Trăng

Điện thoại: (84.0299) 3822 223

Fax: (84.0299) 3822 122

Email: info@fimex.com.vn

Website: www.fimexvn.com

2. Tổ chức kiểm toán

CÔNG TY TNHH ERNST & YOUNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Lầu 28, Tòa nhà Bitexco Financial Tower, 02 Hải Triều, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84.28) 3824 5252

Fax: (84.28) 3824 5250

Email: eyhcmc@vn.ey.com

Website: www.ey.com

3. Tổ chức tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI (SSI)

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84.28) 3824 2897

Fax: (84.28) 3824 2997

Email: ssi@ssi.com.vn

Website: www.ssi.com.vn



IX. PHỤ LỤC

1. Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp
2. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị
3. Điều lệ Công ty
4. Báo cáo tài chính kiểm toán và Báo cáo tài chính quý gần nhất
5. Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được của đợt chào bán gần nhất
6. Các tài liệu khác.

X. NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA CÁC ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH, TỔ CHỨC TƯ VẤN



BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN 2020
CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM SAO TA



Sóc Trăng, ngày 29 tháng 12 năm 2020

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH
CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM SAO TA



CHỦ TỊCH HĐQT

[Handwritten signature]
HÒ QUỐC LỰC

TỔNG GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

KẾ TOÁN TRƯỞNG

[Handwritten signature]

[Handwritten signature]

[Handwritten signature]

PHẠM HOÀNG VIỆT

LƯU NGUYỄN TRÚC DUNG

TÔ MINH CHĂNG



TỔ CHỨC TƯ VẤN PHÁT HÀNH
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI
GIÁM ĐỐC KHỞI - KHỞI DỊCH VỤ NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ



NGUYỄN NGỌC ANH





BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN 2020
CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM SAO TA



TỔ CHỨC TƯ VẤN PHÁT HÀNH
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI
GIÁM ĐỐC KHỞI - KHỞI DỊCH VỤ NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ



NGUYỄN NGỌC ANH

